

VĂN ĐỀ

NGUYỆT SAN CHÍNH TRỊ KINH TẾ XÃ HỘI VĂN HÓA

Số 25

Tháng 8-1969

nguyễn đăng thực	1	ý thức hệ của một dân tộc
nguyễn trần kiêm	16	khởi điểm của vận động dân tộc chân chính.
vũ khắc khoan	43	những người không chịu chết
huỳnh phan anh	49	những ngày mưa
nguyễn quang hiện	57	đắm rước vào đời
sơ dạ hương	60	tháng sáu
nguyễn đình toàn	65	hơi thở
túy hồng	72	những sợi sắc không
hoàng ngọc tuần	81	tiếng hát hoang đường
mặc đồ	97	« bloc - notes »
văn đề	100	thời sự văn nghệ
mai thảo	106	cùng một ánh trăng

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP: **VŨ CÔNG TRỰC**

CHỦ BIÊN: **VŨ KHẮC KHOAN**

THƯ KÝ TÒA SOẠN: **MAI THẢO**

Tiền bạc và ngân phiếu gửi cho bà **BÙI-THỊ HÒA-KHANH**

Tòa soạn : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

thượng khách tháng này

NGUYỄN ĐĂNG THỰC

ý thức hệ của một dân tộc

Sinh năm 1907, giáo sư Nguyễn Đăng Thực, thượng khách tháng này của Văn Đề, ra đời tại phủ Thuận Thành, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, Bắc Việt. Nơi chốn đích thực nhìn thấy những ngày thơ ấu của Nguyễn Đăng Thực là Thổ Khối, một thôn xóm bé nhỏ trên tả ngạn sông Hồng. Như tất cả những thôn xóm trầm lặng nằm dưới vùng trời Kinh Bắc là nơi hồng dân tộc ta xưa, một Kinh Bắc trải qua không biết bao nhiêu giáo thời còn đầy đặc những dấu tích và bóng hình quá khứ, Thổ Khối cũng là một thế giới tịch mịch và ngưng đọng thu nhỏ. Sau một con đê, dưới những bóng tre, vây bọc tầng tầng bởi những phong tục và tập quán nghìn đời, Thổ Khối được gọi ra ở đây — và qua Nguyễn Đăng Thực — như điển hình không thể trung thực hơn cho một Việt Nam tam giáo, Việt Nam của một tâm linh và một thể quân bình mà sau này chúng ta thấy được khai triển thật rực rỡ trong toàn bộ tư tưởng và triết học Nguyễn Đăng Thực. Nhưng Thổ Khối có cái phía giữ người ở lại, còn có cái phía đưa người ra đi. Trong một nó, mà có hai ngã đường khác biệt. Thân thể, thái độ và những hoạt động liên tục một đời của Nguyễn Đăng Thực tới nay cho ta thấy ông đã có mặt trên cả hai con đường vừa nói.

Xuất dương năm 1927, sau nhiều năm du học ở Pháp, Bỉ, Thụy Sĩ, tại Ecole Nationale des Arts và đại học đường Lille, tốt nghiệp, Nguyễn đăng Thực trở về nước năm 1934. Năm 1935, ông cùng với Bùi ngọc Áo và Vũ đình Di, xuất bản tờ L'avenir de la Jeunesse ở Hà Nội. 1937, làm bình bút cho tờ Le Travail. Trở về lãnh vực

chuyên môn, ông trở thành kỹ sư cho nhà máy S.F.A.T ở Nam Định sau đó. Chính là trong thời kỳ này, ông đã dành hết tâm tư và thời giờ cho nghiên cứu văn hóa đồng phương. Cùng với cuốn « Bình giải sách Đại Học » và « Tinh Thần Khoa Học và Đại Học » được soạn thảo xong, năm 1944, ông xuất bản và là chủ nhiệm tờ tạp chí Duy Nhất với chủ trương dung hòa văn hóa Đông Tây tại Nam Định. Ra hậu phương, rồi trở về Hà Nội năm 1948, ông giữ chức Giám Đốc Học Vụ cho trường Dục Huấn Vụ kiêm giảng viên về Lý Thuyết Quốc Gia cho trường Triết Học Đông phương cho trường Đại Học Văn Khoa Việt Nam tại Hà Nội đồng thời là Phó Chủ tịch Việt Nam Văn Hóa Hiệp Hội, và chủ bút tạp chí Văn Hóa Tùng Biên là cơ quan văn hóa của hội này. Tới biến động 1954, ông bỏ vào Sài Gòn, tiếp tục giảng dạy về Triết Học Đông Phương và Văn Chương Việt Nam tại trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Lập quán văn nghệ, làm chủ bút kiêm chủ nhiệm tờ Văn Hóa Tập San, hoạt động của Nguyễn Đăng Thục từ 1955 được đánh dấu bằng nhiều lần xuất ngoại tham dự những đại hội văn hóa và triết học quốc tế. 1956, ông tham dự hội nghị các nhà văn tự do Á Châu nhóm họp tại New-Delhi. Năm 1957, qua Paris tiếp xúc với phong trào Văn Hóa Tự Do. Năm 1958, sáng lập và làm chủ tịch hội Việt Nam Nghiên Cứu Liên Lạc Văn Hóa Á Châu, đồng thời làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ Văn Hóa Á Châu của hội này. Tham dự hội nghị các Triết gia Đông Tây lần thứ ba nhóm họp tại đại học đường Hawaii, năm 1959 ông còn có mặt ở hội nghị kỷ niệm đệ ngũ thập chu niên hội Nghiên Cứu Miến Điện (Burma Research Society) tại Rangoon Miến Điện.

Sau một thời gian giữ chức Khoa trưởng trường Đại Học Văn Khoa, Viện Đại Học Sài Gòn, kiêm trưởng ban triết học và giảng sư về Triết Học Đông Phương, giáo sư Nguyễn Đăng Thục hiện là chủ tịch hội Việt Nam Nghiên Cứu Liên Lạc Văn Hóa Á Châu, chuyên viên viện Khảo Cổ học và Trưởng tiểu Ban Văn Hóa của tổ chức UNESCO tại Việt Nam.

« Nhân loại tự mình làm lấy lịch sử của mình » đây là lý tưởng xưa nay của các nhà sử gia không tưởng. Kỳ thực nhân loại làm lịch sử của mình trong những điều kiện địa lý kinh tế và xã hội nhất định. Nhân loại hay dân tộc không phải những vật trừu tượng của triết gia mà là những nhóm người bằng da bằng thịt, sinh hoạt sống còn trong sự tranh đấu với những điều kiện thực tế thiên nhiên hay lịch sử, tương đối có thắng có bại tùy theo với khả năng điều hòa thích ứng của nó với hoàn cảnh. Cầu phương ngôn rằng : « Anh hùng tạo thời thế » nhưng cũng nhiều khi : « Thời thế tạo anh hùng ». Sự thực thì người anh hùng trong lịch sử thế giới chính là hạng người đã ý thức được thời thế mà biến đổi thời thế theo ý muốn của đại đa số tức là của nhân dân, không đến nỗi phải than như Ôn Như Hầu trước thời thế Hậu Lê :

Cái quay búng sẵn trên Trời.

Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm.

(Cung oán ngâm khúc)

Lời than yếm thế ấy đủ tỏ hầu Ôn Như không phải là Nguyễn Trãi :

Nhân nghĩa chi cứ, yên tại yên dân,

Điều phạt chi sư, mạc tiên khởi bạo.

Nghĩa là : Hành động nhân nghĩa cốt ở làm cho nhân dân được sống yên.

Đem quân hồi tội, không chi trước hết là trừ kẻ bạo ngược.

Hay là Quang-Trung :

Áo vải cờ đào,

Giúp dân dựng nước biết bao nhiêu tình.

Như thế đủ phân biệt người anh hùng với người trí thức. Người anh hùng biết nhân thời thế mà biến đổi thời thế, từ chỗ không được như ý ra chỗ như ý muốn. Đây không những đã phân biệt trí thức với anh hùng, mà còn phân biệt cảm thú với nhân loại, vì cảm thú thụ động hoàn cảnh mà sinh sống, còn nhân loại tìm điều hòa thích ứng với hoàn cảnh, cho nên có thể nói, nhân loại có khả năng văn hóa còn cảm thú thì không có. Văn hóa là sản phẩm tập thể của nhân loại trong sự điều hòa thích ứng với điều kiện thiên nhiên và lịch sử vậy.

Chính nhờ có cái khả năng văn hóa ấy mà nhân loại mới có thể bảo rằng đã làm lấy lịch sử của mình một phần nào, vì nhân loại

biết quan niệm trước khi hành động, cho nên ý thức hệ mới có một vai trò trọng đại trong lịch sử nhân loại từ xưa đến nay, nhất là từ cuộc cách mạng kỹ nghệ ở các nước Âu-Tây cận đại.

« Kể từ hai thế kỷ gần đây thế giới Âu tây đã sống một thời đại khó khăn mà người ta có thể gọi được là thời đại ý-thức-hệ. Những khó khăn ấy không có chi mới đối với nhân loại. Những Thập-tự quân thời Trung cổ và những tranh chấp tôn giáo thế kỷ XVI và XVII cũng đủ tỏ rằng những tin tưởng vững chắc và phổ thông có thể đưa đến những khủng hoảng chính trị bạo động. Tuy nhiên, về nhiều quan hệ trọng yếu, thời đại ý thức hệ của chúng ta tỏ ra độc đáo nhất. Mặc dầu Thập tự quân và biện thuyết xưa cũng đã cuồng tin như bất cứ một lý thuyết gia nào ngày nay, những ý tưởng khích động họ xưa đều thuộc về loại tôn giáo. Dù họ có tranh đấu bền bỉ mấy đi nữa để được thắng trận tại đây, mục đích cuối cùng của họ vẫn nhằm vào thiên đường. Ở thế giới hiện đại kể từ cuộc cách mạng Pháp và Mỹ, thì không phải như thế. Chủ nghĩa tự do, cộng sản, dân tộc tất cả những đại chủ nghĩa chính trị cận đại đều là những tin điều tục thế hơn là tôn giáo. Chúng không lấy cuộc đời sung sướng ở thiên đường mà là một đời sống cải tiến trên mặt đất. Các tin điều tục thế ấy hay là ý thức hệ, đã giữ vai trò linh động trong những biến đổi cách mệnh của hai trăm năm gần đây. Từ Tuyên ngôn Độc lập (Mỹ quốc) đến ngày nay sự trọng yếu của chúng không từng lu mờ, và chúng là một trong những sắc thái đặc biệt của chính trị hiện đại ». (L'ère des idéologies — Frederick M. Watkins Nouveaux horizons 1966).

Và triết gia Pháp, E. Renan cũng viết: « Vivre sans système sur les choses ce n'est pas une vie d'homme » « Sống không có một ý-thức-hệ, không phải sống đời sống con người ».

Sở dĩ những ý-thức-hệ đã có được vai trò thiết yếu như thế đối với xã hội chính trị cận đại là vì chúng đã phản chiếu cơ cấu sinh hoạt kinh tế của xã hội nhân loại, vì nhân loại khác với cầm thú ở chỗ biết quan niệm trước khi hành động, hành động có ý thức, có kế hoạch chương trình, chứ không phải mù quáng gạt đầu làm đay. Hoàn cảnh địa lý kinh tế cũng như kỹ thuật sản xuất thay đổi bắt buộc phải thay đổi ý-thức-hệ tổ chức xã hội và trái lại ý-thức-hệ thay đổi quyết định sự biến đổi điều kiện

địa lý kinh tế và cách thức sản xuất. Hoàn cảnh địa lý kinh tế châu thổ thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, và quyết định ý-thức-hệ xã hội nông nghiệp, hoàn cảnh địa lý kinh tế đô thị thích hợp cho sản xuất kỹ nghệ và quyết định ý-thức-hệ xã hội kỹ nghệ. Chúng ta không thể đem ý thức hệ xã hội kỹ nghệ ứng dụng vào xã hội nông nghiệp hay trái lại mà không có sự thay đổi cơ cấu sinh hoạt kinh tế. Bởi thế mà sau khi ở các xã hội Âu tây, đô thị kỹ nghệ bắt đầu mở mang thì ý-thức-hệ phong kiến của quận chúa với nông nô không còn thích hợp nữa mà nhường bước cho các ý-thức-hệ mới. Ý-thức-hệ tự do dân chủ (liberalisme, démocratique), ý-thức-hệ dân tộc, chủng tộc (nationalisme, racisme) ý-thức-hệ xã hội, cộng sản (socialisme, communisme) đây là những ý-thức hệ chính đã lãnh đạo dân chúng Âu tây và thế giới cận đại. Chúng ta hãy tuần tự trình bày khái lược lịch trình biến chuyển của chúng tùy theo với sự tiến triển kỹ thuật kinh tế của xã hội Âu tây ngõ hầu rút bài học kinh nghiệm cho ý-thức-hệ dân tộc của chúng ta hiện nay. Cách [mệnh dân tộc tự quyết Mỹ] cách mệnh tư sản Pháp, cách mệnh cộng sản Nga, đều là những sự kiện xã hội lớn lao trong đó những ý thức hệ đã làm nổi lên những làn sóng nhân dân vĩ đại quyết định vận mệnh dân tộc và nhân loại ngày nay, không cho phép chúng ta không học hỏi.

● Ý THỨC HỆ CÁCH MỆNH MỸ

Xét về ý thức hệ, cách mệnh Mỹ, cách mệnh Pháp, cách mệnh Nga là ba đặc trưng của lịch trình tiến hóa về ý-thức-hệ của thế giới cận đại là thế giới bắt đầu một cuộc cải cách căn bản cơ cấu sinh hoạt kinh tế, khoa học kỹ thuật tiến bộ mau lẹ khiến cho các chế độ chính trị các tiêu chuẩn giá trị cổ hữu phải thay đổi để thích ứng với hạ tầng cơ sở kinh tế. Nói thể không phải bảo rằng hạ tầng kinh tế đã là nguyên nhân cho thượng tầng văn hóa là kết quả, kinh tế với văn hóa hỗ tương ảnh hưởng trong lịch sử nhân loại, nhưng về luận lý thì hiện tượng kinh tế hay vật chất vốn cụ thể dễ cho người ta thấy so với hiện tượng văn hóa hay tinh thần vốn vô hình, cho nên dễ giải thích chứng minh người ta phải bắt đầu từ hạ tầng cụ thể vậy. Kỳ thực xét đến cùng thì chúng ta thấy trước khi có cuộc cách mệnh kỹ nghệ, từ hai thế kỷ trước đã có cách mệnh văn

hóa tinh thần tiên phong rồi. Đây là phong trào phục hưng văn hóa thế kỷ XV-XVI ở Âu tây trong đó yếu tố lý trí hay lẽ phải phổ thông được đề cao. Chính cái lý trí cách mệnh ấy đã có một vai trò lãnh đạo cho các cuộc cách mệnh kinh tế cũng như chính trị sau này vậy.

Hai nền tảng ý-thức-hệ của cách mệnh độc lập Mỹ quốc là lý thuyết kinh tế của Adam Smith « *Wealth of Nations* » « Tài phú của các dân tộc » và triết lý « *Common Sense* » « Lẽ phải phổ thông » của Thomas Paine.

Sau khi châu Mỹ được khám phá, đường giao thông mở mang qua đại dương, trung tâm hoạt động của các nước Âu tây đã di chuyển từ Địa-trung-hải sang Đại-tây-dương. Chỉ nước nào có bờ bề ở Đại tây dương là có điều kiện thuận tiện cho sự thịnh vượng vì là đầu mối thông thương với Mỹ châu, một châu còn hoang vu, nhiều tài nguyên. Người châu Âu đi sang định cư ở châu Mỹ càng ngày càng nhiều, lập thành những đô thị trù phú, cùng với mẫu quốc giao dịch thông thương. Trong các nước có bờ biển với Đại tây dương như Y-pha-nho, Pháp, Hòa-lan, Anh-cát-lợi, nước Anh là hải đảo ở vào vị trí giao thông được lợi thế, cho nên thịnh vượng phú cường hơn cả với chính sách trọng thương.

Năm 1776 có thể hợp lý coi như kết thúc một thời đại mà mở đầu cho một thời đại khác. Cuộc cách mệnh Mỹ đã bắt đầu, cuộc cách mệnh Pháp đang nung nấu, và cuộc cách mệnh kỹ nghệ báo hiệu bằng sự phát minh năng lực hơi nước đang tiến triển mau lẹ. Một nhà bình luận đã đặc trưng cho thế hệ trước đây là thời đại tối tăm của cận đại. Ở nước Anh thực tế mà nói thì tất cả các phương diện sinh hoạt kinh tế đều bị chính quyền kiểm soát. Giá cả bị qui định, tiền công và giờ làm của nhân công hạn định, sự sản xuất điều chế và thương mại quốc tế, xuất cảng cũng như nhập cảng hoàn toàn do nhà nước chi phối. Chiến tranh hầu như thường xuyên. Chính trị quốc gia ra lệnh cho một quân lực cả thủy lẫn lục, cho một đại chúng nhân dân, cướp lột thuộc địa trên khắp thế giới, làm cho các nước cạnh tranh suy nhược bằng mọi cách vì như nước Pháp chẳng hạn. Giai cấp thống trị phản đối mãnh liệt tất cả đề nghị phân phối công bằng tài sản. Một thiểu số quý tộc độc quyền giáo dục, hình pháp cực nặng, công quyền của nhân dân chỉ có ở lý thuyết.

Đã từ bao nhiêu thế hệ, địa chủ quý tộc vẫn nắm chính

quyền nhà nước ; nhưng một giai cấp mới có thể lực là giai cấp nhà buôn và công nghệ đã nổi lên đòi và được hưởng đặc quyền cho mình. Theo quan điểm của giới này thì xuất cảng là tốt, nhập cảng là hại ; tiền tệ không được cho ra khỏi nước ; phải duy trì cân cân thông thương luôn luôn cho tươi ; tiền thuê mướn nhân công phải hạ, giờ làm phải dài ; giá cả phải cao để bảo vệ kỹ nghệ quốc gia ; một thương thuyền hùng mạnh là cốt yếu và luật lệ gì giúp cho những kẻ trọng thương đều nhằm làm lợi cho nước coi như một toàn thể ». (*Robert B. Downs — Books that changed the World ed. A Mentor Book*).

Giới công thương trưởng thành với tiến bộ của kỹ thuật đến một mức mà chế độ độc quyền quý tộc tức là chế độ phong kiến Âu tây làm cản trở sức tiến ấy. Đại diện cho cái thế lực thứ ba giữa nông nô và quý tộc ấy là giai cấp tư sản kỹ nghệ đòi phá vỡ cái vỏ trọng nông, trọng thương để được tự do độc lập phát triển sức mạnh của mình. Vì như quả trứng, sau một thời ấp ủ, nội dung đã đủ lông đủ cánh không thể không phá cái vỏ trứng bao bọc trước kia để tiếp tục trưởng thành, theo cái định luật biến dịch, vô thường : « Cùng tắc biến ». Và đầu tiên dân thuộc địa của nước Anh ở Mỹ châu đã đứng lên phá vỡ vỏ trứng chế độ thực dân của mẫu quốc để « tuyên ngôn độc lập » :

Nhân quyền : « Chúng ta tin tưởng vào những chân lý dĩ nhiên này là mọi người sinh ra bình đẳng, bẩm thụ của Tạo hóa những quyền bất khả xâm phạm trong đó có quyền sinh sống, tự do và tìm hạnh phúc ».

Quyền chính : « Chính phủ mà quyền chính là do sự thỏa thuận của kẻ bị trị xuất ra ».

Dân quyền chống chính phủ chuyên chế : « Chừng nào một chính thể trở nên phương hại cho những mục tiêu trên thì nhân dân có quyền thay đổi hay hủy bỏ để thiết định một chính phủ mới lập cước trên những nguyên lý tương tự có thể đem lại cho chúng an ninh và hạnh phúc ». Lời « tuyên ngôn độc lập » trên đây của nhóm người tập chung di cư và định cư ở Tân thế giới Mỹ châu muốn đoạn tuyệt liên hệ với mẫu quốc Anh cát lợi để thành lập một quốc gia mới để khai thác tài nguyên phong phú của đất còn rộng lớn hoang vu. Để có điều kiện mở mang kỹ nghệ, chế độ trọng thương của quý tộc độc quyền chi phối là trở ngại lớn. Tài nguyên nhiều, thị trường lớn muốn tiến bộ phải được tự do thì đua, tự do sản

xuất và bán mua giao dịch, theo luật cung cầu tự nhiên, vì thế giới đang ở trong tình trạng cầu nhiều cung ít mà chế độ trọng thương của mẫu quốc trói buộc cá nhân và đoàn thể vào khuôn khổ chật hẹp của quan niệm tài sản vàng bạc, mà kỳ thực là khả năng lưu thông hàng hóa, thì đưa sản xuất, canh tân kỹ thuật của cá nhân cũng như của đoàn thể. Đây là nguyên nhân cụ thể của ý thức hệ tự do mà đoàn thể cư dân châu Mỹ đã phát biểu ra tuyên ngôn độc lập và diễn tả ra hành động phá hủy các « Navigation Acts » hay là « luật pháp thương thuyền » và tất cả các luật lệ qui định những quan hệ kinh tế giữa Anh cát lợi với Mỹ châu. Bởi vì theo thuyết trọng thương của nước Anh bấy giờ thì nhiệm vụ đặc biệt của các thuộc địa là làm cho cân thương mại quốc tế của mẫu quốc được « tươi », bằng cách cung cho mẫu quốc nguyên liệu cần thiết và tiêu thụ cho mẫu quốc tất cả sản phẩm công nghệ. Chính sự đòi hỏi tự do kinh tế ấy đã là cơ sở cho cái triết lý về chính quyền trong tác phẩm « lẽ phải phổ thông » (Common sense) của Thomas Paine. « Chính quyền ở một trình độ tốt đẹp nhất cũng chỉ là tội ác bất đắc dĩ; ở trình độ xấu nhất thì nó là một tội ác không chịu nổi. Chính quyền cũng như cái áo là dấu hiệu của sự hèn nhai đã mất; các cung điện của vua chúa xã xây dựng lên trên sự đổ nát của tiên cảnh thiên đường. Văn minh càng cao thì chính quyền càng ít có cơ hội ».

Chính quyền mà Thomas Paine ám chỉ đây là chính quyền của quý tộc phong kiến bấy giờ ở Âu châu nói chung và của nước Anh đối với các thuộc địa Bắc Mỹ nói riêng. Nguyên lai và sự tiến bộ của chính quyền theo Paine đã trở nên thiết yếu vì sự bất lực về đạo đức để cai trị thế giới; vậy ở đây vẫn khẩu hiệu đòi chính quyền cáo chung, nghĩa là tự do và an cư cho các dân thuộc địa Bắc Mỹ:

« Mỹ châu sẽ thịnh vượng hơn, và có lẽ còn mạnh hơn nữa nếu không có một thế lực Âu châu can thiệp. Hàng hóa bán buôn nhờ đấy nó tự làm giàu đều là nhu cầu của đời sống và luôn luôn sẽ có thị trường tiêu thụ cũng như ăn uống là tập tục của Âu châu. Lúa mì của chúng tôi sẽ tìm thấy được giá ở bất cứ thị trường nào bên Âu châu, và hàng hóa nhập cảng chúng tôi phải trả tiền thì chúng tôi mua ở đâu tùy ý chúng tôi ».

Và Paine tiếp tục nêu lên lý do chính đáng để Mỹ châu cắt đứt liên hệ với Anh quốc như sau:

« Bởi vì bất cứ một sự phục tùng hay lệ thuộc nào vào Anh quốc đều đưa Châu này đi thẳng vào chiến tranh và xung đột của Châu Âu; và gây nên mâu thuẫn giữa chúng ta với các dân tộc tự nhiên muốn kết bạn với chúng tôi mà chúng tôi không có chi để thù oán hay phản nản đối với họ cả. Âu châu là thị trường thương mại của chúng tôi, chúng tôi phải tránh tất cả liên hệ riêng tư với một bộ phận nhỏ nào của Âu châu. Quyền lợi thiết thực của Châu Mỹ là tránh những sự xung đột của Châu Âu, điều ấy nó không thể làm được chừng nào lệ thuộc vào Anh quốc, nó nặng cân cân về chính trị Anh. Châu Âu đầy đặc những quốc gia để có thể có hòa bình lâu dài, và mỗi khi có chiến tranh giữa Anh quốc và một thế lực ngoại quốc nào, nên giao thương của Mỹ châu đi đến phá hoại, bởi vì nó liên hệ với Anh quốc vậy ».

Rồi T. Paine kết thúc bài đại luận văn « Lẽ phải phổ thông » vào cái tin tưởng rằng « không có gì có thể thu xếp công việc của chúng ta một cách thuận tiện hơn là làm một tuyên ngôn công khai và nhất quyết về độc lập. Hãy để cho danh hiệu nghị viên bảo thủ với nghị viện tự do của Anh quốc tắt đi, và chúng ta hãy chỉ nghe những tên gọi này: một công dân tốt, một người bạn cởi mở và nhất tâm và một người bảo vệ có đức cho những nhân quyền và cho Hợp chủng quốc Mỹ tự do, độc lập ».

Đây là ý thức hệ đã giải phóng nhân dân Mỹ, để thành lập Liên hiệp quốc Mỹ năm 1776, lấy « Common sense » « Lẽ phải phổ thông » của T. Paine làm linh hồn. Nhưng T. Paine không những đã phát ngôn cho nền độc lập Mỹ quốc mà còn tham gia vào cách mệnh Pháp hơn mười năm sau, với tác phẩm « Nhân quyền » « The Rights of Man ». « Paine coi hai cuộc cách mệnh như là những giai đoạn mật thiết liên hệ của một vận động chung để giải phóng nhân loại. Ý kiến của ông rất chính xác. Đại khái thì cả hai cách mệnh đều tiêu biểu cho một ý thức hệ chung, và gương mẫu của chúng phối hiệp lại có sức khích động rất mạnh cho sự truyền bá cái ý thức hệ ấy khắp Âu tây. Đến năm 1885 khi Chính phủ Cộng hòa Pháp tặng cho nhân dân Mỹ pho tượng khổng lồ là tượng Tự do soi chiếu thế giới, hiện nay đứng sừng sững trên hải cảng New York, nước Pháp đã tỏ lòng tôn kính mối tình chung hợp nhất hai nền dân chủ ». (Frédéric m. walkins trong « l'ère des ideologies » ed. Nouveaux Horizons).

Vậy T. Paine đã đem cái triết lý « Lễ phải phổ thông » của triết gia Pháp thế kỷ XVII là Descartes đề ứng dụng vào ý thức hệ chính trị cách mệnh của hai dân tộc Tây Âu, cách mệnh độc lập dân tộc Mỹ và cách mệnh giai cấp tư sản Pháp. Ý thức hệ chung của hai cuộc cách mệnh ấy vẫn là chủ nghĩa tự do, một đảng là tự do dân tộc, một đảng là tự do giai cấp, một đảng là giải phóng đoàn thể, một đảng là giải phóng con người do giai cấp thứ ba tức là giai cấp tư sản lãnh đạo.

Cái ý thức hệ của cách mệnh Pháp (1789-1799) bắt đầu với tư tưởng triết học của Descartes đề cao nguyên lý của lý trí chống với thần quyền thánh giáo về các phương diện khoa học, tin ngưỡng, luân lý hay là chính trị, xã hội. Đây là lý trí vạn năng. Vào thế kỷ XVIII, các triết gia đem ứng dụng lý trí để phê phán chính-quyền và thần quyền. Montesquieu (Manh đức tư cư) với « L'Esprit des Lois » (Vạn pháp tinh lý) đòi phân quyền để chống với quân quyền chuyên chế. Nhưng J.J. Rousseau (Lư Thoa) triệt để hơn với « Contrat social » (Xã ước) đòi quyền bình đẳng và tự do của con người và chủ quyền của nhân dân như đã phản chiếu trong « Tuyên ngôn nhân quyền và công dân » (Déclaration des droits de l'homme et du citoyen). « Người ta sinh ra và có quyền được hưởng tự do và bình đẳng. Các giai cấp xã hội chỉ được thiết định vì ích lợi chung. Mục đích của sự lập chánh đảng là để bảo vệ các thiên nhiên bất khả xâm phạm là tự do, sở hữu sản, an ninh và chống cự sự áp chế. Tất cả xã hội nào mà nhân quyền không được bảo đảm và quyền pháp không phân định thì không phải là xã hội có hiến pháp. Quyền sở hữu thì bất khả xâm phạm, trừ trường hợp nhu cầu công ích do pháp luật công nhận và được bồi thường tương xứng công bằng ».

Tuyên ngôn trên đây bao hàm một quan niệm về đời sống đã chi phối và còn chi phối xã hội là chủ nghĩa tự do cá nhân. Nhưng về mặt kinh tế thì tự do ấy là tự do sản xuất và cạnh tranh, là điều kiện mà giai cấp tư sản đòi hỏi vì tiến bộ của khoa học kỹ-thuật mà nó muốn khai thác. Đây là cái ý thức hệ phản chiếu cơ cấu sinh hoạt kinh tế của xã hội bây giờ, chế độ phong kiến cản trở năng lực sản xuất mà khoa học đã đem lại hy vọng tiến bộ vô cùng. Sử gia về cách mệnh Pháp viết :

« Cách mệnh nổi lên ở Pháp cuối thế kỷ XVIII và đảo lộn cơ

cấu xã hội, chính trị cổ truyền đến mức đánh dấu cho bước đầu của cận đại thì đã sửa soạn từ từ suốt cả một thế kỷ. Thế kỷ XVIII đã thấy cái hố đào sâu giữa giai cấp được ưu đãi là những thế lực quá khứ có lợi duy trì chế độ cũ, với những năng lực xã hội mới muốn phá hủy. Trong khi nền kinh tế cận đại xuất hiện và phát triển, căn cứ vào tổ chức tư bản và kỹ nghệ về sản xuất thì xã hội cũ vẫn căn cứ vào chế độ phong kiến về tài sản điền địa và tổ chức phường bạn của sản xuất thủ công nghệ. Trong khi đại chúng sinh sản là nền tảng của cả xã hội, nắm giữ phần lớn tài hóa của xứ sở và không ngừng bành trướng ưu thế kinh tế, thì việc lao động vẫn coi như đề tiện và các giai cấp quý tộc càng tỏ ra vô dụng. Cơ cấu cố hữu của dân tộc không thích hợp với hệ thống năng lực kinh tế và xã hội.

Đồng thời phát triển kinh tế làm tăng sự mất quân bình, thì triết lý của ánh sáng đem lại cho giai cấp tư bản ý thức về khả năng của mình và là đại diện thành phần tiến bộ của dân tộc. Sự truyền bá tư tưởng triết học trong tầng lớp thượng lưu xã hội, nhất là từ nửa thế kỷ về sau, những ý niệm tự do bình đẳng, chủ quyền dân tộc trong khi ấy nền quân chủ Pháp dựa vào các định chế cổ hủ và luôn luôn tự xác định quyền thiêng liêng và chuyên chế. Luật pháp và định chế không phù hợp với ý thức hệ mới nữa.

Chính sự mất quân bình cơ bản về kinh tế, xã hội, chính trị, và sự sung đột giai cấp, sự mâu thuẫn phức tạp đã làm nảy ra cuộc Cách mệnh 1789 vậy ». (Albert Soboul — « La Revolution française 1789-1799 » ed. Sociales).

● TỪ CHỦ NGHĨA TỰ DO ĐẾN CHỦ NGHĨA DÂN TỘC. CÁCH MỆNH TƯ SẢN PHÁP.

Cách mệnh Mỹ thành công dễ hơn cách mệnh Pháp ở chỗ nước Mỹ là một thế giới mới, không bị ràng buộc vào những thành kiến tập tục sâu rộng lâu đời như ở Pháp với cả một truyền thống hàng ngàn năm của văn hóa La Hy, chế độ thần quyền của Giáo hoàng. Cách mệnh Mỹ chỉ phải cắt đứt liên hệ với mẫu quốc Anh hoàng là trở nên một nước độc lập với cả một chế độ mới do một nhóm người lãnh đạo quả quyết dám làm.

Cách mệnh Pháp không có được những điều kiện thuận lợi như thế. Nó có cả một chế độ phong kiến với các thế lực quân chủ chuyên chế thần quyền, giáo hội độc tôn thiêng liêng, bao nhiêu tập tục thành kiến ăn sâu trong trí não các tầng lớp nhân dân. Huống chi, nước Pháp đối với Âu châu không phải là một cái cù lao biệt lập. Lực lượng cách mệnh có thể thắng ở trong nước Pháp còn phải đương đầu với tất cả lực lượng phong kiến bảo thủ của các nước lân bang, liên tiếp can thiệp vào chính quyền cách mệnh Pháp, không để cho rảnh tay củng cố thế lực cách mệnh. Bởi thế mà từ chế độ dân chủ, tự do; cách mệnh Pháp liên tiếp chiến tranh chống các thế lực bảo thủ ngoại xâm để rồi đi đến chế độ độc tài, từ Robespierre đến Napoleon. Và trong cuộc chiến tranh ấy, đội quân cách mạng Pháp đã lần lượt giải phóng nhân dân Âu châu khỏi chế độ phong kiến, đấy là ý thức hệ tự do đã thắng ý thức hệ bảo thủ vậy. Nhưng động cơ kích động dân quân chiến thắng lại không phải ý niệm tự do trừu tượng mà là ý thức dân tộc của dân Pháp hãnh diện với lá cờ ba sắc « tự do, bình đẳng, bác ái » tiên phong đi đến đâu nó đã giải phóng cho nhân dân ở đấy nhưng đồng thời cũng làm thức tỉnh cái ý thức dân tộc của nhân dân bản xứ. Do đấy mà sau khi đội quân chinh phục của Nã phá Luân bị thất bại ở Moscou, đến Waterloo thì chủ nghĩa dân tộc trở nên ý thức hệ của các nước ở Âu châu.

« Với sự sụp đổ của đế quốc Nã phá Luân năm 1815 hình như những nguyên lý bảo thủ phản ý thức hệ của Burke cuối cùng đã thắng ý thức hệ tự do của Paine. Các nền quân chủ lập hiến đã được phục hưng, và các giai cấp lãnh đạo cũ trở về lấy lại tài sản của họ. Tuy vậy, bấy giờ, cuộc tranh đấu từ lâu đã không còn là một cuộc đấu tranh rõ rệt giữa phe tự do và phe bảo thủ nữa. Đến đây thì chủ nghĩa dân tộc cũng là một yếu tố người ta phải đề ý... Tinh thần dân tộc cũng trở nên một sức mạnh vĩ đại mà tất cả các lý thuyết khác phải kết hợp kể từ đấy trở đi.

Trong thế giới cận đại, chủ nghĩa dân tộc là một sức mạnh; điều ấy là dĩ nhiên. Lòng trung thành thị tộc, địa phương và nghề nghiệp còn dễ giải thích hơn là sự giới thuyết một dân tộc là gì. Những người cùng có một quá khứ chung sống luôn luôn có khuynh hướng tự coi như một đoàn thể để nhìn nhận người khác như là ngoại quốc. Dân tộc tự nó cũng là một đoàn thể ý thức lấy mình, nhưng tính chất của nó thì hoàn toàn đặc biệt. Ở hình thức đặc biệt ấy,

nó là một đoàn thể trọng đại, mạnh có hàng triệu người, bao hàm tất cả các giai cấp và nghề nghiệp thường rất phong phú về sắc thái văn hóa địa phương. Những phần tử của nó thường lệ thì phân biệt theo tín ngưỡng khác nhau, và có thể nói nhiều tiếng nói khác nhau. Tuy vậy, mặc dầu tất cả điều ấy, vẫn có cái gì trong kinh nghiệm quá khứ hay hiện tại làm cho chúng cảm thấy là một khối, còn những người khác bị coi gộp lại như ngoại quốc. Vì những nguồn gốc của tinh thần dân tộc thường khó nhận định cho nên bắt buộc phải giới thuyết bằng những hiệu quả của nó. Một dân tộc là một đoàn thể bất cứ vì lý do gì, đều ý thức cá tính riêng biệt của mình đến mức nó cảm thấy sỉ nhục bị người ngoài cai trị và nó đòi một chủ quyền Quốc gia riêng cho nó. Những đòi hỏi theo loại ấy đã có vai trò rất trọng đại trong sự phát triển chính trị cận đại». (*Frederick m. Watkins « l'ère des idéologies » ed. Nouveaux Horizons*).

Chủ nghĩa dân tộc đã phát xuất từ trong các cuộc cách mệnh tự do dân chủ cận đại, trước hết là vì chủ nghĩa tự do dân chủ đi quá đà, không giải quyết nổi các mâu thuẫn xã hội ở Âu châu, làm nổi lên các sức phản động của đối phương bảo thủ. Trong cuộc tranh đấu giữa tự do tiến hóa với bảo thủ truyền thống, hai ý thức hệ đối lập phản chiếu vào « tuyên ngôn Nhân quyền » (*Rights of Man*) của Thomas Paine và « Suy nghĩ về cách mệnh ở Pháp » (*Reflexions sur la Revolution en France*) của Edmund Burke. Chủ nghĩa bảo thủ của E. Burke không phải chỉ giải đáp cho cách mệnh ở Pháp mà còn giải đáp cho cả ý thức hệ nói chung nữa. Burke cũng như tất cả tư tưởng gia Âu tây bấy giờ đều tin vào lý trí cách mệnh vì lý trí là một năng tính nhân loại đáng quý nhờ đấy mà có khoa học và tiến bộ kỹ thuật. Nhưng ông không tin vào lý trí vạn năng như các nhà có khuynh hướng tự do. Theo thuyết bảo thủ của Burke thì nhân loại là vật hữu hạn trong vũ trụ vô hạn, vì thế mà nó không thể biết được tất cả điều nó muốn biết, và năng lực của lý trí không phải là vô hạn. Loài người không phải chỉ là con vật có lý trí, nó còn là động vật hữu tình nữa. Những khuynh hướng và xúc động phi lý luôn luôn chống đối với lý trí phán đoán ở nó. Cho nên trong hành vi nhân loại không phải chỉ hành động hợp lý mà phần lớn còn có những hành động phi lý, cuồng tín do đam mê thúc đẩy, Vậy thì quyền

lợi cá nhân hợp lý không phải là kim chỉ nam cho hành động được, còn cần phải thỏa mãn cho bản năng tình cảm của nhân loại nữa.

Nếu xã hội nhân loại có tiến hóa, cái khả năng tiến hóa ấy không phải đột nhiên mà có, trái lại tiến hóa lũy tích tiềm tàng những kinh nghiệm cha truyền con nối, đời nọ qua đời kia, có tiệm rồi mới có tiến; xã hội tiến hóa liên tục chứ không phải gián đoạn, đời nọ không liên hệ đến đời kia, thế hệ sau không thể cắt đứt với thế hệ trước và không báo trước cho thế hệ vị lai. Sở dĩ có cách mệnh, có sự vượt bậc ở một giai đoạn lịch sử, bao nhiêu năng lực dồn dập đột hiện như nước vỡ bờ là vì cái nỗi tình của xã hội đã ngăn cản sức tiến hóa, âm tính quá nặng làm cho dương tính tắc lối. Nhưng âm dương hỗ tương quan hệ, trong âm vẫn có dương, trong dương vẫn có âm cũng như tiếng với thoái tương quan, cho nên « vật cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu ».

Vận động của thế giới muốn được vĩnh cửu thì phải vừa tiến vừa thoái, thay đổi về lượng cũng như về phẩm, như thế thì trong lịch trình vận động biến đổi vẫn có cái gì tồn tại vĩnh cửu. Làm thế nào để điều hòa hai phương diện mâu thuẫn của lịch sử xã hội nhân loại, phương diện tiến bộ hay tiến hóa (évolution) với phương diện truyền thống bảo thủ (conservation) phương diện vượt bậc gián đoạn và phương diện tiệm tiến liên tục? Ở phạm vi chính trị hai phương diện mâu thuẫn ấy là cá nhân tự do và đoàn thể chỉ huy tìm cách dung hòa vào chủ nghĩa dân tộc tự quyết. Muốn tiến hóa phải có sự hợp tác giữa cá nhân với nhau tức là người không thể sinh tồn ngoài đoàn thể; đoàn thể trực tiếp của người là dân tộc, là gia đình và tổ quốc tức là quốc gia. Tự do chính trị là tự do của đoàn thể của dân tộc, một cá thể quốc tế. Mazzini đã tìm dung hòa chủ nghĩa tự do với chủ nghĩa truyền thống vào quốc gia Dân chủ. Đây là bài học về ý thức hệ với cách mệnh kỹ thuật ở Âu tây hơn thế kỷ nay. Thời đại ý thức hệ hầu như ở đây đã cáo chung nhưng ở các nước chưa mở mang như Việt Nam hay Đông Nam Á, thì mới chỉ là bước đầu. Chúng ta đang cần một ý thức hệ cho dân tộc để thực hiện những nhu cầu tối thiểu, tối chính đáng mà các dân tộc Âu tây đã thành tựu:

1 — Dân tộc tự quyết. 2 — Kỹ thuật khoa học.

Những cái ý thức hệ ấy cũng muốn tránh cho dân tộc cái lối xe

lồ của lịch sử Âu tây, chiến tranh giai cấp và chiến tranh dân tộc, đưa xã hội đến cảnh bế quan, con người trở nên máy móc, phi nhân, không khai phóng vậy. Dĩ nhiên ý thức hệ của một dân tộc ở một giai đoạn lịch sử nhất định nào, là cái ý thức có hệ thống phản chiếu trung thực ý chí sinh tồn chung của hạ tầng cũng như hượng tầng cơ cấu xã hội của nó chứ không phải cái ý thức hệ vay mượn của người qua sách vở vô hồn như người ta vẫn lầm tưởng.

nguyễn đăng thực

NGUYỄN TRẦN KIỂM

khởi điểm của vận động dân tộc chân chính

Chưa lúc nào bằng lúc này các thành phần tiến bộ Việt nam đang cố gắng nghiệm duyệt và kết kinh một lối nhìn về lịch sử VN trong thời gian gần 30 năm qua, đề rời từ đó dự phóng một viễn tượng triển khai nối tiếp, theo một chiều hướng mới vừa có tính cách điều chỉnh vừa có tác dụng khơi nguồn cho một ý nghĩa nghiêm chỉnh và mạch lạc hơn, mà những thử thách cùng cực trong quá khứ đã góp phần làm sáng tỏ trong ý thức, trong lương tâm dân tộc.

Nói cách khác, nhu cầu nhìn lại bài toán VN trong toàn thể diễn trình lịch sử cũng như trong toàn bộ tương quan đa diện ngày nay chính là một thôi thúc không thể tránh được, khi ý thức và lương tâm dân tộc đang được đặt trước một kết điểm lịch sử để chứng kiến thể bề tặc tạo nên bởi sự thất bại của các lực lượng đã tranh chấp trong suốt mười mấy năm qua. Sự thất bại của các lực lượng này lôi cuốn dân tộc vào một cuộc phá sản chung, nếu sức sống của dân tộc không kịp thời phản ứng bằng cách đặt định lại một quan niệm sinh tồn nhất quán, nghĩa là một hệ thống tương quan chính trị mới, *vừa giải thích và hội nhập được dĩ vãng, vừa điều hướng phác họa dòng sống trôi chảy trong tương lai*. Bởi vì giai đoạn mà chúng ta đang chứng kiến chính là đoạn kết của một dĩ vãng nhiều thử thách và lầm lẫn nặng nề, đồng thời cũng là một chuyển tiếp cho phép sự hình thành của một động lực chính trị phát xuất từ tâm thức thuần khiết và mãnh liệt của cộng đồng. Chúng ta quả đang đứng giữa một dĩ vãng và một tương lai

đặc biệt. Dĩ vãng thì đầy thử thách và sắp bề tặc, tương lai thì đòi hỏi được quan niệm và được thể hiện. Cho nên, giữa hai đoạn đường lịch sử đó, hiện tại được coi như cực kỳ quan trọng, như một *thời cơ* để chuyển đổi. Hiện tại Việt nam chính là bước đường cùng của một quá trình phân hóa và phân ly hết sức trầm trọng, — những vết sẹo của xã hội hậu thuộc địa —; sau bước đường cùng này, sẽ không thể có một điều gì khác hơn là sự tan rã và sụp đổ tuyệt đối, hoặc một quá trình chuyển hóa mới để thiết lập một nội dung xã hội thay đổi tự *phẩm chất*. Điều trên là một điều mà ý chí muốn sống của dân tộc đương nhiên sẽ phủ quyết, điều dưới trở nên hướng tiến duy nhất còn lại cho những thể hệ mới để triển khai tại VN. Vì thế, bước đường cùng hiện tại cần sự quan tâm tối đa của người Việt; với sự quan tâm này, ngõ bí sẽ được khai thông mở rộng vào một tương lai mới, mà nội dung đang đòi hỏi được kết tinh trong ý thức, và thể hiện bằng tổ chức.

Hơn nữa, những đợt sóng tiến thoái của chiến tranh, trong một nghĩa nào cũng đã góp phần nhào nặn nên trong ý thức tiến bộ của dân tộc một nhận thức tổng kết về những nhu cầu và những sự thực cơ bản trong đời sống VN. Chiến tranh tàn phá, nhưng chiến tranh đôi khi cũng là dụng cụ chuyển chở ý thức hoặc *bộc lộ sự thực*, bởi vì chiến tranh thường đặt nên những vấn đề, nhất là những cuộc chiến kéo dài và không có phân loại rõ ràng như đã xảy ra trên vùng đất này. *Khi chiến tranh tạm chấm dứt*, vì nhiều sức ép và nhiều lý do, *thì những sự thực cũng đã được gạn lọc, mài dũa, và hiển hiện khá rõ rệt để làm chất liệu cho một nhận định tổng kết*, cũng có thể gọi là một ý thức mới sẽ được dùng làm bàn đạp cho vận động lịch sử ở giai đoạn tiếp theo. Chính chiến tranh tàn khốc và kéo dài cũng đã là một yếu tố xúc tác thúc đẩy dân tộc Việt phải tìm đến một tổng đề để giải quyết chiến tranh, đồng thời cũng là giải quyết những vấn đề cơ bản và dài hạn mà chiến tranh đã nêu rõ. Chiến tranh tại VN quả thực đặc biệt, bởi nó vừa là hậu quả của một tình trạng trước, vừa là yếu tố góp phần nêu rõ các vấn đề cần được giải quyết. Trong nghĩa đó, chính cuộc chiến ở đây cũng như ý nghĩa đặc biệt của nó trong suốt quá trình diễn tiến đã làm nên sự khác biệt giữa Việt nam và các nước ở trong một tình trạng tương tự (Đại Hàn, Đức, Trung Hoa quốc gia...), và điều khác biệt này đã thúc đẩy dân tộc Việt phải sớm nỗ lực để tiến đến một lối giải quyết chung cuộc toàn bộ.

Ngoài ra, yếu tố thuận lợi khách quan cho vận động kết tinh trong giai đoạn này là ở chỗ chính các thể lực quốc tế liên hệ đến Việt Nam cũng đang đi đến một tương quan quân bình mới, và bối cảnh quốc tế mới này sẽ không chống đối, trong một mức độ nào, việc nhân dân V.N. tự tìm đến vận mệnh của mình, nghĩa là đạt được một tổng đề chung cuộc ổn thỏa làm căn bản cho sự quân bình và ổn cố tại Đông Nam Á. Sự thuận lợi các tương quan quốc tế liên hệ xa gần đến chính trị VN là một yếu tố mới và quan trọng, chưa hề có từ sau thế chiến thứ 2 đến nay. Có thể nói rằng trong những tương quan quốc tế đó đã kinh qua trong hơn hai mươi năm nay qua bao nhiêu thử thách và dò dẫm thể lực trên bàn cờ thế giới, đi từ giai đoạn chiến tranh lạnh trong thời thế giới Cộng sản phát triển và thống nhất cực độ dưới Staline, qua chính sách ngăn chặn của Foster Dulles đồng thời với giai đoạn chung sống hòa bình và những thỏa ước liên minh quân sự (ví dụ : SEATO) phát sinh từ nỗi sợ hãi sự bành trướng của Trung Cộng trong vùng Đông Nam Á, cho đến hệ thống tương quan đang dần dần được thiết lập hiện nay mà hai trụ chính yếu là ngỗ bí nguyên tử (nuclear stalemate) giữa hai đỉnh thế giới và sự tái phát hiện của yếu tố dân tộc đang gây rạn nứt và mâu thuẫn trong phong trào Cộng sản, cho phép quan niệm lại một cơ cấu phòng thủ chiến lược cũng như một hệ thống quân bình mới giữa các thể lực trọng yếu của thế giới. Việt Nam là một trong vài địa điểm của thế giới thứ ba ở trong vị thế có thể rút tỉa được những kết luận có triển vọng từ tương quan lực lượng mới này, để giải quyết vấn đề sinh tồn và phát triển của chính mình. Những lần bang ở trong vùng Đông Nam Á cũng không mong gì hơn là một giải quyết ổn cố tại V.N., vì như Thủ Tướng Mã lai Á Abdul Rahman đã nhắc lại một đoạn trong tuyên cáo chung Mã-Thái-Phi tại Vọng Các cách đây 2 năm : « Cuộc chiến tranh V.N là một mối đe dọa trầm trọng đối với nền hòa bình và sự ổn định ở Đông Nam Á... » Mục đích của chúng tôi là : hòa bình, hợp tác và hành động chung giữa các quốc gia liên hệ để cuối cùng vùng của chúng tôi tìm lại thể quân bình của nó. Nếu các điều kiện ấy không hội đủ, thì không một quốc gia nào trong vùng có thể tự cho là mình phát triển điều hòa được ». Như thế, có thể nghĩ rằng yếu tố quốc tế khách quan đang chuyển mình trở thành thuận lợi cho vận động dân tộc tại V.N, hoặc, hơn thế nữa,

các sức ép của thực tại đang thúc đẩy quốc tế hướng về sự kết tinh một vận mệnh thực tiễn và có sinh lực trên vùng đất này, như một đóng góp then chốt vào hệ thống quân bình mới mà thế giới đang tìm cách để hình thành. Trong bối cảnh này, vấn đề thiết yếu còn lại, về phía người Việt, chỉ là vấn đề tri tuệ và lương tâm...

Điều kiện lịch sử nền tảng của V.N trong hiện tại là như thế : một quá trình tương tranh không còn thể tiếp tục và do đó cần được chuyển hóa bằng những sáng tạo khác, những sự thực cơ bản về dân tộc đã được mài dũa bộc lộ qua một cuộc chiến phức hợp và sa đọa, một khuôn khổ quốc tế đang chờ đón sự hình thành một vận mệnh ổn cố cho miền đất này... Nói ngắn hơn, chúng ta đang có một di sản cần được hội nhập và vượt qua, những bài học kinh nghiệm, một thời cơ. Nghĩa là những yếu tố thúc đẩy phải đạt tới một quan niệm tổng kết làm cơ sở cho tương lai. Vậy đâu là quan niệm có nhiều triển vọng đưa đến một đáp án đúng? Đâu là đường hướng quân bình mà lương tri dân tộc bằng cách này hay cách khác, sớm hay muộn, sẽ tìm đến, mặc dầu những tình cờ hay lệch lạc của lịch sử ?

Vấn đề lớn nhất trong thế kỷ này vẫn là phong trào cách mệnh kỳ lạ, đa diện, ngày càng nhiều sắc thái, và nội dung biến chuyển theo địa phương, thường được gọi dưới danh từ « Cộng sản », một danh từ mà chính những người đang thực hiện phong trào đó dường như không biết đến bao giờ !... Đành rằng lịch sử vốn nhiều mộng mị, nhiều mê sảng hoang đường, nhưng có những mộng mị mê sảng lịch sử ngăn ngui hơn, chỉ diễn ra trong trong một lúc, tại một nơi chốn giới hạn : Hitler với phong trào quốc gia xã hội phát xít chỉ khởi nguồn từ một xã hội Đức rối loạn, khó khăn, và nhất là tủi nhục sau khi thất bại trong thế chiến I ; cơn ác mộng Quốc Xã đầy những cuồng nộ và nhiệt huyết của tuổi trẻ, những hào hùng sát nhân, những ảo mộng thay đổi máu huyết loài người..., tất cả những cuồng nộ và ảo ảnh đó không kéo dài hơn mười năm, và sau khi kẻ chủ xướng đã tan biến vào lịch sử không để lại dấu vết thì những người còn sống đã có thể chắc chắn rằng cơn mê sảng đã chấm dứt. Giấc mơ bành trướng bằng quân sự của Nhật bản trước thế chiến 2 cũng không kéo dài lâu hơn : sau cuộc đối đầu với sức mạnh vật chất gần tuyệt đối tại Hiroshima, thì ảo ảnh Đại

Đông Á cũng sụp đổ, những phi công Thần Phong được dân tộc Nhật bản đưa tiễn bằng những chén *saké* trên phi trường trước khi đâm đầu xuống một vùng biển xanh cũng chỉ trở nên những ảnh tượng như nhiều ảnh tượng khác của lịch sử Nhật, và người Nhật sau thế chiến đã trở nên thực tiễn hơn nhiều để tiến bước trên con đường hồi sinh kinh tế vĩ đại. Lịch sử đầy dẫy những cơ may như thế, nhưng chưa có một cuộc vận động nào dai dẳng và chuyên chở được một khía cạnh hấp dẫn như cuộc vận động mang tên là Cộng sản. Hơn nữa, vì vận động Cộng sản đã trùng nhập với một diễn trình lịch sử thế giới khá dài, và vì nó đã đi vào lịch sử bằng những con đường khác nhau tùy theo mỗi vùng đất của thế giới, cho nên cái nhìn về Cộng sản ngày nay muốn được khách quan và chính xác tiến bộ cần phải được thực hiện riêng biệt cho từng giai đoạn, từng địa phương. Đã qua rồi những ảo tưởng quốc tế và những vấn đề đánh thức mộng mị, những vấn đề bất rỗi vững chắc từ không gian và thời gian, những vấn đề chỉ được đặt ra và chỉ có thể giải quyết theo từng nơi từng lúc, chính những vấn đề đó mới đang kết dệt nên thực tại lịch sử mà phong trào Cộng sản cũng đang dần dần *cui phục*. Khởi hành từ nhận quan nhận định này, chúng ta mới có thể tìm thấy sự thực về những người và những vùng đất Cộng sản ngày nay, từ đó đạt được một tình trạng minh bạch để thiết lập tương quan đối thoại, không mặc cảm, không kinh hoàng, nhiên hậu mới tiến đến giai đoạn hóa giải qua một vận động chuyển hóa tất yếu. Một ngày nào đó, chúng ta phải đạt đến được kết luận này: những người chống lại vận động Cộng sản không thất bại, những người Cộng sản chính thống và có ý thức cũng không thất bại, mà *chính lịch sử thất bại*, bởi vì lịch sử mặc dầu gian trá vẫn không ngăn cản và không chế ngự nổi ý chí và ý thức tiến hóa của loài người. Trong viễn tượng này, kết luận trên sẽ được cụ thể hóa và địa phương hóa qua những ý niệm trụ cột mới, để thay thế cho những danh xưng, những chiêu bài, những ý niệm đã lỗi thời, không còn tượng trưng được cho một cái gì khác hơn là những lá cờ đã phai màu một thời đã phất trên một chiến địa ngày càng tẻ nhạt... Tất cả hi vọng hóa giải và chuyển hóa đều xây dựng trên những ý niệm trụ cột mới đó. Chẳng hạn ý niệm *dân tộc*, mà thực tại lịch sử đang đặt trở lại như một phạm trù hàng đầu trong tương quan thế giới, sẽ đương nhiên

hóa giải và gạt bỏ sự đối lập giữa chiêu bài « Quốc gia » với danh xưng « Cộng sản » đã được sử dụng trong suốt quá trình hơn hai mươi năm tranh chấp máu lửa vừa qua. Những người cách mạng lòng sản V.N trong sâu xa cũng đã khởi đầu sự nghiệp cách mạng của mình bằng những thôi thúc của ý thức dân tộc; nhưng, vào hồi kỳ đó, có hai yếu tố đã đưa họ đi ngày càng xa trên con đường Cộng sản quốc tế sẽ dẫn dắt đến cuộc chiến phân ly dân tộc từ sau 1946: thứ nhất, vào thời kỳ đó phong trào cách mạng Cộng sản còn mới mẻ trong thử thách với thực tại lịch sử, và *ảo tưởng quốc tế* vẫn còn; thứ hai, nhu cầu hàng đầu vào lúc đó là cuộc đấu tranh giải thực chống Pháp, và chủ nghĩa Cộng sản đã cống hiến *một kỹ thuật* có vẻ mạch lạc và hấp dẫn để đồng thời giúp cuộc chiến đấu giải thực thành công, và giải quyết một lần cho vĩnh viễn những vấn đề phát triển tại quốc gia VN chậm tiến, cũng như những so le ray rứt trong thân phận làm người. Sau gần một phần thế kỷ những tin tưởng trên được lịch sử hóa tại Việt nam, thì những gì tích cực nhất và những gì thực sự có tác dụng trong ý thức Cộng sản đã thi triển gần hết trong thực tại VN, và *phản ứng của dân tộc cũng như của thế giới đã xác định rõ ràng những gì không làm được và không thể thi triển được trong phong trào Cộng sản*. Đó là một phản ứng của thực tại, và là một phản ứng có tính cách *tiêu chỉnh*, cũng như vận động Cộng sản đã có giá trị điều chỉnh của nó đối với thực tại trước, tại những nơi mà nó đã phát hiện trong lịch sử. Và đã là phản ứng của thực tại, thì phản ứng này có giá trị gần tuyệt đối cho mỗi giai đoạn lịch sử. Nhận định như thế rồi, mọi người Việt có thể tìm thấy dễ dàng và rõ rệt con đường phát triển mà dân tộc sẽ phải bước qua trong những năm tới; trên sự thành tựu của con đường đó, các trở ngại nếu có sẽ là những trở ngại dựng nên bởi *quyền lợi*, tại Nam VN, và bởi dĩ *vãng* quá nặng nề sau lưng những nhà lãnh đạo tại Bắc Việt. Tuy nhiên, những trở ngại này không phải là không thể giải quyết với ý thức, thời gian, và sức sống của dân tộc.

Những kết luận ngắn vừa ghi lại trên đây chỉ là đề định hướng cho con đường nhận định của chúng ta; trong thực tế, đã có một dĩ *vãng* dài đầy thử thách và gian truân khốc liệt trước khi diễn tiến lịch sử có thể đưa đến một thực tại bộc lộ những sự thực khá sáng tỏ, cho phép thế hệ VN ngày nay kết tinh được những kết luận thực tiễn và đúng hướng cho tương lai. Bằng ý

thực, chúng ta sẽ bước những bước thiết yếu trên con đường đi vắng đó: những nhận định chi tiết sẽ tự động xuất hiện suốt cuộc hành trình.

Karl Marx đã tiên liệu sự xuất hiện chủ nghĩa Cộng sản cho những vùng đất có mâu thuẫn vì kỹ nghệ hóa. Trong thực tế lịch sử, yếu tố chính đã làm chất men cho vận động mác xít phát sinh được, lại là những hoàn cảnh đặc biệt trong một giai đoạn của từng quốc gia, và nhất là yếu tố tâm thức đặc biệt của từng dân tộc. Về hoàn cảnh, thì ý thức mác xít thường gặp được môi trường thuận lợi trong những *ngịch cảnh*, dưới nhiều hình thức; về tâm thức, thì những dân tộc nào có một tâm thức nhiều *sắc mẫn biến chứng* và một tinh thần *đấu tranh* khốc liệt thường hay bị lôi cuốn vào hệ thống lý luận mác xít khi phải đối đầu với một nghịch cảnh lịch sử. Cho nên, trong thực tế, một khi chủ nghĩa Marx đã được nhân danh, và đem vào thử thách lịch sử rồi, thì lý luận mác xít chỉ còn được *sử dụng như mọi dụng cụ chính trị khác*, và người nghiên cứu tư tưởng một cách khoa học khó có thể tìm thấy được nhiều mạch lạc giữa chủ thuyết nguyên thủy của Marx với thực tế chính trị trong những vùng đất tự xưng là mác xít. Và mọi lý luận biện chứng đã được đem ra để cố gắng liên kết chủ nghĩa với một thực tại phức tạp hỗn độn khác hẳn với những công thức mà người ta cố gắng tạo ra để đóng khung và giải thích thực tại đó; từ đó, phát sinh ra những cuộc cãi vã và chỉ trích nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa « anh em », với đủ các danh từ mỉa mai và khó hiểu nhất. Cũng bởi vì ý thức mác xít chỉ nảy nở trong những hoàn cảnh đặc biệt giai đoạn của từng quốc gia, và theo tâm thức đặc biệt của từng dân tộc, cho nên thật dễ hiểu tại sao nó đã thay đổi từ giai đoạn này qua giai đoạn khác, từ môi trường này sang môi trường khác, cho đến khi gặp phản ứng điều chỉnh của thực tại, và trở nên hoàn toàn là một khi cụ chính trị để cai trị, và cuối cùng, biến thể hẳn. Một người Nga, Nicolas Berdiaef, đã trình bày những yếu tố thuộc về hoàn cảnh và tâm thức trong diễn trình thể hiện chủ nghĩa Cộng sản tại thành trì lịch sử khởi đầu của nó là nước Nga, trong quyển « *Les origines du communisme russe* ». Đối với người Á châu, thì việc tìm hiểu nội dung và bản chất thực sự của Cộng sản Trung Hoa với Mao Trạch Đông, hay những người Cộng sản V.N, quả cũng không khó khăn bao nhiêu. Và chính nội dung và bản chất

thực sự của Cộng sản Á châu mới cho thấy được hướng tiến tương lai của vùng đất này. Cũng như khởi nguyên của mọi vận động mác xít khác trên thế giới, Cộng sản Trung Hoa đã phát sinh từ một nhu cầu kỹ thuật để vượt qua một cách dài hạn nghịch cảnh nước Tàu từ sau khi phần đất rộng lớn và khối người đông đảo với văn minh xưa cũ cao thâm này đã phải chịu đựng nhiều mâu thuẫn và thiệt thòi nhục nhã trong sự tiếp xúc với văn minh đế quốc phương Tây; và, cũng như ý muốn khởi đầu của những người cách mạng Cộng sản trong mọi quốc tịch, những kẻ chủ xướng cách mạng Cộng sản tại Trung Hoa đã nhất cử lưỡng tiện lòng phản ứng của dân tộc trước những thiệt thòi phải gánh chịu vào trong một vận động rộng lớn hơn và dài hạn hơn để chiếm hữu chính quyền và giải quyết những mâu thuẫn truyền thống trong nội bộ xã hội Trung Hoa. Những mâu thuẫn, những vấn đề rộng lớn đã có gốc rễ từ trong một lịch sử dài, vừa đầy náo loạn vừa thâm u như lịch sử Tàu, các lãnh tụ Cộng sản Trung Hoa đã nhân danh lý luận Mác Lê để giải thích và để vẽ nên viễn tượng cho ngày mai; nhưng đã hẳn là một lý luận của người da trắng, kết tinh từ một giai đoạn của văn minh da trắng đã quá vắng, thì chẳng thể nào dùng được một cách triệt để và hữu hiệu cho việc giải quyết hay triển khai một thực tại văn minh hoàn toàn khác biệt, lại đang biến chuyển với những dữ kiện cố hữu khác hẳn, trên một định hướng khác hẳn. Vì thế, cho dầu qua suốt diễn trình lịch sử hóa của lý luận mác xít trên đất Trung Hoa người ta đã phải lần lượt chấp nối những tên tuổi tiếp sau tên Marx, để có được những danh xưng dài dòng kiểu « Mác Lê-Staline-Mao Trạch Đông »..., thì cuối cùng trên nước Trung Hoa cũng chỉ còn vồn vện có một tên Mao Trạch Đông làm « ánh sáng dẫn đường và sức mạnh vô địch » cho những vận động dân tộc của mấy trăm triệu người Tàu! Cuối cùng thì cũng chỉ còn « tư tưởng của Mao chủ tịch » được xem như hánh kinh vạn năng, với Hồng thư, với Hồng vệ binh, với Đông hương Hồng, v.v... Và sau khi những đồng chí nồng cốt kỳ cựu như Chu Đức, Bành Đức Hoài, Lưu Thiếu Kỳ... đã tan biến khỏi chính trường Trung Hoa, sau một Đại Hội thứ 9 của Cộng Đảng Trung Hoa vừa qua trong đó một Mao chủ tịch già nua trịnh trọng giới thiệu tướng Lâm Bưu như một kẻ kế vị đương nhiên, với một trung ương mới được sắp xếp lại có đủ cả vợ và rễ của lãnh tụ, sau tất cả những việc đó, thì người Nga hình như chẳng còn thấy

được điều gì cho phép nhận diện ra được một nước Trung Hoa « xã hội chủ nghĩa anh em » trong khuôn khổ phong trào Cộng Sản « quốc tế ». Có thể thấy được rõ ràng là Trung Quốc mệnh danh là Cộng Sản đang trên đường trở về với một truyền thống cai trị đã có từ ngàn xưa trên vùng đất rộng lớn này, và đại hội thứ 9 tại đây chỉ là một hình thức mới và riêng biệt của Cộng Sản Tàu để cố gắng uốn nắn chế độ thỏa hiệp được với nhu cầu trở lại trên những vết hằn định mệnh của tâm thức dân tộc. Những thử thách, nỗ lực để thể hiện một chủ nghĩa Cộng Sản chính thống và tích cực đã thất bại, những khuôn thức sinh tồn cổ truyền của người Trung Hoa dần dần đã tìm lại được tiếng nói bách thiết trong tâm hồn cộng đồng, điển hình là cơ cấu gia đình vẫn phải tồn tại vững chãi sau khi những « bước nhảy vọt » trong các năm 1958-1959 đã thất bại nặng nề. Ngoài ra, mặc dầu bao nhiêu những lý thuyết mác xít đã được nhân danh hoặc đã được thử thực hiện từ hai mươi năm nay, Trung Quốc hiện tại vẫn phải qui phục những định luật khe khắt chính yếu của một xã hội đang phát triển; cùng với căn bản tâm thức truyền thống của dân tộc Trung Hoa, những định luật này đã đưa dẫn tới kết quả là, tại Trung Quốc, quân đội đã trở nên một quyền lực chính trị chính yếu, và quân đội đó đang tái lập cho tướng Lâm Bưu một chế độ « thiên triều » hiện đại. Và nếu chúng ta đồng ý rằng, trong bất cứ xã hội nào, mọi cơ chế quân sự đều mang tính cách bảo thủ tự bản chất, và trong những vận động sâu xa của xã hội chúng rất cuộc cũng sẽ rơi trở lại về phía bảo thủ, thì làm sao thỏa hiệp được ý niệm cách mạng mà Trung Hoa vẫn hô hào, với bản chất của thực tại chính trị mới đang thiết lập? Cho nên, sau những trận nổ súng trên vùng biên thù Oussouri, người Trung Hoa thì gọi những nhà lãnh đạo trong diện Cẩm linh là những « Nga hoàng mới » và người Nga thì quả quyết rằng Trung Quốc đang trở về với dĩ vãng đế quốc và « thiên triều ». Trong một nghĩa nào, cả hai lời tố cáo đều có phần xác đáng, bởi vì, cả Nga xô lẫn Trung Quốc, sau nửa thế kỷ chấn động, đang phải trở về với những hình thức cai trị phù hợp với bản chất riêng và với những đòi hỏi tất yếu sâu xa của mỗi dân tộc: người Nga cần phải lãnh đạo với những cường chế độc tài để có thể chế ngự được bản năng vô chính phủ (instinct anarchique) trong tâm thức giống dân *Slaves*; người Trung Hoa thì như từ bao giờ vẫn cần phải có một đấng

quân vương xưng đế hiệu và tập trung quyền bính để xóa bỏ những khuynh hướng chủ biệt và ly tâm hằng có trong khối người đông đảo và bi hiểm này... Những yếu tố phát triển cũng gây khủng hoảng không ít trong ảo tưởng thống nhất giữa các quốc gia Cộng sản, bằng chứng rõ rệt nhất là sự khác biệt giữa trình độ phát triển của Nga xô và Trung cộng đã quyết định nên tất cả sự phân ly trong chính sách và hướng đi của hai cường quốc cộng sản này. Hơn năm mươi năm chấn động cách mạng tại Nga xô đã có thể dần dần kết thúc bằng một tình trạng tương đối dịu dàng và mềm dẻo, chỉ bởi vì nước Nga ngày nay đã đạt đến một giai đoạn phát triển khá cao, cho phép dân tộc Nga nghĩ đến một nền kinh tế tiêu thụ (économie de consommation) thay vì cứ tiếp tục quay cuồng mãi trong những sắt máu của một diễn trình cách mạng không bao giờ kết liễu; trình độ phát triển kinh tế này chưa đạt được tại Trung Quốc, người Trung Hoa vẫn còn phải sinh tồn trong những điều kiện khe khắt, vì thế không có gì lạ khi những người lãnh đạo ở Bắc kinh vẫn tiếp tục coi Cách mạng như món hàng xuất cảng lớn lao đáng kể nhất của họ, và mọi nhân vật lực đều đang dồn vào việc chế tạo khí giới nguyên tử hầu chiếm được một uy tín lãnh đạo trong thế giới thứ ba. Những vấn đề thực tế đang chi phối chính sách và đường hướng của hai thành trì Cộng sản quốc tế là như thế; thiết tưởng không ai trong phần cuối này của thế kỷ còn ngây thơ nhìn vào thế giới Cộng sản và tìm hiểu người và việc qua những giáo điều mác xít chỉ còn « chính thống » trong kinh điển...

Những điều kiện giai đoạn và địa phương cũng đã tạo nên cả một chuỗi những vùng đất hay những vận động cộng sản riêng biệt, khác nhau về hình thức và cả đến nội dung, từ những nước gọi là Cộng sản ở Đông Âu cho đến những đảng Cộng sản nhỏ nhỏ (mini-partis) ở Phi châu và Nam Mỹ, qua một trường hợp đặc biệt là quốc gia Cuba của F. Castro. Nếu chính quyền gọi là Cộng sản đã được thiết lập ở Nga tiếp theo những sách động chống lại một chế độ Nga hoàng đã hủ hóa đến cực độ, để rồi cuối cùng cũng trở nên một chế độ Nga hoàng của thời đại mới; nếu Trung Hoa đã nhân danh mác xít giải quyết một tình trạng mâu thuẫn và chậm tiến đối nội, thiết thời và nhục nhã đối ngoại, để rồi cũng trở nên một thứ đế quốc thiên triều với những khí cụ ý hệ khác, thì các chính quyền gọi là Cộng sản tại vùng Đông Âu lại được thiết lập trong khuôn khổ

những vận động quân sự và nhân văn liên hệ với người Nga trong giai đoạn giải quyết thế chiến thứ 2. Nói cách khác, nếu vào cuối thế chiến 2 mà không có sẵn một nước Nga xô Cộng sản vĩ đại đứng trong hàng ngũ các nước đồng minh thắng trận, thì hẳn đồ các quốc gia gọi là Cộng sản tại Đông Âu đã khác hẳn với hiện trạng. Những liên hệ quân sự và nhân văn đã có từ lâu trong lịch sử giữa Nga và vùng Đông Âu, nhưng chúng lại được thể hiện trở lại một cách rõ rệt bằng những can thiệp của Nga xô trong vùng này ngay trong giai đoạn giải quyết thế chiến, để thiết lập tại đây những chính quyền Cộng sản gây thế đứng địa dư và lịch sử cho chính quốc Nga ; lần này, những can thiệp được thực hiện dưới chiêu bài Mác-Lê và Cộng sản quốc tế, nhưng căn bản vẫn là để đáp ứng với những nhu cầu sâu xa của dân tộc Nga về phương diện chính trị, nhân văn, chiến lược ; vì lẽ đó, người Nga đã phải tiếp tục can thiệp tại Đông Âu dưới tất cả mọi hình thức từ hơn hai mươi năm nay, mỗi khi cần thiết, để duy trì một thể sinh tồn và phát triển cần thiết cho nước Nga. Những can thiệp ở Hung gia lợi năm 1956 và Tiệp khắc mới đây chỉ là những trường hợp can thiệp nổi bật bằng vũ lực ; Mặc tư Khoa còn nhiều phương thế để chỉ huy và can thiệp khác hơn và dĩ nhiên là những lời giải thích dựa trên tinh cách chính thống hay không của đường lối và chủ nghĩa mà người Nga đưa ra sau mỗi lần can thiệp cũng chỉ là những lời lẽ lý thuyết được sử dụng như một khí cụ chính trị của thời đại mới mà thôi. Như thế, trên địa bàn Đông Âu, sự thiết lập các chính quyền gọi là Cộng sản ít có ý nghĩa như là kết quả của một vận động từ ý sống bên trong của các dân tộc này, mà đúng hơn là do những yếu tố can thiệp từ bên ngoài của cường quốc Nga xô, và những động cơ thực sự đã tạo ra can thiệp cũng không thể được giải thích hay biện minh một cách thực tế bởi chủ nghĩa Mác-Lê hay lý tưởng vô sản quốc tế ! Từ căn bản xuất phát đó, với diễn tiến về sau của thực tế chính trị và của giềng mối tương quan quốc tế giữa hậu bán thế kỷ 20, các quốc gia gọi là Cộng sản ở Đông Âu đã dần dần khai triển lịch sử của mình theo những nhu cầu của thực tại dân tộc trong tương quan với hoàn cảnh, hơn là khai triển theo chủ nghĩa Mác Lê, ngoại trừ một kỹ thuật kinh tế chỉ huy được áp dụng như một phương pháp phát triển và cai trị hơn là một hệ luận bó buộc của chủ thuyết Cộng sản. Và cũng thực tế là, ngày nay, người ta không quan sát tìm hiểu vùng đất gọi là Cộng

sản này dưới những tiêu chuẩn và giáo điều của lý thuyết Mác Lê nữa, mà người ta chỉ nhận định những biến chuyển ở đây dưới ánh sáng của những đòi hỏi thiết thực có tính cách dân tộc, cá nhân, hay những nhu cầu và áp lực chính trị, kinh tế mà thôi. Trong hiện trạng, chiều hướng tiến hóa nói trên đã tạo nên tại Đông Âu cả một loạt những quốc gia Cộng sản với nội dung xã hội chủ nghĩa cũng như lập trường đối ngoại có màu sắc khác biệt nhau, tùy theo điều kiện địa lý, nhân văn, kinh tế, và chính trị ; chẳng hạn, đối với Nga-sô, thì Albania hoàn toàn chống đối, Nam Tư đã ly khai, Rumania thì ngờ vực, riêng quốc gia Bảo gia lợi vẫn có vẻ thân thiết với nước đàn anh Nga xô. Tại sao ? Bởi vì Bảo gia lợi đã tìm được trong « tinh hữu nghị » này công thức tốt đẹp và có hiệu quả nhất để đạt được một thể sinh tồn không thể khác hơn được ; từ sau thế chiến, Nga xô đã đóng góp cho Bảo khoảng 3 tỷ Mỹ kim, trong số đó có cả 100 triệu Mỹ kim bằng thỏi, và có dấu hiệu cho thấy Nga vẫn còn sẵn sàng chi tiêu thêm nữa cho Bảo gia lợi ; tất cả những chi tiêu đó là để đổi lấy sự ủng hộ của Bảo, cho phép Nga giữ được chân đứng tại vùng Balkans, một sự ủng hộ mà người Bảo cũng tự biết rằng khó có thể từ chối đối với Nga xô ; ngoài ra, giữa hai nước, còn có những liên hệ truyền thống về văn hóa và tôn giáo : chính người Nga, vào cuối thế kỷ trước, đã giúp Bảo gia lợi kết liễu năm trăm năm chiếm đóng của người Thổ Nhĩ Kỳ. Sự trao đổi này cũng ảnh hưởng đến cả nội dung xã hội chủ nghĩa ở đây : theo dấu Mác tư khoa, không khi chính trị tại Bảo gia lợi đứng vào hàng ngột ngạt nhất trong khối Đông Âu ; ngoài ra, vì vai trò « khách hàng » của mình đối với Nga, người Bảo trở nên ít sáng kiến và bất động ; dân số ít ỏi cũng là một yếu tố ấn định nên chính sách của Bảo, như một nhân viên ngoại giao Bảo đã nói : « Dầu cho chúng tôi có được một chính sách độc lập, thì một xứ Balkan với 8 triệu dân như thế này liệu sẽ có tiếng nói nặng được bao lăm ? ». Trong những điều kiện khác, thì nước Bảo có thể sẽ có một xã hội chủ nghĩa khác hơn, và độc lập hơn, như Albania đã làm, như Nam Tư đã làm, như Hung gia lợi và Tiệp khắc đã làm, mặc dầu chưa được hoàn toàn thành công. Tại Phi Châu và Nam Mỹ, các vận động mác xít đang mạnh mẽ hay đã thành hình lại bắt nguồn từ sự bối rối vì một tình trạng chậm

tiền hậu thuộc địa đòi hỏi một kỹ thuật phát triển đặc biệt để giải quyết nhanh chóng một xã hội gần như bán khai, cùng những phương tiện để đạt được mục đích đó; tùy theo những phương tiện này được cung cấp bởi chính quyền Cộng Sản đàn anh nào, các phong trào Cộng Sản địa phương sẽ phát triển theo chiều hướng đó; tuy nhiên, đôi khi những vận động địa phương lại không theo một kiểu cách nào rõ ràng giữa hai cực Mác tư Khoa và Bắc Kinh, mà lại được điều hướng bởi những nhu cầu cụ thể đặc biệt của riêng mình để rồi cố gắng tìm một kiểu mẫu khác, có tính cách độc lập và địa phương hơn, chẳng hạn như chính quyền « Dân chủ Cộng hòa Soudan » vừa mới thiết lập, được các quan sát viên nhận xét là sẽ rập theo khuôn mẫu Le Caire hơn là theo Nga Sô hay Trung Hoa. Hơn nữa, khuynh hướng và mục tiêu chung của những vận động mác xít trong những vùng này là chống lại những hình thức thực dân chủ nghĩa mới, tức là một tên gọi và một hiện tượng chỉ xuất hiện sau thế chiến và sau phong trào giải thực; nội dung của hiện tượng này cũng được phát hiện và định nghĩa theo nhiều cách khác nhau, tùy theo loại vấn đề hay chương ngại mà mỗi vùng phải đối đầu và phải giải quyết; nó không còn mang tính chất thuần khiết và phổ quát như những kẻ thù mà giáo điều mác xít trước thế chiến 2 đã vạch ra. Do đó có thể nói là, ngày nay, có bao nhiêu vùng đất còn chậm tiến và nghèo đói thì có bấy nhiêu kiểu vận động Cộng Sản, và ngay trong những quốc gia Cộng Sản, mức độ phát triển càng tăng thì tính chất khốc liệt của cách mạng càng giảm thiểu. Ngay tại các thành trì của xã hội chủ nghĩa, đường hướng cũng như nội dung của những vận động xã hội đang được thế giới tư sản gán cho một tên gọi tổng quát và đã trở nên mù mờ tối nghĩa, là tên gọi « Cộng sản », chính những vận động xã hội khác biệt đó cũng đang ngày càng trở nên khác biệt, vì chúng thực ra đang đối diện với những đòi hỏi địa phương hoàn toàn dị biệt. Như thế, rõ ràng là các yếu tố cá nhân, địa phương, dân tộc, đang chi phối ngày càng mạnh mẽ và rõ rệt các vận động xã hội bấy lâu nay vẫn nhân danh một chủ thuyết chung gọi là chủ thuyết Mác xít và Cộng sản; sự chi phối này mạnh mẽ đến nỗi danh từ « Cộng Sản » đã trở nên ít có ý nghĩa thực tế trong lịch sử hiện đại, và nó chỉ còn được dùng đến một cách nhiệt tâm trong từ ngữ tuyên truyền của các vùng đất đang trực tiếp đối phó với những mối đe dọa do những vận động xã hội đó đem lại.

Riêng đối với những vùng đất còn chậm tiến và nghèo đói tại Á, Phi, và Mỹ la tinh, thì, tổng kết, mẫu số chung của các vận động có tính cách địa phương, xã hội, và đôi khi còn mang màu sắc của quốc gia chủ nghĩa, vừa nói trên đây, một mẫu số chung như thế, nếu có, thì có lẽ cũng chỉ còn tìm thấy gói ghém được trong những đòi hỏi căn bản mà lãnh tụ của « Dân chủ Cộng hòa Soudan » vừa nêu rõ khi ông tuyên bố: « Chúng tôi đang hành động để nền độc lập được thể hiện thực tế bởi cơm ăn, áo mặc và *danh dự* » (*dignity*). *Danh dự*, hay quyền được làm một người, một dân tộc xứng đáng, là một ý niệm và một đòi hỏi quan trọng cần lưu ý. Ý niệm và đòi hỏi này sẽ giúp hiểu được then chốt của những phân ly tại Việt Nam.

Vận động Cộng sản Việt-nam liên hệ chặt chẽ với vận động giải thực chống người Pháp trên địa bàn Đông dương. Về phương diện ý thức, nó là kết quả của một công trình tìm kiếm trời nổi một phương sách để vượt bỏ ách thống trị của người Pháp, đồng thời giải quyết vấn đề phát triển và tiến bộ của một vùng đất vừa phong kiến vừa chậm tiến. Trên thực tế kỹ thuật, nó chỉ thành công một nửa ở Việt-nam nhờ sự thiếu sót kinh nghiệm chính trị của dân tộc vào giai đoạn kết liễu thế chiến 2, và nhờ danh nghĩa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp hồi đó đang kết tụ tất cả những thành phần ái quốc tiến bộ nhất của dân tộc. Khi kháng chiến chống Pháp chấm dứt, một chính quyền mác xít đương nhiên đã thành hình, với một lãnh thổ phân biệt, với một quần chúng thụ động chờ đợi những thử thách mác xít thời bình lần đầu tiên được thi thố trên quê hương Việt. Ở đây cũng như ở những nơi chốn khác giữa nhân sinh, không có thành công hay thất bại tuyệt đối. Chỉ biết rằng chế độ miền Bắc, kể cả sự nổi dài của nó ở trong Nam đã góp phần tạo nên tại đây tình trạng tương tranh sa đọa hiện tại, cũng chỉ là tiếp nối một sự nghiệp gọi là cách mạng đã khởi đầu trong gian lao và ý thức cách hay hơn ba mươi năm. Sự nghiệp đó được tiếp nối giữa một nửa dân tộc Việt sống trong khắc khổ, đặm bạc, và nhiều hi sinh, và đang đòi hỏi được tiếp tục khai triển qua một nửa kia dân tộc không mấy thiết tha với những phương thức xã hội đem lại bởi một thiểu số lãnh đạo từ một dĩ vãng đã nhạt nhòa. Nói cách khác, hào quang lịch sử của thiểu số

lãnh đạo cách mạng mác xít tại V.N. đã gần như lu mờ kể từ sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp đã thành công, và vận động giải thực đã hoàn tất. Những gì xảy ra sau đó tại miền Bắc cũng như miền Nam, đều được gược gọi dưới danh xưng hay chiêu bài nào, thì cũng chỉ là sự khai triển của một sự nghiệp và một dĩ vãng. Đặc biệt tại miền Nam, sự khai triển đầy máu lửa đó đã được thực hiện *nhờ những kẻ hồ của một chủ nghĩa quốc gia đang bàng hoàng vì chưa xây dựng nổi một nội dung có thực chất*. Như thế có nghĩa là những người Cộng sản đã thiết lập được chính quyền tại VN nhờ thời cơ và nhờ kỹ thuật hơn là do một tương quan thực sự giữa chủ thuyết Mác Lê với thực tế dân tộc; và, mặt khác, còn nhiều điều cần phải duyệt xét lại trên nội dung xã hội cũng như về tư thế của miền Nam để có thể hóa giải một sách lược không phù hợp với tâm thức dân tộc. Xét từ quan điểm dân tộc, hai điều vừa ghi chính là hai khía cạnh căn bản của một sự thực sâu xa đã được cảm nhận từ lâu bởi đa số nhân dân VN; nhưng sự thực này chưa bao giờ được làm sáng tỏ trên vùng đất này, vì các thế lực tương tranh trong gần 25 năm qua chỉ chạy theo đà của một sự đối nghịch giữa hai thiểu số lãnh đạo, mỗi bên đều xây dựng chiêu bài của mình không liên quan bao nhiêu với ý sống đơn giản và thực sự của nhân dân. Hơn nữa, các chiêu bài của hai bên thực ư đã *đưa vào nhau mà khai triển*, và với thời gian những lập trường cùng những chiêu bài đã chồng chất lên nhau để cuối cùng che lấp hẳn ý định khởi đầu cũng như ý sống căn bản của quảng đại quần chúng. Rốt cuộc cả hai bên đều trở nên những guồng máy, với tất cả những phi lý tưởng như không bao giờ giải tỏa ra được nữa... Một đôi lúc hiếm hoi, một vài cá nhân lãnh đạo muốn tự gỡ ra khỏi những vương mắc trùng điệp xây dựng trên những giả trá và tương quan không đúng cách, nhưng nỗ lực quá trễ và không đúng lúc chỉ có thể bị các guồng máy nghiền nát. Phải đợi đến lúc cả hai guồng máy đều tự thấy bế tắc, sự thực của dân tộc mới bắt đầu được phát hiện trở lại trước thế giới; đây là một cơ hội mới cho sự thể hiện sự thực dân tộc, sau hai cơ hội, đã lỡ 1946 và 1954 (khúc quanh 1963 không phải là một cơ hội, trong viễn tượng dân tộc; nó chỉ là một sự gia tăng áp lực của các thế lực tương tranh). Nhưng cơ hội ngày nay cũng chỉ mới có thể là một khởi điểm; sự thực của dân tộc sẽ còn phải được mài dũa trong tương lai, trước khi có thể trở nên thuần khiết hơn,

trước khi được thực tại hóa một cách ổn cố trong lịch sử Việt. Bởi vì vấn đề không chỉ là cơ hội và ý thức, vấn đề thiết yếu là vấn đề *người*, và chế độ. Chưa thể đưa nổi một tổng đề của sự thực dân tộc vào thực tế lịch sử, bao lâu ở hai bên ranh giới còn những người mà lẽ sống là bảo vệ « sự nghiệp », dù sự nghiệp đó là một dĩ vãng chưa muốn chấm dứt hay những quyền lợi không muốn bị thương tổn. Tuy nhiên, khởi điểm vẫn cần được nắm vững, cần được làm sáng tỏ bởi ý thức tiến bộ tiềm tàng trong dân tộc, cần được đặt cơ sở bằng tổ chức, để tạo nên một cái nhân xuất phát cho tiến bộ đúng hướng đi vào tương lai; vận động mới của một ý thức tiến bộ đúng hướng sẽ được hỗ trợ của tất yếu lịch sử, và chắc chắn sẽ kết tụ được sức sống dân tộc trong một trào lưu mới, cũng như sức sống dân tộc đã kết tụ thành đấu tranh dũng liệt và hi sinh vô bờ bến mỗi khi phải đứng trước một khúc quanh quyết định và được soi sáng bởi một ý thức bám sát được thực tại. Thảm kịch V.N từ 1960 đến nay chính yếu là ở chỗ không còn một ý thức lãnh đạo thực sự kết tinh từ đa số nhân dân, từ đó có được một phương hướng triển khai lịch sử phục vụ cho dân tộc một cách dài hạn. Miền Bắc nặng nề những kỹ thuật tuyên truyền, miền Nam chỉ có những thành phần quần chúng hững hờ và phần hóa, chính vì dân tộc không còn một ý thức lãnh đạo nào gọi được là của dân tộc. Cũng vì thế mà miền Bắc phải tiến hành vận động của mình qua kỹ thuật giả trá khe khắt, qua chinh chiến tang tóc không ngưng, và miền Nam cũng chưa thanh toán được sự phân hóa, chưa kết hợp được quần chúng với chủ trương « chống Cộng » đơn giản. Những gì còn thiếu sót ở giữa các cực đoan đó, chính là khởi điểm của vận động dân tộc cần phải hình thành.

Những thiếu sót giữa cuộc tương tranh phân ly tại V.N không phải là những thiếu sót chi tiết thông thường trong bất cứ xã hội nào; trái lại, ở đây đã và đang có những khoảng trống lớn lao và chính yếu, chúng đã tạo nên tất cả cơn lốc mịt mờ trên quê hương Việt có thể làm nản lòng những ý thức minh bạch và những tâm hồn thiện chí nhất. Những khoảng trống đã được ý thức tiến bộ Việt-nam nhìn thấy qua những câu hỏi luôn luôn được đặt ra trong một thể song phương và hỗ tương: tại sao dân tộc Việt ở miền Bắc đã phải hi sinh quá nhiều, chính quyền

miền Bắc bùng nổ quá nhiều, mà vẫn chưa đạt được mục đích của họ? Tại sao miền Nam chỉ có những chiến thắng theo thống kê tồn thất, mà vẫn không bình định được xã hội? Tại sao người Việt miền Bắc đã thành công trong việc nêu rõ được gương hi sinh trước mắt thế giới, mà vẫn không chinh phục được những người Việt tự do bên này vĩ tuyến 17? Tại sao miền Nam tương đối sung túc phồn thịnh, mà những người Việt ở đây vẫn cảm thấy day dứt một nhu cầu tìm kiếm một ý nghĩa đường dẫn hơn cho tương lai? Trong một mức độ nào, những câu hỏi đau lòng này đã phát sinh như những chấn động địa phương của một thể tương tranh rộng lớn hơn trên toàn thế giới trong hai mươi năm qua: nhưng một khi những tương tranh qui mô trên thế giới đã được kết tinh và dàn xếp trong những tương quan thực tiễn mới, thì người Việt phải có đủ ý thức thực tiễn và lương tâm dân tộc để trả lời hữu hiệu cho những câu hỏi đó. Tìm kiếm đủ kiện để trả lời, vận động thực tại để trả lời, chuẩn bị nhân sự để trả lời. Bởi vì *vận động đích thực của dân tộc từ nay chỉ là để trả lời ổn thỏa cho những câu hỏi lịch sử này*, và bởi vì *khi đã thành hình được giải đáp thì người Việt cũng đạt được thống nhất dân tộc, thống nhất đất nước*. Nội dung căn bản, nhiệm vụ tối hậu của thể hệ Việt ngày nay không ngoài công cuộc đạt đến những giải đáp đó, và thể hiện chúng trong lịch sử, dầu cho tên gọi có khác nhau: hội nhập và hóa giải vận động mác xít trong thực thể dân tộc, hay vận động của «người Việt ở giữa», hay vận động quốc gia tiến bộ, quốc gia cấp tiến, v.v... Từ ngữ ở đây không phải là vấn đề chính yếu, danh xưng không quan trọng bởi có thể thay đổi tùy theo quan điểm nhìn ngắm mục tiêu và tùy theo tiện nghi giai đoạn: điều quan trọng là diễn tiến của lịch sử đã cho phép ý thức dân tộc kết tinh được trong một đường hướng sống duy nhất còn lại, thực tiễn nhất, có triển vọng nhất, sau một dĩ vãng bị lôi cuốn phân ly bởi những thế lực tương tranh ở ngoài giới hạn dân tộc. Và điều quan trọng cũng là làm thế nào để cho đường hướng đó ngày càng trở nên thuần khiết và sáng tỏ, như một hiển nhiên của thực tại, để có thể san bằng những trở ngại phản động, dù là phản động cực tả hay cực hữu. Người Việt phải vượt qua cho kỳ được cái vòng luẩn quẩn cực tả với cực hữu, thực ra chỉ là phản ảnh méo mó, thô kệch của một giai đoạn thư hùng giữa các thế lực quốc tế hiện nay đã trở

nên quá vắng; bởi vì giữa lúc con người đã đi đến mặt trăng, giữa lúc những dân tộc khác trong vùng Đông Nam Á vẫn phát triển đều hòa và thanh bình từ bao lâu nay, thì không có lý do gì người Việt vẫn tiếp tục giết nhau cho những ý nghĩa không rõ rệt, không có lý do gì để tiếp tục một cuộc chiến làm sa đọa xã hội và băng hoại dân tộc. *Đã đến lúc người Việt phải dứt khoát với những tuyệt đối thể, coi những tuyệt đối thể như là phản động, đối chiếu với quyền sống của dân tộc*. Đã đến lúc làm sáng tỏ sự thực này: bất cứ một chế độ cực tả hay cực hữu nào đều không thể áp dụng được trên một vùng đất mà nhân dân đã trưởng thành qua quá nhiều thử thách và khổ đau.

Thực ra, từ trước đến nay, mọi vận động quốc gia tại V.N muốn có thực chất đều phải bao hàm ý muốn *vượt khỏi* sự vương mắc song hợp Cực Tả/Cực Hữu, Quốc gia/Cộng sản, bởi vì, từ khởi thủy của thảm kịch V.N bắt nguồn từ bước đầu của vận động giải thực, đã có mầm mống của phân ly và tương tranh do hai phương hướng chọn lựa kỹ thuật khác nhau để cùng thực hiện một số mục phiêu tương tự. Các phong trào quốc gia trước đây đều hàm chứa ý muốn đó, nhiều hay ít, tùy theo nhận thức của những người chủ xướng về thực tại cách mạng sâu xa và căn bản tại V.N như vừa ghi nhận trên đây; trong cương lĩnh của những vận động quốc gia muốn có thực chất đã xuất hiện trong quá khứ, vì lẽ đó, cũng đã có hàm chứa một ý muốn triển khai cách mạng dân tộc qua con đường triệt tiêu tuyệt đối thể Cộng sản, bằng cách đáp ứng đúng nhu cầu dân tộc bằng những phương thức khác với Cộng sản. Từ Duy Dân đến Cần lao Nhân vị cách mệnh đảng đều đã có bao hàm nhận thức dài hạn đó. Nhưng tất cả đều chưa đạt mục đích. Cho nên, trong nhu cầu vượt khỏi sự luẩn quẩn Cực Tả/Cực Hữu ngày nay, người Việt phải tìm được một căn bản mới để tin tưởng vào sự thành công của vận động mới. Chúng tôi nghĩ rằng căn bản vững chãi và đáng tin cậy nhất là sự chín muồi của *thực tại*: nói cách khác, là *thời cơ* mới, phát sinh từ diễn tiến của thực tại, mà trước đây chưa hội đủ.

Thực tế thuận lợi về mặt bối cảnh quốc tế và tương quan đối ngoại là yếu tố thuận lợi thứ nhất cần được ghi nhận. Những vận động quốc gia trước đây, vì cái vị thế khó khăn là đối lập với cực Tả Cộng sản giữa cả một cuộc đấu tranh giải thực chưa hoàn thành và lại được độc quyền lãnh đạo bởi Cộng sản, thì tất nhiên không

thề nào đào sâu hơn vào chính nghĩa dân tộc và làm sáng tỏ chính nghĩa đó, dưới áp lực của thực dân và trước một chính nghĩa đã lọt vào tay cực Tả. Sau 1954; ý đồ vượt khỏi gọng kềm cực Tả/cực Hữu cũng vẫn chưa thi hành được, vì chúng ta không thể quên rằng chính quyền Ngô Đình Diệm, trong tương quan quốc tế, đã được thành hình giữa cao trào của chủ trương Foster Dulles, một chủ trương cực hữu mạnh mẽ trong một giai đoạn mà các biên giới chính trị giữa hai khối thế giới còn đang rất khắt khe và đầy nghi kỵ. Cho nên, trong bối cảnh quốc tế đó, thì dầu cho ý đồ sơ khởi của ông Ngô đình Diệm và mục tiêu tối hậu của phong trào Cần lao Nhân vị có như thế nào chăng nữa, rốt cuộc cũng bị các thế lực tương tranh rộng lớn tràn ngập và nhận chìm. Ngày nay, bối cảnh quốc tế đã thay đổi nhiều, các thế lực tương tranh toàn cầu đang có những dàn xếp mới, do đó đang mở cho vận động dân tộc chân chính tại V.N một cơ hội thử thách mới. « *V.N. phải tìm được vận mệnh của mình* », có lẽ bây giờ là lần đầu tiên kể từ sau 1946 mệnh đề này được quốc tế chấp nhận và đồng ý với nhau một cách tương đối, bởi vì hiện nay quốc tế sẽ có lợi hơn nếu mệnh đề trên thể hiện được ở V.N., như một đóng góp cơ cấu cho sự sắp xếp chung trên toàn thế giới và cho sự ổn cố tại Đông Nam Á. Ngoài ra, vận động giải thực cũng đã hoàn tất, ít nữa là trên bề mặt cụ thể nhất; chính nghĩa V.N cũng đã được phân tách và gạn lọc qua một cuộc chiến dai dẳng không có thắng bại rõ rệt, và bây giờ người ta đang phải giải quyết những vấn đề khác với những vấn đề trong dĩ vãng, và việc giải quyết này cần đến sự thể hiện một thực thể dân tộc ổn cố và thuần khiết hơn trên vùng đất V.N.

Từ đó, chúng ta ghi nhận một thực tế thuận lợi thứ hai cho khởi điểm của vận động vượt khỏi cực Tả/cực Hữu tại V.N, là sự đồng qui tất yếu phải có của mọi vận động chính trị tại đây vào thực tại *dân tộc*, một thực tại mà các thế lực phân ly từ trước đến nay đều nhân danh một cách phiến diện.

Như đã được quan sát trong phần trên của bài nhận định này, những người lãnh đạo cực tả Cộng sản đã, đang, và sẽ vấp phải hai thực tại căn bản và lớn lao không thể vượt qua nổi: đó là yếu tố cá nhân, và yếu tố *dân tộc*. Những yếu tố đó không thể vượt qua được, bởi vì chúng không phải là «thượng tầng kiến trúc» hay «hạ tầng cơ sở» gì hết, như giáo điều mác xít đã rao giảng một thời nào

đã cũ; chúng chính là kích thước, là khuôn khổ, là thân phận của đời sống. Ngay trong thời kỳ thử thách đầu tiên của chủ nghĩa Cộng sản tại Nga, Lâm ngữ Đường đã ghi nhận được trong thực tế chính trị Nga số những yếu tố cá nhân và dân tộc, — mà ông gọi là « nhân tính » —, những yếu tố căn bản này đã phát hiện ra trên thực tế chính trị qua tính tham quyền bính nơi cá nhân, tính thích đặc quyền và khoái hoạt dần dần đưa đến sự tái lập giới tân tiểu tư sản, và nhân tính thứ ba là thích uy lực cho quốc gia, dân tộc mình. Cho nên, sau hơn nửa thế kỷ đem chủ nghĩa vào lịch sử, các chính quyền Cộng sản trên toàn thế giới đều phải đi vòng quanh những trở ngại nội tại và không thể vượt được này, và kết quả là mỗi giai đoạn mỗi địa phương đều phải đem ra những sáng tạo mới, không liên hệ mấy với giáo điều mác xít, những sáng tạo này chỉ có mục đích và tác dụng là phục vụ cho những đòi hỏi của địa phương và giai đoạn. Ví dụ, riêng cho Cộng sản V.N, mục đích và tác dụng tổng quát của những sáng tạo Cộng sản V.N là chống thực dân, chống đế quốc. (Và bao lâu mà miền Nam tự do còn chưa có đủ vừa ý thức lãnh đạo, vừa nhận sự lãnh đạo, để dứt khoát làm sáng tỏ rằng vận động giải thực đã tuyệt đối hoàn tất, rằng không còn có hình thức đế quốc nào, hoặc *di sản nhân sự* của thực dân đế quốc nào trên vùng đất này, bao lâu miền Nam chưa làm sáng tỏ được điều đó thì tác dụng thực tế của cực Tả V.N vẫn còn).

Nói đến mục đích và tác dụng thực tế cho mỗi địa phương, mỗi giai đoạn, tức cũng là nhận chân rằng chủ nghĩa Cộng sản cũng chỉ còn là một chiêu bài, một manh áo cũ; và thực tại các vùng đất gọi là Cộng sản, — kể cả Bắc Việt, nhất là Bắc Việt —, cho thấy rằng yếu tố chủ nghĩa đã mờ nhạt, chỉ còn lại rõ rệt nhất là *dân tộc*, và *những kẻ nắm quyền*. Trong viễn tượng đó, ý thức tiến bộ và tự do cũng nhận thấy được là đang có và sẽ có một sự khác biệt rất xa giữa cá nhân, sự nghiệp của thế hệ đang cầm quyền, với hiện trạng ý nghĩa cũng như với viễn tượng chuyển biến của điều mà cho đến nay vẫn quen được gọi là Cộng sản Bắc Việt.

Sự thực chưa hề có một thứ Cộng sản nào đã bắt rễ được trong tâm thức và nhu cầu của dân tộc Việt nam. Chỉ có sự quật cường, nhu cầu chuyển hóa, chống ngoại xâm, đòi hỏi độc lập và danh dự... tất cả những điều đó đã bị tóm thâu và lãnh đạo bởi cực Tả trong cuộc chiến đấu chống thực dân; sau đó, chính quyền cực

Tả đương nhiên được thiết lập, được duy trì bằng kỹ thuật cai trị ma túy, và được nuôi dưỡng triển khai dựa vào một đối tượng tranh đấu mới, không hoàn toàn có thực, gọi là *tân đế quốc*. (Vì thế, người Cộng sản V.N luôn luôn vẫn coi cuộc chiến tranh tại Nam V.N từ 1959 đến nay như là nối tiếp của cuộc chiến đấu giải thực 1946-54; ai cũng hiểu rằng sự thực không hoàn toàn như thế; nhưng cũng chính vì sự mập mờ giữa các chính nghĩa ngày nay, mà ý thức tiến bộ tại Nam V.N đã phải luôn luôn đặt thành vấn đề một ý thức lãnh đạo, và một thành phần nhân sự lãnh đạo, có thể gọn lọc và làm cho sáng tỏ hơn nữa cái chính nghĩa tự do dân chủ ở miền Nam). Như thế, tại miền Bắc bây giờ, thực sự chỉ có một nửa dân tộc dưới một thực tế chính quyền cực Tả, với một kỹ thuật cai trị *machiavélique* tàn thời của xã hội chủ nghĩa, trong đó những khi cụ ý hệ mới cũng như những chiêu bài to lớn và đẹp đẽ được sử dụng thay thế những thủ thuật chính trị và cai trị của thời phong kiến tư sản. Trong khi đó, tại miền Nam, những chính quyền kế tiếp nhau vẫn không thể vượt khỏi được bản chất cực hữu của mình, và luôn luôn giao động bởi chưa hề kết tinh được một trọng tâm chính trị từ *căn bản của cộng đồng mà ra*, vì một lẽ rất dễ hiểu là phong trào quốc gia dân tộc tại đây luôn luôn được ghép song đôi với một cái gì ở ngoài dân tộc; những cái gì ở ngoài dân tộc đó thay đổi từng giai đoạn, trong suốt 20 năm qua, cho nên các đỉnh chính quyền xuất hiện trong mỗi giai đoạn chưa bao giờ có đủ chuẩn bị, có đủ thời gian, có đủ điều kiện để kết tinh được một trọng tâm chính trị dân tộc, nghĩa là đồng hóa được vào trong khối dân tộc mà các chính quyền đó lãnh đạo. Kết quả toàn diện là thảm kịch V.N. như đã diễn ra từ gần một phần tư thế kỷ nay: cuộc chiến tranh giữa các chiêu bài không được gọn lọc rõ rệt, bởi vì không thực sự phục vụ dân tộc; và, đông đảo ở hạ tầng, là khối dân tộc đỏ máu không ngưng, khối dân tộc mà tâm trạng căn bản là thù lý và phân hóa bởi vì chưa tìm được rõ rệt vị trí của mình giữa các chiêu bài trao đổi. Vì bối cảnh đó, trên quan điểm của ý thức dân tộc tiến bộ, điều được hi vọng và cần phải thể hiện là *các chiêu bài phải được gọn lọc hơn nữa*, để cho các danh xưng và nội dung căn bản thực sự phải được tách rời minh bạch; từ sự gọn lọc và phân tách đó, nhiên hậu mới bộc lộ rõ rệt những mâu thuẫn chung của nhu cầu dân tộc trong toàn bộ: đó là khởi điểm duy nhất để đạt đến thống nhất dân tộc. Trong dài hạn, nếu dân tộc Việt còn đủ sinh lực để tồn tại như một dân tộc,

thì phương hướng vừa gọi ra trên đây chính là kết luận đúng đắn để kết thúc thảm kịch V.N, mở ra một viễn tượng tiến bộ mới ở bên kia khối lửa, tang tóc và nhục nhằn.

Như vậy, căn bản mới giúp cho vận động dân tộc chân chính ở V.N ngày nay có thêm yếu tố thuận lợi để thực hiện được, là: *sự dân xếp đang hình thành của hệ thống tương quan quốc tế liên hệ đến V.N*; và *sự thực của dân tộc đã kết tinh được, đã bộc lộ được* qua một quá trình tương tranh không thắng bại dứt khoát một cuộc tương tranh mà tác dụng tích cực nhất, rốt cuộc, có lẽ là đã góp phần đánh tan những ảo tưởng cũng như những giả tương trên vấn đề V.N.

Nhưng, căn bản mới và thuận lợi nói trên chỉ là thời cơ. Vận động dân tộc chân chính muốn đi đến kết thúc tốt, lại cần phải ưu tiên thực hiện hai điều liên hệ chặt chẽ với nhau: *giữ vững một miền Nam với đầy đủ Tự do và sáng tạo*, bởi một *lãnh đạo dân tộc tiến bộ*.

Điều quan trọng tức thời là giữ vững miền Nam Tự do, như một cứ điểm cuối cùng không thể buông trôi, như một phần đất duy nhất còn lại của tổ quốc trên đó mọi thí nghiệm mọi thử thách đều còn có thể quan niệm được. *Nếu không còn một miền Nam Tự do, thì cơn say ma túy cực Tả sẽ trở nên toàn diện trên dân tộc Việt*, và hy vọng điều chỉnh cuối cùng của chủ nghĩa dân tộc chân chính và tiến bộ cũng sẽ bị triệt tiêu hoàn toàn. Cho nên trước hết là miền Nam phải được bảo vệ; nói đúng hơn, *phải bảo vệ cho kỳ được đời sống có Tự do và có Sáng tạo trên vùng đất này, để từ đó chúng ta sẽ điều chỉnh mọi việc cần điều chỉnh*, trong khi chờ đợi những điều kiện lịch sử thuận lợi hơn cho vận động tổng hợp và thống nhất của dân tộc.

Miền Nam V.N phải tồn tại như một vùng đất đầy đủ Tự do và Sáng tạo. Đó là điều kiện tiên quyết để phát xướng vận động dân tộc chân chính. Nhưng, ngay sau đòi hỏi tiên quyết đó, và, trên thực tế, ngay sau khi ngưng tiếng súng trên phần đất này, phải đặt ngay đòi hỏi không kém phần thúc bách kia, tức đòi hỏi thiết trí một lãnh đạo có tinh chất dân tộc và có tính chất tiến bộ. Có như thế mới mở được triển vọng tạo nên một sinh lực mới tại miền Nam, đủ để hóa giải những dụng cụ chính trị và những chiêu bài mà cực Tả Cộng sản đã luôn luôn dùng đến trong hơn 20 năm qua để áp đảo, để làm băng hoại mọi vận động

quốc gia dân tộc trong quá khứ, mà nhược điểm là phiến diện, vọng ngoại (dù muốn, hay không muốn) thiếu căn bản dân tộc, và thiếu ý thức tiến bộ. Trong quan điểm dân tộc chân chính thì, trong dài hạn, *đấu tranh chính trị tại miền Nam sau cuộc chiến không phải là một cuộc sống mái cuối cùng giữa cực Tả và cực Hữu, mà là để đưa được ra ánh sáng một vận động dân tộc mới, trong đó những sự thực kết tinh và bộc lộ qua cả một quá trình phân ly từ trước đến nay đã được hội nhập*. Có quan niệm như thế, thì những xương máu nhục nhằn mà dân tộc này đã chịu đựng gần một phần tư thế kỷ nay, cuối cùng, mới phục hồi được một ý nghĩa lịch sử nào đó; có quan niệm như thế, thì miền Nam mới đứng vững được, mới hồi sinh và tiến bộ được, mới thi hành được nhiệm vụ mở đường cho sự thống nhất dân tộc trong tương lai; có quan niệm đấu tranh chính trị hậu chiến trong quan điểm trên, thì mới nói được rằng miền Nam đã đạt được một bước thắng lợi *trong dài hạn lịch sử*, bởi vì nếu quả thực đấu tranh chính trị hậu chiến chỉ là đợt thử thách tối hậu giữa cực Tả và cực Hữu ngay giữa Sài Gòn, thì một luận lý sơ đẳng nhất cũng đủ cho thấy rằng cực Tả lại bước thêm một bước lấn át nữa trên vùng đất này. Một viễn tượng như thế là một viễn tượng hoàn toàn đen tối cho đông đảo dân tộc Việt. Cho nên phải đặt vấn đề lãnh đạo dân tộc tiến bộ, *như một sách lược để giữ vững và phát triển miền Nam, như một chuẩn bị cho viễn tượng hòa giải và thống nhất dân tộc*.

Có thể nói rằng một đường hướng lãnh đạo có tính chất dân tộc và tiến bộ tại miền Nam sau cuộc chiến là một nỗ lực vĩ đại nhất cho thế hệ Việt Nam giữa hậu bán thế kỷ này, bởi vì nó là vận động cuối cùng của chúng ta để một mặt *đem lại một ý nghĩa* cho những thử thách cùng cực mà dân tộc đã trải trên hai mươi năm qua, mặt khác *tìm ra kết thúc hợp lý cần thiết cho quá trình tương tranh và phân hóa* chưa bao giờ sâu đậm, chua xót, và sa đọa như thế trong suốt lịch sử Việt. Vì được nhìn thấy trong tầm quan trọng như thế, cho nên những yếu tính của một lãnh đạo dân tộc tiến bộ cần phải được tìm hiểu qua một nghiệm duyệt và phân tích khách quan về những dữ kiện căn bản của thực tại V.N, bắt đầu từ vận động chống thực dân trên vùng đất này.

Cựu Tổng thống Hoa kỳ Lyndon B. Johnson, trong bài «Phụng sự Hòa bình», đã ghi lại một nhận định căn bản rất gần với sự

thực Việt Nam «...chế độ thuộc địa của Pháp... và cuộc chiến đấu dài và tàn phá chống lại chế độ thuộc địa, là những yếu tố 'thật của nội chiến tại Nam V.N'. Quả vậy, những rối rắm phức tạp đã bao phủ lên vấn đề V.N chỉ là những yếu tố đến sau, ngày càng trở nên nan giải theo với diễn trình phân ly giữa các thế lực *phi dân tộc*, dù là quá khích cực Tả hay phản động cực Hữu. Và ông Ngô đình Nhu, vào thời gian cuộc chiến tại miền Nam bắt đầu trở nên một vấn đề lớn, đã cố gắng tìm hiểu vấn đề bằng một nhận định căn bản: «Chúng ta có ba kẻ thù: Cộng sản, chậm tiến và chia rẽ». Ba «kẻ thù» này thực ra cũng chỉ là những hiện tượng đã được bao hàm trong nhận định của ông Johnson; ông Ngô đình Nhu chỉ khai triển chúng và phát biểu từ vị trí lịch sử của ông, vào một thời gian mà một nhận định có tính cách tổng hợp dài hạn hơn chưa thể kết tinh được. Trong căn bản, sự thực, thảm kịch V.N quả đã khởi nguồn, như ông Johnson đã nhận định, từ dĩ vãng thuộc địa tại đây, và từ cuộc vận động giải thực của dân tộc đã bị lịch sử cùng với bối cảnh quốc tế đánh lạc, tạo nên một diễn trình phân ly nhiều chiều bải và chánch nghĩa, mà lại không có chính nghĩa nào là thuần khiết và rõ rệt. Dựa sát trên phân tích của ông Johnson, là bối cảnh thực sự của mỗi tranh chấp Tả/Hữu, Quốc/Cộng tại VN: những khúc mắc của lịch sử đã làm cho cực Tả Việt nam đã đứng được về phía thuận lợi; trong lúc đó, vì nhiều lý do, cái được gọi là chính nghĩa quốc gia lại bị đặt ở một vị thế không thuận lợi, tức là vị thế phải tự khai triển trong khuôn khổ của thế lực bên ngoài. *Bối cảnh này vẫn còn kéo dài dấu vết của nó cho đến ngày nay, nhất là trên bình diện nhân sự*. Khối dân tộc đông đảo ở giữa tự thấy mình bị sâu xé và lạc lõng giữa bối cảnh tương tranh kỳ quặc đó.

Đặt lại rõ rệt bối cảnh của tương tranh như vậy rồi, ta thấy ngay rằng một lãnh đạo dân tộc tiến bộ là một lãnh đạo có khả năng gạt lọc những sự thực hàm chứa trong hai dòng vận động phân ly của dân tộc, kể từ khi phát xuất cuộc tranh đấu giải thực. Những sự thực đó là mẫu số chung trong dài hạn sẽ đưa đến hòa giải và thống nhất dân tộc. Những sự thực đó cũng không là gì khác hơn là những đòi hỏi căn bản của dân tộc, những đòi hỏi đã thúc đẩy dân tộc Việt tiến hành cuộc vận động giải thực: đòi hỏi được no ấm trong *Tự do* và *Danh dự*. Đó cũng là mục tiêu của dân tộc ngay từ khi phát khởi cuộc chiến đấu cởi bỏ sự thống trị của thực dân Pháp, một mục tiêu mà phải sau gần một phần tư thế kỷ đầy hi sinh, tang

tộc, và chia rẽ, dân tộc Việt mới có đủ điều kiện và cơ hội để đặt lại sáng tỏ như một lối thoát. Tự do và no ấm phải đi đôi với Danh dự (*dignity*, đúng như chữ mà nhà lãnh đạo Soudan đã nhấn mạnh), phải thể hiện đồng thời, và thể hiện được, nhờ căn bản dân tộc, đó là nhiệm vụ điều hướng cho vận động dân tộc chân chính tại miền Nam; trong ý nghĩa đó, lãnh đạo tiến bộ sẽ là lãnh đạo có khả năng hội nhập, tiến đến thống nhất dân tộc trong dài hạn, bởi đã xây dựng được thực chất và gọn lọc chính nghĩa cho miền Nam.

Một « lực lượng thứ ba » chỉ có tương lai trong viễn tượng trên, và viễn tượng đó xứng đáng đề đòi hỏi sự đoàn kết tối đa, đòi hỏi mọi nỗ lực của thể hệ để cho chính nghĩa dân tộc ngày càng trở nên minh bạch và thuần khiết.

Như thế, con đường mà dân tộc phải theo đuổi để vượt qua được sự vương mắc song hợp cực Tả/cực Hữu đã cần đến một căn bản thời cơ thuận lợi mới để tạo ý thức và gây tin tưởng, cần một vùng đất tự do làm cứ điểm xuất phát cho vận động thứ ba nhưng duy nhất chân chính từ trước đến nay, cần một lãnh đạo có tính chất dân tộc và tiến bộ để hội nhập và gọn lọc những sự thực của dân tộc đương nhiên trở nên chính nghĩa; tất cả vận động triển khai từ căn bản trên sẽ đem đến cho miền Nam Tự do một thực chất thuần khiết và chân chính. Có thực chất vững vàng rồi, mới có thể hóa giải được *kỹ thuật* chính trị ma túy của cực Tả Cộng sản V.N., tức là điều nghi ngại then chốt vẫn ám ảnh những người V.N. không Cộng sản trong suốt một quá khứ chống Cộng.

Mối nghi ngại đó, trong bối cảnh của vận động quốc gia như đã diễn ra từ trước đến nay, là một mối nghi ngại chính đáng và có lý do; vận động dân tộc chân chính sẽ phải tạo được thực chất để cho những lý do này không còn tồn tại.

Tuy nhiên, ngay từ bây giờ, chúng ta đã có thể nêu lên một nhận định tổng quát: đã gọi là *kỹ thuật*, thì kỹ thuật nào cũng chỉ áp dụng được trong một thời gian, một hoàn cảnh nào đó, dựa trên một nội dung chính trị tương đối còn có giá trị và công dụng; khi nội dung đã hoàn toàn hết giá trị, vì đã trở nên lỗi thời hoặc vì đã biến thể dưới sức ép của thực tại, thì kỹ thuật cũng trở nên vô hiệu, hoặc phải chấp nhận thỏa hiệp với những kỹ thuật khác, để nhường chỗ cho sự hình thành một kỹ thuật mới, dựa trên một giá trị mới. Nói cách khác, kỹ thuật không thể thay thế được nội

dung trong dài hạn. Và lại, kỹ thuật cực Tả vẫn chưa phải là sáng tạo cuối cùng trong địa hạt này...

Giải thích được dĩ vãng một cách đúng đắn, *hội nhập được dĩ vãng* đó nhờ một biện chứng thiết thực thai sản từ thực tại và dưới sự hướng dẫn của lương tri dân tộc, từ đó hình thành được một viễn kiến lịch sử cho tương lai, đó là những vận động ý thức và thực tế đã manh nha trong ý thức tiến bộ tại miền Nam Tự do từ nhiều năm nay, nhằm đạt đến một hệ thống tương quan chánh trị mới, một quan niệm sinh tồn nhất quán cho dân tộc.

Vận động này sẽ thay đổi phẩm chất các tương quan chính trị Việt Nam, tạo nên một kết đề mới giữa cực Tả và cực Hữu, từ đó vị thế sinh tồn và phát triển của dân tộc sẽ vượt khỏi những mâu thuẫn, những giới hạn vương mắc của một cảnh ngộ nan giải như đã được chứng kiến trong một phần tư thế kỷ qua. Sự thống nhất dân tộc trên vùng đất này không phải chỉ là vấn đề thể diện quốc gia, mà là một vấn đề sống còn: trên bình diện ý thức, trên bình diện tài nguyên, sự thống nhất dân tộc là một nhu cầu thiết yếu; hơn nữa, những sức ép và những ảnh hưởng của quốc tế luôn luôn nặng nề tại đây chỉ có thể đối đầu được bởi một dân tộc Việt thống nhất; bao lâu còn chưa đạt được thống nhất, mỗi phần dân tộc sẽ còn phải tùy thuộc vào quốc tế nhiều hơn. Do đó, hấp lực thống nhất luôn luôn mạnh mẽ trong lịch sử Việt. Cuối cùng, chủ nghĩa chỉ là một vấn đề phụ thuộc; những đòi hỏi của sinh tồn bao giờ cũng có tiếng nói mạnh hơn, trong đời sống của một dân tộc.

Miền Nam V.N. trong tư cách là một vùng đất còn Tự do và Sáng tạo, vẫn còn là một cứ điểm có nhiều triển vọng để xướng xuất một phương hướng khai thông ngõ bế tắc bí hiểm vẫn thường được gọi là vấn đề Quốc-Cộng từ hơn 20 năm nay. Nhưng chắc chắn là không phải bằng cách tiếp tục ẩn mình dưới hai danh hiệu đã trở nên gần như trống nghĩa, là hai danh hiệu « Quốc gia » với « Cộng sản ». Lịch sử đã đóng góp phần lớn cho nỗ lực khai thông cần thiết, bằng cách đã đương nhiên gọn lọc những gì là cặn bã (*résiduel*) trong mọi chủ hướng. Sức sống của dân tộc bó buộc phải hoàn thành một kết tinh, nghĩa là những sự thực căn bản và bất biến phải được phục hồi trong những triển khai và thử thách mới, tạo nên những ý nghĩa mới được xử dụng cho tương lai mới. Nhưng kết đề phải được quan niệm ngay từ bây giờ, giữa lúc cuộc chiến

đang tìm đến một dàn xếp, bởi kết đề này — kết đề biện chứng của
thảm kịch Việt Nam — đòi hỏi không phải chỉ sáng tạo và chuyển
hóa mà cả thời gian để thành hình.

nguyễn trần kiếm

VŨ KHẮC KHOAN

những người không chịu chết

tiếp theo

Thu vào, mang theo một chai nước và một cái ly.

THU

Nước đây anh. Anh đợi có lâu không? (Thấy Sơn vẫn đứng
lặng một chỗ.) Anh làm sao thế anh? Anh có chóng mặt quá không?

SƠN

Không, không. Anh đỡ rồi. Chỉ còn khát. À nước. Tốt quá.
Thu đưa cho anh. (Cầm chai nước, giót vào ly, uống, rồi đặt chai
nước và ly xuống bàn.) Chà. Đã quá.

THU

từ nãy vẫn nhìn Sơn

Anh đang nghĩ gì.

SƠN

Nghĩ đến Thu.

THU

Dồn hoài.

SƠN

Thu không tin à ?

THU

Tin. Nhưng mà...

SƠN

Nhưng mà sao ?

THU

Thình thoảng em thấy anh xa em quá. Anh nghĩ đến một cái gì... ghê lắm.

SƠN

Nghĩ đến Thu, nghĩ đến tương lai hai đứa chúng mình mà không ghê à ?

THU

Tương lai... nghĩa là ngày mai ?

SƠN

Tương lai chúng mình bắt đầu từ đêm nay. (Một lát.) Ra đây em.

Sơn bỏ ra phía hậu điện. Thu bước theo. Cả hai dừng lại sát nhau, nhìn ra đường. Một lát.

THU

Gần quá anh nhỉ. (Bước lên đứng sát tấm cửa kính, nhìn ra ngoài đường.) Em tưởng như có thể nhảy qua được. (Sơn tiến lên như một con bệnh mộng du, dừng lại sau lưng Thu. Thu vẫn đứng yên. Giọng Thu xa xa.) Vắng vẻ quá. Trời cũng vắng vẻ. Em thấy như cái gì cũng là thừa. Một ngàn ngôi sao lấp lánh trên trời cũng là thừa. (Một lát.) Sao anh lại không nói gì cả. (Hai bàn tay Sơn bỗng đặt nhẹ trên vai người thiếu nữ. Một lát. Bỗng Thu quay ngoắt lại, ôm chầm lấy Sơn, giọng thất thanh.) Trời... anh Sơn.

SƠN

lút lại

Cái gì, Thu ?

THU

Em sợ. Em sợ quá.

SƠN

Sợ gì ?

THU

Lúc này, em chợt nghĩ là anh... là anh...

SƠN

Đây em xuống đường ?

THU

Đúng. Mà sao, anh biết ?

SƠN
cười cười

Anh đoán. Khờ... Thu hãy còn run. Mà tại sao Thu lại tưởng tượng những chuyện kỳ cục như vậy?

THU
úp mặt vào ngực Sơn

Em cũng không biết nữa. Có lẽ là vì em đứng gần tấm cửa. Có lẽ là tại anh đặt tay lên vai em. Có lẽ là tại em thấy tay anh run. Có lẽ...

SƠN

Thu hết sợ chưa?

THU

Hết rồi. Em vô lý thật.

SƠN

Đi vào trong này vậy.

THU

Không. Em muốn đứng ở đây. (Từ từ quay lại, nhìn ra phía ngoài.) Em muốn đứng mãi ở đây. (Một lát.) Giá mà... lúc này...

SƠN

Đừng nói nữa, Thu.

THU

Em hết sợ rồi mà. Anh Sơn này, em tưởng tượng nếu ngã xuống, nếu vô ý mà ngã xuống thì cũng xong, anh nhỉ.

SƠN

Đã đành.

THU

Như thế cũng tiện. Hết chuyện. Hết cả ngày mai và hôm nay. Hết. (Một lát.) Không hiểu sao em lại nhớ tới má em. Em thấy nước nở trong lòng. Em thấy khổ quá mà lại nghẹn ngào sung sướng. Em nói điều này, anh đừng cười em nhé. Em đọc truyện lúc nói đến yêu nhau, cũng đúng như vậy. Có phải không anh?

SƠN

Anh... anh không biết. Tự nhỏ có ai yêu anh đâu. Anh có biết yêu là gì đâu. (Một lát. Bỗng đổi giọng.) Thu... Thu có... anh hỏi thật, Thu có...

THU

quay lại, ôm chầm lấy Sơn

Có. Có. Trời ơi, em muốn khóc quá.

Yên lặng.

SƠN

Em nhìn ra ngoài kia mà xem. Em nhìn kỹ. Em có thấy gì không?

THU

Trời đầy sao. Đêm còn dài.

SƠN

Sao mờ dần.

THU

Không đâu. Đêm còn dài mà.

Cả hai chợt nín thở. Chuông đồng hồ vang lên. Một tiếng. Không khi căng thẳng chờ đợi. Nhưng một tiếng là một tiếng cộc lốc. Là hết. Yên lặng. Một lát sau...

SƠN

Ồ. Sao lại thế này. Sao lại một tiếng. Lúc này đã bốn giờ rồi kia mà. Hay là... rưỡi? Thu... ở đây đồng hồ có đánh nửa giờ không em?

THU

Em không rõ. Ở đây nhiều đồng hồ quá. Hết cái nọ đến cái kia, chuông đánh lung tung lắm. Có cái lại còn đánh cả mười lăm phút nữa anh ạ. Nhưng... đánh một tiếng thì chắc là bốn giờ rưỡi rồi.

SƠN

Hay là năm giờ rưỡi.

THU

Đời nào. Có, thì lúc này đã phải nghe thấy đánh năm tiếng chứ.

(còn tiếp)

vũ khắc khoan

HUỲNH PHAN ANH

những ngày mưa

Mùa mưa, những chuyến đi về đã trở nên vất vả, người ta bắt đầu ngao ngán biếng lười trong việc xê dịch hầu như xảy ra mỗi ngày qua đoạn quốc lộ non 30 cây số nối liền Saigon với nhiệm sở, đó là một ngôi trường nằm vắt vẻo giữa khoảng đồng trống mênh mông thuộc tỉnh T. (trường còn một chi nhánh cách đó khoảng năm trăm thước ăn sâu vào một thôn xóm, nằm giữa ruộng, dành riêng cho nữ sinh), ngay bên đường cái (những chuyến xe đồ xe lam vẫn dừng ngay trước cổng, bên cái chái nhỏ lợp tôn chỗ tránh nắng dụt mưa đón xe cộ lên quận châu thành, thả bọn học trò từ các nơi xa đến học), gồm hai dãy lớp song song nhau cùng quay mặt về phía cột cờ, cách nhau qua một bãi cỏ, một dải nhà dùng làm phòng thí nghiệm và thư viện quay lưng ra đường nhìn ra sân bóng tròn liền với khoảng sân trước dùng làm chỗ chơi bóng chuyền, một ngôi nhà ngăn thành các phòng thông với nhau bằng những cánh cửa tự động (phòng hiệu trưởng, phòng giám học, phòng thư ký...) tất cả trông rời rạc, xa lạ, không ngó ngang hay hòa hợp gì với nhau mặc dù đã có một vòng rào kẽm gai bao quanh địa phận trường sở, đó là một ngôi trường Trung học mang tên một danh nhân đã làm rạng danh cho tỉnh với sự nghiệp, quân sự, văn hóa xứng đáng nêu gương cho bọn hậu tiến, được cất lên do sáng kiến và công lao tận tụy của các vị nhân sĩ thân hào trong tỉnh vẫn hằng lo âu cho tương lai lớp trẻ ngày một lớn lên đồng đảo để chúng khỏi phải tốn công tốn của kéo nhau xuống đô thành phồn hoa không lấy gì làm đảm bảo cho việc học khỏi phải gián đoạn bước đường công danh vì gia đình bần chật, người dân trong tỉnh vẫn còn trầm trồ khen ngợi mỗi lần nhắc nhà giáo dục lão thành sau một đời lăn lộn hi sinh với nghề với nhiều người học trò

đã làm nên danh phận rõ ràng và từng giữ những nhiệm vụ then chốt trong xã hội (họ vẫn không quên thầy cũ và thỉnh thoảng viếng thăm), đã trở về tỉnh nhà nghĩ tới việc lập đồ án ngôi trường, hẳn ông nghĩ đã đến lúc phải làm một cái gì cho bà con đồng bào trong tỉnh trước khi lui về an hưởng tuổi già (đó cũng là vị hiệu trưởng đầu tiên khi trường sở mới dựng lên sơ sài với hai phòng học và vài số lượng học sinh thưa thớt, nghèo nàn), nhưng không biết vì một lý do nào đó (thiếu địa điểm thích hợp? tình trạng cấp bách vội vã lúc đầu? một tính toán cần nhắc có lợi cho tương lai?) người ta đã quyết định xây cất ngôi trường công lập tỉnh lỵ ở ngoài rìa một chợ xã, trên đường tới quận châu thành (cách đó 5 cây số), hơn một người trong lần đầu tiên tới trình diện nhiệm sở đã không giấu được vẻ ngạc nhiên về địa điểm, khung cảnh khá đặc biệt của nó nhưng rồi dần dà mọi sự đã quen đi không ai còn thắc mắc gì nữa ngay cả những cảnh thiếu thuận tiện, bầu không khí bất thường của nó rồi cũng trở nên bình thường không đáng bàn bạc tới nữa (phần đông các giáo sư, nhất là những người trẻ đều là người ở Sài Gòn đến dạy hết giờ lại đón xe về hôm sau lại tiếp tục và cứ như vậy, ít ai nghĩ chuyện mượn nhà hoặc mang cả gia đình lên tỉnh ở, hăm mấy cây số có là bao, bày đặt chỉ cho thêm tốn kém, họ lý luận như vậy, trừ những ngày dạy kế tiếp đòi họ phải ngủ lại đêm cho đỡ mệt mỏi và để dưỡng sức hoặc những tối cao hứng muốn ở lại họp mặt với bè bạn trong một bữa ăn nhậu có gà vịt, la ve, whisky hay rượu đế, một canh xi lảng tượng trưng, một trận cát té nho nhỏ tiền ăn thua đủ kéo nhau ra quán hứa hẹn một bữa ăn tương đối thịnh soạn và nhất là sẽ có rượu, đại khái đó là một cách thay đổi không khí, họ nghĩ đời sống tự nó đã lặng lẽ buồn thiu...) dần dà cảnh vật trở nên quen thuộc thân mật hơn, người ta nói ngôi trường đã mang đến cho vùng này vốn đã nghèo nàn cần cỗi một bộ mặt trẻ trung hơn, linh động hơn, nên thơ hơn, dịu dàng hơn, đó là một vùng (xã) tương đối đông đảo với khu chợ nằm ngay bên (nhìn ra) quốc lộ, đối diện với bến xe lam cũng là trạm ngừng của xe đồ chơ rước thêm khách về thành phố, « Saigon đây có bác, Saigon... » lọt sâu (khu chợ) vào giữa hai dãy phố tiệm đầu mặt nhau, tất cả mang dáng vẻ cũ kỹ già nua, tất cả cần được chỉnh trang, làm mới, người ta nói chiến tranh đã gây trở ngại bao

công trình tốt đẹp cũng như bao công việc làm ăn, đời sống, nếp sinh hoạt của vùng (xã) này lẽ ra phải phồn thịnh gấp bội phần, ai không biết, đâu dễ sống cho bằng ở đây... những câu nói thỉnh thoảng nghe lơ mơ được ở đâu đó giúp cho kẻ tò mò mừng rỡ đến mức độ trù phú của một vùng (một tỉnh) nổi tiếng với những vườn tược bát ngát chẳng chịt. Mùa mưa, tâm hồn chột bàng hoàng khác lạ, tiếp nhận sự thay đổi thời tiết dường như lúc nào cũng mang vẻ bất ngờ, đã bắt đầu rồi đây những ngày lẻ thê với bầu không khí tối sầm ảm thấp, mùa nắng không còn để lại một dấu vết nào, không còn nửa bụi, thớ bụi đỏ lẫn trong không khí chồng chất lên cỏ cây lên các cành lá thấp của những khu vườn nằm ven quốc lộ bám chặt vào các mảnh mảnh, cửa sổ của những ngôi nhà đóng kín, bụi và mặt trời, bụi cay và mặt trời nóng, bụi của những ngày nóng gắt, bụi làm nên dựng lên trong trí tưởng hình ảnh một vùng trời oi ả, bụi gắn liền vào khung cảnh, bộ mặt tỉnh lỵ, một người bạn đã nói đùa phải làm quen với bụi ở đây, đừng bao giờ đòi hỏi chiếc áo mặc trên người phải giữ nguyên màu trắng sau một buổi một ngày, mùa nắng đi qua, mang theo mặt trời và bụi dữ, nhưng đó cũng là lúc người ta bắt đầu sửa soạn thích nghi với một bầu không khí mới, một bầu trời mới, mùa mưa với những hăm dọa và bất trắc, một cơn mưa sẽ bắt thần đổ xuống, một cơn mưa sẽ kéo dài không biết đến bao giờ, có thể gây những phiền toái nho nhỏ, làm trở ngại phần nào nếp sinh hoạt bình thường, người ta có thể đến trễ trong đôi ba phút, người ta có thể trì hoãn phút ra về, người ta khó lòng định liệu giờ giấc một cách chắc chắn..., mùa mưa, nghĩ đến đoạn đường lồi lõm, trơn trượt (những chỗ hư hại vì phá hoại vẫn chưa kịp sửa chữa) trải dài dưới cơn mưa mù trời phải vượt qua (đi hoặc trở về), a! đoạn đường như trở nên dài hơn so với ngày thường, thê rồi, trên những chuyến đi về đã trở nên buồn bã (mưa, mưa, mưa...) ngồi thu mình co ro trong góc xe đồ, chìm lặn giữa những khuôn mặt xa lạ, chìm lặn giữa những câu chuyện, những giọng nói cười nghe nhức tai, chìm lặn và cảm nín, có thể người ta sẽ chột nghĩ tới, nhớ lại những cuộc hành trình vẫn lập lại mỗi ngày, còn hứa hẹn tiếp tục không biết đến bao giờ, những cuộc hành trình tạo nên một đời sống trong những thói quen những nhịp điệu đều hòa không mệt mỏi không hề biết đến một cơn bàng hoàng thăng thối, một đời sống gắn liền vào một số ngôn ngữ và tác động đã biến

thành những lễ nghi cần thiết, không cần thêm vào hay bớt đi, không cần thay đổi, sống có phải là chọn lựa một số lễ nghi nào đó để lập lại, trở về như một tin đồn ngoan đạo và thợ ngây, không phải, đúng hơn như một nhà truyền đạo rao giảng kinh kệ cho mọi người nghe miễn riêng mình đừng bao giờ nghe tới, không phải, đúng hơn như một tội phạm chung thân với bấy nhiêu công việc nhàn hạ và vô nghĩa, không phải, đúng hơn..., dĩ nhiên đó không là lần đầu tiên người ta nhận ra, thức tỉnh trước giông ngày tháng ngu ngơ buồn nản của mình nhưng không hiểu tại sao người ta vẫn thấy xót xa chừng như đó là một tình cảm mới hiện đến, làm quen, tự hỏi tại sao mình đã có thể sống như vậy, tại sao những thảm hại, tại sao những tại sao, và trong một thoáng, người ta chỉ cần một thoáng để nhìn lại, ôn lại mọi sự việc xảy ra, kéo giạt một đoạn đời đã vùi lấp để một lần nữa chạm mặt cùng những hư hỏng quen thuộc của mình, ta đã làm hại đời mình, ta đã thất bại quá lắm, lẽ ra ta phải sống khác hẳn, không biết cách nào nhưng phải hiền hách hơn nhiều, đứa bé đã thật sự lớn lên, nên người, hay vẫn hoài hoài còn là một đứa bé với những thói quen những bệnh trạng những bóng tối triu mến và gap gắt, a! những con đường mòn người ta đã từng dẫm nát dưới gót chân không hứa hẹn mở ra một chân trời nào khác, những chuyến đi, về bình yên và vô nghĩa, không đủ tạo nên đủ là một cảm giác hay một ảo tưởng nho nhỏ về một sự thay đổi hay va chạm làm nên hơi ấm, nhịp thở của đời sống, mẹ kiếp! người ta sống như một loài côn trùng trong cuộc hóa thân đang dở, chưa ra hình thù mặt mũi, không nên tưởng tích danh phận gì, tưởng tượng một tâm hồn trong bóng tối của tuổi ba mươi chột ngó lại đời mình tưởng chừng một khoảnh khắc ngăn ngủ phù du đủ để sống, kinh nghiệm, thấu tóm lấy nó (cuộc đời ấy, thân phận ấy) trong tận cùng bản thể nghĩa là trong tận cùng những cái thừa thãi và những cái thiếu thốn của nó, thế rồi, nó sẽ hiện lên bộ mặt sai lệch hơi hợt, hình thù tan nát hải hùng của nó, tuổi ba mươi (ai bảo đó là tuổi đẹp nhất của người đàn ông?) chỉ còn là một mùi vị cay đắng, sự già nua chưa tới nhưng tuổi trẻ đã muộn màng trơ trẽn, và người ta sẽ tự hỏi ta đã thật sự sống bao giờ (như người ta vẫn nói: trong những nhịp điệu rộn ràng, trong niềm vui thụ hưởng và chinh phục...) hay ta chỉ là cái bóng chấp chờn ở cõi đầu đầu (ở ngoài là một trang giấy, ở ngoài lề cuộc đời), chưa từng biết đời sống

thật là gì, ở đâu (nó luôn ở một nơi nào khác một thuở nào khác). Mùa mưa, một lần nữa, cơ hội thức giấc của giông ngày tháng êm đềm của giông đời giả chết, mùa mưa: chỉ cần thì thầm hai tiếng đó, người ta sẽ không còn bình tĩnh nữa, tâm hồn đã nghe nồn nao (một cách) buồn bã, một cách chuẩn bị chào đón (với chút tỉnh khi lãng mạn chưa dứt bỏ được) một cái gì có thể nói là mới mẻ hơn, khác lạ hơn đến từ sự thay đổi của thời tiết và cũng từ đó đời sống, nếp sống thường nhật với những thói quen những mộng tưởng quen thuộc cũng đòi hỏi được thích nghi hơn với những ngày tháng sắp tới, có thể người ta bắt đầu nghĩ tới chuyện thay một đôi giày đã mòn cũ hoặc phải mang theo áo mưa mỗi khi ra đường...: những món vật vãnh này sẽ gây phiền toái không ít cho một kẻ lười biếng, lơ đãng, thường vẫn ít để tâm lưu ý đến mọi sự, và rồi người ta sẽ có dịp biết đến trải qua những phút đón xe kéo dài dằng vào buổi chiều tan trường, phải đứng nép mình tránh mưa vừa nóng lòng chờ một chuyến xe đò sẽ trở tới, dừng lại, dường như vào những ngày mưa những chuyến xe về thành phố trở nên thưa thớt hơn và có thể nghỉ chạy sớm hơn vào buổi chiều: người ta sẽ không ngần ngại đón bắt cứ một chiếc xe nào để xin quá giang, xe nhà hoặc xe của công ty đường đưa nhân viên đi làm về, hoặc xe gắn máy, bởi người ta phải tìm mọi cách để tranh thủ thì giờ để có thể về đến thành phố trước khi đêm xuống: cũng là một dịp để nghĩ thầm nhủ thầm, a! đời sống khó khăn đời sống nhọc nhằn, đêm ngủ ở thành phố sáng ra đã có mặt ở một thành phố (tỉnh lỵ) khác, về buổi chiều lại trở về, cứ như vậy, ngày qua ngày, đời sống như một mệnh lệnh đòi hỏi hãy cứ tiếp tục hãy cứ an phận làm tròn bổn phận đừng ngã lòng đừng nổi loạn không ích lợi gì không thay đổi được gì đời sống an ủi dỗ dành hãy cố gắng, hãy ngoan ngoãn, con sẽ khá, con sẽ được đền bù, niềm vui có bé nhỏ thật nhưng riêng tư và lặng lẽ, nó mong manh, nó thấp thoáng, nó đến trong sự lãng quên của chính đời sống, nó chính là sự lãng quên êm đềm trước mọi sự: tiếp tục nghĩ thầm nhủ thầm về một cái bóng mù lòa cảm điếc chính là mình, một tâm hồn đứng đưng tình nguyện lạc loài ngoài cuộc đời thật, an phận trong một thứ hạnh phúc dần dần vô nghĩa nhất, thứ hạnh phúc làm cần cỗi dung nhan, làm chết gục ước muốn, cái bóng vẫn đi về trong một không gian

đóng chặt, một bầu trời buồn thiu tất cả không hứa hẹn, một sôi nổi bất trắc nào khả dĩ khuấy động được sự sống đang ngáy ngủ, mê muội, giả chết. Mùa mưa, đó cũng là những ngày cuối cùng của năm học, những buổi học đã thừa thớt học trò, chúng có thể nghỉ học, viên đến một cơn mưa bất chợt hay kéo dài, hoặc một kỳ thi sắp tới đòi hỏi phải dồn nhiều thì giờ hơn trong việc ôn bài vở, hoặc không cần một lý do nào ngoài một ván bi-da ngoài chợ (chợ xã, chợ châu thành) một buổi họp mặt với bè bạn trong quán nước, bên ly la-ve hay café, tùy, với những mẫu chuyện vụn vặt nỏ như bắp rang, người ta sẽ có dịp bình phẩm bàn tán về một ông thầy, một cô bạn gái, một cuốn phim mới xem trong một dịp xuống chơi Saigon bằng xe Honda, một biến cố vừa xảy ra liên quan tới tình hình an ninh trong tỉnh, bất luận một sự việc nào khác với một mực độ quan trọng nào đó (hoặc không có gì để gọi là quan trọng) mang ra nói, kể không ngoài mục đích mua vui, lấp đầy giờ khắc và khoảng trống, a! họ không thiếu gì những quán nước có sẵn một góc riêng tư, lý tưởng để chờ nhau, gặp nhau ngồi với nhau đến hết buổi, và ngay trước cổng trường, nhìn qua quốc lộ, một cái quán lá trông xập xệ, nghèo nàn bán đủ thứ giải khát (café, nước ngọt...) đặc biệt buổi sáng có cơm tấm, bò kho giá rất bình dân cho vừa túi tiền học sinh, khách vào đây được xem như người nhà, nếu thấy cần cứ tự động bày dọn lấy thức ăn thức uống, đỡ tay một phần nào cho chủ nhân và đưa bé gái trong những lúc rộn ràng bán loạn, những đứa học trò lớn vẫn thường ngồi la cà ở đó, tập vở trước mặt, nhìn sang trường, giục nhau đã đến giờ, hỏi nhau về giờ giấc, về tình hình lớp học trường học, đề sau cùng một kẻ nào đó sẽ lên tiếng trong một câu tương tự như « làm gì đây nếu không vào lớp? », chính nơi cái quán thấp với bầu không khí thân mật đó, chàng đã được nhiều lần đóng vai người khách đầu tiên đến mở hàng vào những buổi sáng đến quá sớm (chuyến xe đồ đầu tiên) khi người gác-dan chưa kịp thức để mở cửa, cổng cùng các cửa nẻo trong trường đã khóa kỹ từ chiều hôm trước vì lý do an ninh, để tránh mọi cuộc xâm nhập (mặc dù vậy thỉnh thoảng người ta vẫn còn bắt gặp, nằm sẵn từ bao giờ trong các ngăn kéo, những tờ truyền đơn với lời lẽ kêu gọi, dọa nạt hứa hẹn « thân mến gửi anh em giáo chức, học sinh tiến bộ... »), chính nơi đó trong khi chờ đợi giờ vào lớp hoặc đề lấp đầy khoảng trống, lỗ hổng giữa hai giờ dạy, chàng vẫn thường ngồi

huyền trò thân mật với mấy đứa học trò chàng khó lòng nhớ hay viết tên tuổi lai lịch từng đứa, a! những đứa con trai mới lớn hần còn ké né thò thò trước ngưỡng cửa đời sống, nhưng tâm hồn đã sớm hoài nghi sợ sệt (ảnh hưởng của những trang sách đầu iên mới đọc qua? của những sức mạnh mù quáng, mơ hồ luôn rình ập, dọa nạt? của những thực tế gay gắt phù phiếm luôn vây quanh, ám sát? của...), dường như chúng vẫn thích gần gũi với người hầy dạy trẻ, đón nhận một lời khuyên hay một ý kiến độc lập của lán về từng trường hợp về mọi vấn đề, hoặc nghe hần nói, kể những mẫu chuyện nho nhỏ có phần khác thường thú vị liên quan đến nghề nghiệp đời sống hần, hoặc thông thả bộc lộ với hần về những điều thầm kín nhất (tâm sự tuổi trẻ, thắc mắc tương lai), thừa biết hần sẵn sàng nghe với tất cả cõi mở và rộng lượng, hần không còn là hình ảnh khắc khổ đơn độc như lúc ngồi trên bục gỗ, cái nhìn và giọng nói ngự trị cả bầu không khí lặng im của phòng học, hần đã trở nên một tâm hồn bạn đơn sơ triu mến dễ cảm thông và đến gần; ở đó (quán lá mới đề cập tới), lần đầu tiên chàng đã gặp Hưng, đúng hơn Hưng đã gặp lại chàng sau một thời gian rời bỏ ngôi trường thân yêu xuống Saigon học, Hưng: người con trai cao nghệu, ốm nhom nước da vàng mét như một người bị chói nước kinh niên (thật ra hần vẫn khỏe mạnh không đau bệnh gì, theo lời hần), chính hần đã đến trước mặt chàng im lặng một hồi xem người đối diện có nhận ra mình không sau đó lên tiếng, thầy không nhớ tôi?, chắc thầy quên, năm trước tôi học thầy, tôi là Hưng, Trần văn Hưng, học trò thầy, chắc thầy chỉ nhớ mang máng mặt mày chứ khó lòng nhớ tên (liên tưởng một cách buồn cười trong giáo khoa thư kể chuyện một người về thăm trường cũ, thưa thầy thầy còn nhớ còn không con là Carnot đây...), sau đó kể lại, nhắc lại những mẫu chuyện còn nhớ được về niên khóa sau cùng của trung học (niên khóa có môn dạy giờ dạy của chàng), với những khuôn mặt quen thuộc, bạn bè trai gái, bây giờ (bấy giờ) hần họ đã tản lạc nhiều nơi trừ một đôi kẻ thỉnh thoảng còn gặp lại, thầy còn nhớ, thầy có gặp lại một ai trong đám học trò cũ, họ có tìm thầy...; tiếp tục nói tôi vẫn mong tìm thăm thầy, tôi vẫn nhớ thầy, không bao giờ quên: lần gặp tình cờ mở đầu cho những lần gặp kế tiếp sau đó, trở nên gần gũi thân mật hơn, trở nên một người bạn và vẫn giữ lối xưng hô thầy thầy, tôi tôi, có lẽ vì

thói quen khó lòng bỏ được, mặc dù chàng đã hơn một lần nhắc nhở hãy gọi tôi bằng một tiếng nào khác, bằng anh có hơn không? thầy bà gì, em có còn học với tôi nữa đâu, hơn nữa quan trọng gì, Hưng nhất định không nghe (hắn vẫn thích gặp chàng, chỉ để được hiện bên cạnh, một hiện không cần thiết, không thừa thãi, để nói, không cần để nói gì). Những buổi học, trở lại với những buổi học sau cùng, thường kéo dài nặng nề tưởng không bao giờ chấm dứt trong bầu không khí tối sầm, ử dột (nhất là vào buổi chiều, trời mau tối và dễ mưa), bọn học trò đã ít nói hơn, lặng lẽ hơn, trong một giây phút nào đó tưởng tượng chúng như những bức tượng, và rồi, hoặc ngồi yên trên bục gỗ hoặc đếm bước giữ, những tấm lưng bất động kia, giữa hai câu nói, trong không gian của sự chờ đợi mỗi lúc một đào sâu, chàng sẽ nhận ra bộ mặt buồn rầu cay đắng của đời sống, thì ra mỗi người tự chọn cho mình một chân trời, một góc đời, một xó thể gian để sống đồng thời để chết; nhận ra mình đã, đang đi tới bước đường cùng tận của mọi sự, đang sống không phải đời sống của mình, sống sự tàn tạ, sống cái chết của nó, trong êm đềm và bất lực: những ý nghĩ sẽ làm chàng hồ thẹn sau đó vì giá trị lãng mạn của chúng và chàng sẽ nghĩ thật ra, đó chỉ là những mơ tưởng điên rồ nhảm nhí, ảnh hưởng từ một thứ thời tiết nào đó, thật ra...

huỳnh phan anh

NGUYỄN QUANG HIỆN

đắm rước vào đời

Tôi là khách bộ hành
bước vào đoạn đường hôm nay
vào cuộc đời
với hai cánh tay trong trắng

Có phải bầu trời xanh tươi
có non hoa nở đẹp
tôi đi qua đi qua
buổi hoàng hôn nắng đỏ
chuyến xe đi ngàn vạn dặm
hay nghe qua tiếng nói
lửa rừng cất tiếng chào mừng
mặt mọi người đều mang dĩ vãng
tôi nói:
hãy để họ ngồi yên
lửa rừng mình tôi hát.

Bên kia vùng rộng lớn
bình minh nở hoa giòng suối mát
ai muốn xin giấc ngủ êm đềm.
tôi vẫn đi trong cuộc đời
bước chân lang thang qua các miền trời đất
chúng ta đã chơi chi chi chành chành
hãy xin đặt một bàn tay

nét mặt nhiệt nồng và lời tình tự
có ai đi không nhớ đường dài

Tôi là khách bộ hành
bước vào đoạn đường hôm nay
này đây là hàng lệ nóng
đã hừng bằng đôi bàn tay
còn nguyên trong trắng
là phần tôi xin đóng góp
vào tình cảm cuộc đời.

Những khi dừng chân bên bờ hoa đường rộng rãi
ngủ quên như con bướm đam mê
trở dậy uống nước trong giòng suối mát
khi đi qua miền núi cứng
vách đá khô không lời tâm sự
nắng chảy qua mây chập chùng
buổi sáng mùa xuân hơn hờ
đã quên màu hoa hôm qua
tôi vẫn đi qua các miền trời đất
có ai xin giấc ngủ êm đêm.

1960

miền cỏ non

Trên trời mùa Thu xanh
anh đi qua vùng cỏ non biêng biếc
em không bao giờ nghe
trên bờ đường hoa màu vàng màu đỏ
lá cây tôn anh là vị anh hùng
em chẳng bao giờ thấy núi đứng đàng kia

người miền núi hát bản độc ca dân thiểu số

rừng dang tay gọi tên
tiếng nói tan vào chiều cây cỏ
chuyến xe đồ vội đi qua
cô gái ấy đứng nhìn về thành thị
người yêu gọi trở về
khỏi lam hàng cây cao vút
em ơi sao anh không thể khóc.

Trên trời mùa Thu xanh
nước sông bên kia hàng dâu biếc
mây chập chùng nổi dậy
núi đằng sau trang nghiêm
anh gọi mình vào núi thăm
con đường qua khu rừng vắng
anh bước đi không ngại ngần
trời xanh anh băng khuâng
và gió gọi anh về
anh ca:
vì anh còn mãi mê

nguyễn quang hiện

SỞ DẠ HƯƠNG

tháng sáu

Mùa mưa thường thuận lợi cho những tần số trung bình khoảng từ 8-9 cho tới 12-13 mega chu kỳ, những đêm trực ở Sở đã ít bị kéo khỏi giấc ngủ vì những hồi chuông dài rền rĩ, báo hiệu tần số nhận đã yếu hoặc mất hẳn (phải trở dậy thay đổi, tìm kiếm những tần số thấp hơn thích hợp cho thời tiết ban đêm, trong đêm khuya, những đụng chạm giữa người và máy, hơi nóng của máy, tiếng máy chạy ỉ ầm, đáng vóc lăm lăm của những khối sắt, những đốm đèn hiệu màu đỏ sáng rực như những con mắt, tất cả những kinh nghiệm thuộc về giác quan đó làm nảy nở những thông cảm, tin cậy, cảm thấy yên ổn, dễ chịu khi đứng giữa đám máy móc trong một căn phòng rộng vốn là cả một tầng lầu trên cùng của một building bốn, năm tầng) cũng bị giật mình vì những hồi chuông điện thoại (đề ngay cạnh chỗ ngủ) do một hay nhiều khách hàng thuê bao, thường là những nhân viên trực đêm của những hãng buôn lớn, những hãng hàng không dân sự, những hãng thông tấn quốc tế, gọi tới, báo cho biết họ đã mất liên lạc với phía bên kia đầu dây, hỏi tại sao đề ghi vào sổ, cần nhắc, tức giận, nóng nảy la lối, dục đã nhiều lần mỗi khi hãng của họ có nhiều tin tức cần phải chuyển đi càng sớm càng tốt. Trong khoảng thời gian có nhiều biến cố chính trị, có đêm vào khoảng hai, ba giờ sáng trong khi đang cố gắng điều chỉnh máy móc đề tái lập liên lạc, một, hai gã phóng viên ngoại quốc còn cố gắng vượt khỏi những vòng dây kèm gai đề lên tận đài, đập cửa rầm rầm, đánh thức luôn cả mấy Pháp kiều ở những tầng lầu phía dưới (họ là những giáo sư của mấy trường trung học Pháp còn sót lại, những bác sĩ, dược sĩ của nhà thương Đồn Đất) đòi vào tận trong đài đề mắng vốn tại sao những tin tức

quan trọng của họ đã bị chặn lại, một lần tức giận vì thái độ hỗn xược của một gã phóng viên mới độ hai mươi, hai mốt tuổi, đã phải bảo thẳng gã, tại sao các anh lại chuyển đi những tin tức về những cuộc đảo chánh mà chính chủ của anh ở phía đầu dây bên kia, đã biết trước, đã sắp đặt, sửa soạn từ lâu rồi. Chiến tranh kéo dài quá lâu cho nên thay vì gửi tới đây những phóng viên nhà nghề như hồi mới bắt đầu, bây giờ họ đã gửi tới phần lớn là những phóng viên tập sự, những gã sinh viên vừa mới tốt nghiệp một trường báo chí, thêm vào đó lại còn có cả những gã phóng viên tài tử, những anh chàng tân binh quân dịch mần hạn không muốn trở về đất nước voley, những gã tài tử điện ảnh thất bại không thể kiếm ăn nổi ở nước gã, có nhiều gã phóng viên không thể viết đúng chính tả ngay chính tiếng nói của nước họ, không đủ học vấn để diễn tả hoặc bằng chữ, hoặc bằng lời những hình ảnh, những dữ kiện chiến tranh mà họ đã được chứng kiến, đã ghi lại được nhờ máy móc, đây là không kể những gã người Việt dốt nát nhưng nhờ biết qua loa nghề quay phim, chụp hình, nên cũng trở nên những phóng viên chiến tranh cho những hãng thông tấn quốc tế (nhiều khi có cảm tưởng chính sự dốt nát của đám người này đã làm cho chiến tranh kéo dài thêm mãi. Một trường hợp nguy tạo hình ảnh chiến tranh để kiếm tiền và được nổi danh đã xảy ra: Một gã phóng viên nhiếp ảnh đã nhờ một đồng lõa giả vờ làm một binh sĩ « đang » bị Việt Cộng bắn chết và « đang » té xuống, để cho gã chụp liên tiếp ba bốn tấm hình. Những tấm hình nguy tạo về một trường hợp hi hữu xảy ra được ghi lại nhờ ống kính đã mang lại cho gã giải thưởng và sau cùng cũng khiến gã bị đưa ra tòa án mặt trận và bây giờ còn ngồi tù ở Côn Đảo). Hồi ông Diệm còn, những mạch viễn ký trực tiếp đặt từ văn phòng những hãng thông tấn quốc tế, chuyển thẳng tin tức ra ngoại quốc đều không được chấp thuận và những vô tuyến viễn ảnh đều bị kiểm duyệt trước khi gửi. Ông Diệm chết (mất tích) tất cả trật tự cũng như hỗn loạn đều được phép. Những mạch thầu, phát tin tức đầu tiên dành riêng cho các hãng thông tấn ngoại quốc đã được thiết lập, nối liền Sài Gòn, thủ đô Phi Luật Tân, San-Francisco, New-York, rồi từ những trạm tiếp vận và từ đầu New-York tin tức, hình ảnh liên quan đến chiến tranh ở Việt Nam được chuyển đi toàn thế giới. Chỉ cần năm, mười phút sau khi phát đi là cả thế giới hay, trong khi đó chính dân chúng ở trong nước lại biết chậm hơn và nhiều khi lại

chẳng biết gì về những trận đánh khủng khiếp, những con số người chết, những hình ảnh chiến sự dã man ghê sợ, những âm mưu, những thanh toán, những khổ sở hàng ngày phải gánh chịu và những tương lai tuyệt vọng. Hai chuyên viên Phi Luật Tân thuộc hãng vô tuyến điện RCA được biệt phái sang Sài Gòn để giúp đỡ hai chuyên viên người Việt máy móc, phương tiện và luôn cả kinh nghiệm kỹ thuật để hoàn thành những mạch tin tức đầu tiên này. Khi công tác đã hoàn thành cả bốn người rủ nhau ra nhà hàng nổi ở bờ sông Sài Gòn để nâng ly ăn mừng và cũng để chào từ biệt. Đó là năm 1965. Bữa tiệc chưa kịp dọn ra thì mìn nổ, một gã chuyên viên Phi bị miếng mìn cắt đứt cuống họng chết liền tại chỗ. Gã thứ nhì được chở về căn cứ Clark ở Phi để giải phẫu, tưởng đã thoát chết sau một tuần lễ nhưng cuối cùng chết vì biến chứng (vi chứng nội xuất huyết). Hai chuyên viên Việt cũng bị thương nặng, nhờ sự tận tâm của mấy bác sĩ người Pháp ở bệnh viện Đồn Đất, đã được cứu sống, nhưng cả hai đều mang những thương tích mà chắc chắn một trong hai gã suốt đời không thể quên được. « Vẫn là gã nhưng thật ra không hoàn toàn là gã », đó là câu nói của một nhân viên trong sở ám một trong hai gã khi gã ra khỏi nhà thương, trở về nhà dưỡng bệnh rồi sau đó đi làm việc trở lại, cho đến bây giờ cũng chẳng tìm hiểu có thực gã bị như vậy không. Trước đó gã đã có bốn con và khi nằm trong nhà thương vợ gã đang có bầu, cả gia đình gã mừng rỡ khi biết đứa con sau cùng này là một đứa con trai. Như vậy trong bốn người cùng đi ăn bữa đó, thực sự chỉ có một gã được coi như hoàn toàn sống sót. Khi đó gã vẫn sống độc thân. Có một cô bé hàng ngày vẫn vào nhà thương thăm nom hỏi han, nhưng mỗi tình này nghe đâu cũng không được bền. Sau này gã lấy một người đàn bà khác làm vợ, hiện giờ có được hai đứa con, một trai, một gái.

Chiến tranh tiếp diễn càng ngày càng trở nên khủng khiếp. Những mạch vô tuyến viễn ký, viễn ảnh cũng như những mạch vô tuyến điện thoại dành riêng cho những binh sĩ đồng minh hàng ngày gọi về thăm gia đình càng ngày càng được mở thêm mãi ra, đài cũng nói dần thời khóa biểu hoạt động, trở thành thường trực ngày đêm, suốt mùa mưa sang mùa nắng rồi mùa nắng sang mùa mưa. Tháng khổ cực nhất là tháng hai dương lịch. Những đêm trực thường thường không thể ngủ được, nhất là khoảng thời gian từ nửa đêm tới sáng. Mùa mưa (tới vào khoảng tháng

năm, tháng sáu) những trở ngại kỹ thuật do thời tiết gây nên giảm tới mức tối thiểu, những phiền nhiễu khó chịu, mệt mỏi do nghề nghiệp chuyên môn gây nên bị gạt bỏ, coi như không đáng kể, những đêm trực một mình ở Sở, hoặc là ngủ ngay sau khi đọc vở văn một vài trang sách, vài trang tiểu thuyết hoặc tạp chí, lơ đãng nghe một vài giọng ca, một vài điệu nhạc, hoặc là không muốn ngủ vội, dành thì giờ để loay hoay lục lọi trí nhớ, tiềm thức, cố gắng tìm cách gây dựng, tu bổ những đồ vỡ, thua thiệt, những thiệt hại, cố gắng mảy mò, sắp xếp những đầu mối của một mối tình, không phải mối tình thứ nhất với một cô bé con kém hẳn mười một, mười hai tuổi, cô bé con mà ngày trước thỉnh thoảng vẫn vào nhà thương thăm hỏi, kể cho nghe khi vừa mới giải phẫu còn nằm trong phòng lạnh về một trận bão rớt trong thành phố ở phía bên ngoài căn phòng, những nhánh cây trên con đường nằng đĩ và những chiếc lá nhỏ còn vương trên tóc nàng, (thời gian cũng khoảng tháng sáu như bây giờ, bây giờ tuy đã có vợ có con nhưng vẫn chưa chừa bỏ được những thói hư tật xấu ngày trước, những lần đi chơi trở về nhà quá khuya thường làm mẹ già vừa lo sợ vừa tức giận, mắng em mày đã tử trận, mày cũng đã chết hụt và vẫn không chừa cái thói tối ngày la cà ở mấy nhà hàng quán nước, nếu không coi mẹ già ra gì thì cũng phải nghĩ tới mấy đứa con của mày, người vợ thường khóc lóc tủi thân vì nghĩ chồng mình lấy mình chỉ vì bắt buộc, lỡ phải lấy, suốt đời mặc cảm chồng chỉ thương hại thay vì thương yêu, nghĩ đến con thay vì nghĩ đến vợ, nhiều lúc muốn giải thích cho vợ hay là không phải như vậy, có nhiều hình thức biểu lộ tình cảm, có những kẻ yêu thương vợ con bằng cách tìm hết mọi cách dấu diếm, che giấu thứ tình yêu đó, có những kẻ chỉ yêu thương gia đình khi ở ngoài gia đình, khi đi /la cà lủi thủi một mình, khi ngã nghiêng trong những cơn say, miệt mài trên chiếu bực hoặc khi lén lút chui rúc trong một ngõ hẻm nào đó ở khu Tân Bình, Gò Vấp), không phải mối tình thứ nhất đó, không phải thứ tình yêu được đặt tên là Lan hương là Hanoi, là tuổi trẻ mơ mộng lãng mạn, không phải thứ tình yêu đầy những cái đích phóng về phía trước, « yêu » như một gã thiếu niên có cả một cuộc đời ở trước mặt để hoàn tất, để làm cho đầy, cho hay cho đẹp, một cuộc đời mà sau này mới hiểu đó là không phải có để xây dựng nhưng mà là để tàn phá — nhiều lúc còn hết sức tức giận, thất vọng vì chỉ có thể làm

hư hỏng cuộc đời một lần thay vì nhiều lần — làm cho bại hoại, sống dở chết dở, không còn ra một hình dạng, thể thống nào cả, không thể nào nhận ra, không thể nào định nghĩa (cuộc đời) được nữa. Mỗi tình thứ nhất hư hỏng thất bại một cách vô tình ngoài ý muốn của kẻ muốn phá hoại, ngoài ý muốn của đương sự. Cô bé con kém hẳn mười một, mười hai tuổi gì đó lớn lên, học hành thông minh, thi đậu liên tiếp rồi vô Đại học Y khoa, năm nay đang học năm thứ ba, thứ tư, khoảng đó, đã có người yêu, một gã học cùng lớp, đã thoát ra khỏi cái bẫy xập là thứ tình yêu điên cuồng, rồ dại mà hắn, gã thợ săn đã dựng nên rồi thay vì ngồi ở một chỗ nào để rình mò con mồi, gã ngồi chờ sẵn ngay trong cái bẫy xập do chính hắn đặt ra, dựng nên tựa như một gã thuyền trưởng phải chết chìm theo tàu, trong niềm kiêu ngạo cay đắng tự cho rằng gã ở trên cao, ở bên trên mọi tình, không bị mê hoặc quyến rũ như con mồi của gã. Gã không bao giờ say, luôn luôn tỉnh táo, ý thức sáng suốt một cách thể thắm tuyệt vọng — Mỗi tình thứ nhì này còn thảm hại hơn, chính hắn lần này là kẻ phá hoại, nhưng hắn tưởng rằng hắn đang phá hoại cuộc đời của một kẻ khác, rút cục chính cuộc đời của gã bị tàn phá một lần nữa. Làm sao có thể kết luận lần này là lần cuối cùng?

sơ dạ hương

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

hơi thở

Tiếng nói của Trang đều như những tiếng sóng vỗ trên bãi đêm khuya, những tiếng sóng âm thầm nghe quen đến nỗi có lúc đã không còn để ý dù đó là lúc đứng một mình ngoài bãi, nhưng sóng vẫn không ngừng vỗ, như nỗi nhớ khuya động trong thâm tâm rồi rút đi, không gây một nỗi xao xuyến nào, nhưng có lẽ đã chẳng có một giây phút phút người ngoại. Nỗi nhớ thương nhàm chán như ngày tháng lạnh lùng tẻ nhạt đi qua trong đời. Ngày tháng làm cho sức khỏe hao mòn, chân tay rời rạc, hy vọng héo hon tuổi ba mươi như trái cây chưa kịp chín ngày hè, đắng chát và đã muốn quắt queo. Những hơi thở sớm mai hôm nào còn ngát thơm hạnh phúc, hạnh phúc như được thở, được sống, được yêu đương, được mệt mỏi, tự lúc nào đã tanh vị chia phôi, đã lạnh lẽo, lẻ loi, những đêm thức giấc một mình, chần nệm rộng mênh mông, những ly nước uống lúc nửa khuya như sự sống lỏng lẻo có thể rớt rơi, có thể nốc cạn, có thể hắt bỏ ra ngoài cửa sổ, đêm mù mịt dù đêm le lói những ánh sao, tình còn thoi thóp trong lòng dù tình đã mất, đêm rùng mình nghĩ đến viên đạn lọt vào trong đầu, đã được lấy ra, đêm mở mắt nhìn sau bốn ngày không còn biết gì, đời sống mang một bộ mặt mới của ngày sống lại, bộ mặt có thể thật, có thể giả trong phút giây, có thể mất có thể còn trong khoảnh khắc. Hòn đạn lấy ra khỏi đầu, đời sống lấy ra khỏi đời sống. Đời sống đã bị thương, đã giảm sút, đã kiệt quệ. Nhưng tôi vẫn còn phải cố gắng, cố gắng sống cho đầy sự giảm sút, cố gắng tiếp tục sống nốt quãng đời còn lại. Phải quên sự kiệt quệ. Chỉ có một lần kiệt quệ, đó là lần kiệt quệ cuối cùng. Phải không Ph...?

Biển ruộng rẫy trong tôi, bây giờ biển réo gọi. Nơi chôn rau cắt rốn của tôi máu đã chảy chan hòa trên đất, cỏ (những giọt máu không bằng giọt nước), cỏ đã ố hoen, cỏ đã chết vì cỏ không tươi bằng máu. Tôi đã yêu nàng bằng những bờ xa, nước cạn trong tâm hồn, yêu sau lần sống lại, yêu hai đời trong một đời nhập lại, yêu trong nỗi tuyệt vọng xót xa không thể đổi khác, yêu bằng quê hương (quê hương chung với người bạn ngồi trước mặt) yêu bằng quê hương của một mình tôi, yêu bằng cái tình yêu thụ động như chính đời sống mình đã bị lấy đi, đã được trả lại, yêu trong nỗi cô đơn thăm sâu những đêm hốt hoảng đánh thức nàng dậy, kêu gọi âu yếm, không thể nói với nàng tại sao, cái gì có anh, không, không có gì hết, gọi em dậy làm gì, để em ngủ không mai dậy mệt chết, ừ thôi em ngủ đi, cũng có đêm pàng thức dậy và mở mắt nhìn chàng, nàng thức cùng với sự thao thức trong lòng chàng, trong đêm khuya da nàng xanh nhợt, hai con mắt lẩn vào bóng đêm, như chính nỗi thao thức đang mở mắt ngó nhìn, nàng ôm xiết lấy chàng trong một cử chỉ thiết tha âu yếm, anh có muốn yêu em không, đó là những tiếng nói chàng đã nghe trong lúc lòng bình thản trong đục vọng nhưng rộn ràng trong khát khao, tình ái thấp lên không cùng trong đêm khuya, nổi dài như những tia lửa, bằng những cơn xúc động tuyệt diệu, trong hơi thở rộn ràng bên tai, rời xa trong mỗi một trong cái chết hòa tan với đời sống giữa hương lửa mịt mù.

Trời vẫn mưa, những hạt mưa lướt thướt ngoài cửa sổ ướt sũng những tàn cây, mưa kéo đêm xuống thấp hơn, hơi nước ướt bóng trên nền đá, nền đá nhìn thấy trong bóng chập chờn của chiếc màn cửa bị gió cuốn reo phàn phật, căn phòng lạnh lẽo, cái lạnh của hơi nước, của bóng tối co lại dưới ánh sáng nhạt nhòa của ngọn đèn. Trang nói chuyện và tôi đã nghe thấy tiếng nói của nàng trong một sự lặng lẽ, những thanh âm rung theo làn ánh sáng yếu ớt, yếu ớt bởi vì trận mưa và đêm phủ bên ngoài, mưa và đêm đè nặng trên căn nhà, hình dáng người đàn bà đôi lúc run rẩy, huyền hoặc, sen kẽ những tiếng sấm làm mặt đất rung chuyển, tất cả sự quyến luyến, phủ dụ, vỗ về, theo với những dòng nước chảy lướt, reo trên bức tường bên ngoài, sự ẩm ướt đã thấm vào tận bên trong, cử động của Trang diễn ra một cách chờn vờn, lúc nặng

nhẹ, lúc nhẹ tênh dường bay bổng, trong khung cửa sổ chỗ ánh sáng tiếp giáp với bóng đêm, những hạt nước lấp loáng đứt nối không ngớt.

Trang hỏi tôi :

— Anh nghĩ gì thế ? Coi chừng anh bị cảm thật đó. Đi kiểm thuốc mà uống đi.

Tôi hỏi nàng :

— Chị có bao giờ nghĩ tới cái chết không ?

Trang có vẻ bất ngờ trước câu hỏi của tôi. Nàng nhìn tôi dò hỏi và sau đó bảo :

— Không lý anh đã bắt đầu suy nghĩ về việc đó ?

Tôi mỉm cười với nàng :

— Chị cho là sớm quá à ?

Trang cũng cười, tiếp :

— Có lẽ thế. Tôi cho rằng mọi suy nghĩ về cái chết đều chỉ có thể coi như là sớm quá, hoặc đã muộn quá.

Trang nghiêng đầu nhìn tôi. Những sợi tóc rớt xuống che ngang tầm mắt nàng. Tôi cũng nhìn thấy nửa mặt Trang qua đụn tóc đó.

Nàng nói :

— Liệu nàng có trở về với anh nữa không ?

Câu hỏi của Trang làm tôi thần thờ. Giả thử nàng trở về và giả thử nàng không trở về? Cái gì sẽ xảy ra? Một chút khổ đau. Một chút ghen tuông. Chắc thế. Tôi sẽ nhìn nàng như thế nào, sẽ yêu nàng như thế nào? Tình yêu cũng như cái chết, đó không phải là điều dễ tưởng tượng. Tôi có thể yêu nàng như trước khi nàng bỏ đi? Dĩ nhiên là đã có một chút gì đó đã thay đổi. Sự thay đổi ấy tôi sẽ bỏ qua như giấc ngủ quên, tôi cũng có thể nhớ tới như tiếng đập của chiếc đồng hồ mỗi ngày, mỗi đêm nhắc nhở. Tất cả những điều đó có nghĩa gì?

Tôi nói với Trang :

— Tôi cũng không biết nữa.

Trang bảo :

— Riêng anh, anh vẫn chờ nàng trở lại chứ?

Ở ngoài sân, lúc đó, hình như ai đánh rớt một cái xô đựng nước hay một cái chậu hoa từ trên thành cửa sổ, ngoài bao lơn nào đó xuống sân, tiếng rơi vỡ nặng nề và chìm lẫn trong làn nước mưa có lẽ đã ngập cả cái sân bên ngoài, nhưng tiếng động cũng làm họ giật mình. Tôi vẫn chờ đợi nàng sao? (Anh vẫn chờ đợi em

sao, Ph. ?). Tôi nhớ buổi chiều nằm trong bệnh viện, với những đàn chuột chạy nhong nhong trên các hành lang, đêm yên lặng dịu lờ lờ quanh đầu, (cái đầu như của một người nào đó, nhưng mọi người đều biết ở đâu đó, trong phòng nhận bệnh, bởi đã có lúc tôi không còn biết gì đến cái đầu khốn khổ đó trong phòng hồi sinh, trong các phòng giải phẫu, trên mỗi giường hay chính nó không còn liên lạc gì với cái thân thể gầy sòm, sự sống và cái chết không ngừng giằng co nhau từng giây phút, nữa), trong những giờ phút nhọc nhằn kỳ quái đó, tôi đã nhìn trời rộng bao la, vờn vờn những đám mây đen, cả bầu trời thể cử động theo ý muốn, nằm kê đầu trên một chiếc gối cao, nhìn nhật trong đám sương xanh lục (như cái chết tằm vào đờ, ngấm chung quanh mỗi kẻ một tật bệnh, một tai nạn, chân tay gãy), tôi vẫn nghe da thịt nổi gai trong những tiếng động mơ hồ trên các sợi dây mắc trên đầu giường, những thân người không người ho, tiếng nước chảy, tiếng cú kêu, tiếng súng nổ ở xa, người đó, tôi đã nhìn thấy buổi chiều ấm áp trên bãi cỏ ngoài bệnh viện, những buổi sáng mặt trời chiếu qua các tàn cây đã đợi nàng trong một nỗi tuyệt vọng từ đó. Làm thế nào tôi thành một làn ánh sáng xanh biếc rạo rực trên các bậc thềm, thế nào tôi nói với Trang tất cả những điều đó. Làm thế nào tôi có thể các lối đi trải nhựa) người qua lại, y tá trong bệnh viện, nhười vờn nàng tất cả những điều ấy? Khi cái chết như đời sống lật lao cao đầy những chiếc xe đầy quần áo bẩn, những chiếc băng rôn, sự chờ đợi có thật là sự chờ đợi chăng?

có bánh xe lăn, những người khách vào thăm thân nhân, nhười Tôi nói :

màu áo rực rỡ của các thiếu phụ và các cô gái, những chiếc váy — Tôi không nói một điều gì với nàng về sự chờ đợi đó cả.

lóng lánh trên những cánh tay trần trắng ngần, sang trọng, th — Trang cười :

muốn đến sát sa có thể đứng dậy được, có thể đi lại được, cử đ — Không lẽ anh lại hứa anh sẽ chờ nàng trở lại.

được như mọi người, có thể tới ngồi trên chiếc ghế đá dưới b — Tôi không nghĩ ra điều đó. Nếu nghĩ ra có lẽ tôi cũng nói

cây, có thể ngược nhìn lên bầu trời, từ đó ánh nắng đã ch — nàng.

xuống. Bệnh viện là cái trạm ở giữa đời sống và cõi chết. Đó là — Anh có thật định nói thế không?

trạm cuối cùng người ta ghé lại trước khi từ giã tất cả mọi ng — Trong một hình thức nào đó, có lẽ tôi đã nói như thế rồi.

tất cả những gì người ta nhìn thấy. Nhưng đó cũng có thể là — Trang vẫn cười bảo :

người ta sẽ được trả về với đời sống. Đó là hai ngã của một — Không, không phải thế đâu. Sự yên lặng dù thế nào cũng

đường. Nàng là ngã nào trong đời tôi? Tôi có chờ đợi nàng — với tiếng nói chứ.

chờ đợi được trả về phía bên này đời sống? Tôi có muốn đi ng — Tôi cũng cười với nàng và bảo :

lên để được gặp lại nàng trên quảng đường còn lại. Trong bóng — Vâng. Chắc cũng vì thế mà nàng không trở về nữa.

của những hoàng hôn vừa rút khỏi, trong khu vườn vì vu nh — Trang tiếp :

nước mắt, trong những đám sương sấm đục của mùa thu cả — Chung tình thật sự cũng là một điều khó khăn và nặng nhọc

rừng cây trở vàng một lúc, tôi thường nghe thấy những tiếng ch — ai không anh?

hót trên cành cao, nghe lòng mình rũ rượi như những thân — Tôi nói :

vừa được cắt buổi chiều nằm ngả dài ngay trên đám gốc còn — Mọi vai trò đều khó khăn cả. Không muốn chung tình cũng

nghe lòng háo hức đến độ muốn cầm lấy lưỡi dao cạo sắc bén — một vai trò.

đứt những mạch máu cho tuôn chảy hết một lần chút đời s — Trang cười :

au cuối cùng còn níu lại trong người. Chính trong những giờ p — Làm gì có vai trò của những kẻ không muốn chung tình.

khắc khoải, hy vọng và tuyệt vọng căng thẳng đó, nàng đã tìm đ — u có thì đó cũng chỉ là cái vai thứ hai của người thứ nhất

Trong điều kiện của cái chết gần kề đó, nàng đã bằng lòng ở — thôi.

với tôi, chúng tôi đã thỏa thuận chờ ngày tôi ra khỏi nhà th — Và tôi :

sống với nhau. Trong những đêm rất buồn của bệnh viện, đêm — Chỉ là ai trong hai người đó.

Và Trang :

— Có những người chẳng kịp đóng một vai nào trong đời mình cả. Họ là những kẻ hình như đã được định mệnh lựa chọn và vai trò của họ chẳng còn đáng kể nữa.

Trang đứng dậy, như muốn dẫn một nỗi bức rứt, đi lại phía tường ngó bức tranh tôi treo trên đó, bảo :

— Anh có bức tranh đẹp nhỉ.

Đó là bức tranh của V.D. vẽ một thiếu nữ gầy guột, có đôi mắt sâu và đôi môi hồng mầu phẫm non (đôi môi như trái chín, đôi mắt như sự héo hon), một ẩn bản in lại trong một cuốn sách nào đó tôi đã lấy treo trên tường cho đỡ trống trải, từ ngày nàng bỏ đi sự trống trải là điều tôi không nghĩ đến, nhưng thỉnh thoảng lại nhìn thấy đây đó, nó đè thặng trên ngực như một bóng ma trong cơn mê sảng, nhưng có thể đó chỉ là một chứng bệnh của tôi mà thôi, sự trống trải làm thế nào tránh được, làm thế nào không cảm thấy, khi...

Trang đến bên cửa sổ, chiếc cửa sổ duy nhất của căn phòng nhìn ra sân. Tôi nghe tiếng gió thổi kéo những hạt mưa rào rạt trên mái ngói, gió tạt cả một loạt nước vào trong phòng, đan kín Trang như một tấm lưới, một tấm lưới sáng lóng lánh và trong suốt, tóc và áo Trang bị hắt tung, tôi thấy Trang rung mình khép chặt hai tay vào vạt áo đằng trước. Trang kêu lạnh và nàng quay mặt nhìn về phía góc sân đằng kia, nơi có kê một chiếc ghế đá, dưới gốc một cây dừa nước, chỗ ngồi chơi của tất cả những người ở trong chung cư, nhưng phần nhiều chỉ thấy những đứa ở gái, chiều chiều mang em ra đó, ngồi xúc cơm cho em ăn, (những đứa trẻ trắng trẻo, sạch sẽ), đùa cợt với nhau. Nghe nói trước khi cư xá được cất lên, khu đất này là một vùng lầy gồm những ao hồ và đồng hoang, chung quanh chỉ có rải rác vài ba căn nhà lá, phổ trệt, cây dừa ngoài sân đó, trước nằm trong vườn của một trong các căn nhà ấy, bây giờ có lẽ chẳng còn ai nhận ra. Trước mặt Trang và mặt phẳng của một bức tường lớn, trên đó trở những khung cửa sổ cùng một kiểu, đều đặn, những khung cửa đóng kín, có màn che, hay mở rộng để không, về phía tay trái Trang vẫn còn có thể nhìn thấy cánh đồng với những hàng cây lớn và những rừng dừa nước, gò mả, cánh đồng ngày xưa ăn liền với khu đất cất cư xá, bây giờ đã cách biệt hẳn như một khung

cảnh để nhìn ngắm. Mưa phủ trắng xóa trên cả một khoảng đồng cỏ rậm rạp đó.

Trang hỏi :

— Hình như đằng kia có một cánh đồng phải không anh ?

Tôi nói :

— Cả chỗ chị đang đứng đó trước kia cũng nằm trong cánh đồng ấy.

(Những ao hồ, cây cỏ, đã bao lần phản chiếu ánh hoàng hôn, nơi nghỉ ngơi của những chim chóc, bây giờ là chỗ kê bàn ghế, giường nệm, máy nước).

Trang cười bảo :

— Kề cũng lạ thật.

Tôi nói :

— Chị không vào ngồi trong này mưa hắt ướt hết.

Trang trở lại bàn ngồi trên ghế cũ, khắp người nàng dường thấm một làn hơi nước (mùi thơm của hơi nước và lá cây ngày mưa từ phía cánh đồng thổi lại). Trang có vẻ mệt, trời lạnh và hơi nước làm cho da mặt nàng thêm xanh, vẻ xanh xao ẻo lả của những đêm mất ngủ...

nguyễn đình toàn

TÚY HỒNG

những sợi sắc không

tiếp theo

Cổ May lắc đầu:

— Trương xuống quá rồi... càng lúc càng xuống... anh ấy đánh bạc liên miên... Càng đánh càng thua, đánh đầu thua đó, đánh lớn thua to, đánh nhỏ thua bé... tệ quá!

Cổ May tiếp:

— Trương bây giờ quay sang viết văn nữa mi ơi, viết hồi ký tự truyện gì gì đó!

Trầm cười banh miệng:

— Rửa hả?... sốt ruột thêm một tẹo nữa?

Cổ May cũng cười:

— Tau sốt ruột gấp đôi.

Trầm nghĩ thầm: lại đi làm một con kèn kèn, ra mình đi đâu cũng không thoát được bầy kèn kèn

Nàng cười phá một hơi dài sảng khoái. Phiến dựng xe đạp ở hàng ba đi vào nói:

— Cười rung cả mái ngói rồi!

Trầm vỗ tay hoan hỉ:

Ê Phiến! đủ ba tay rồi, vào đây đánh bài xệp

Trương đuổi chân nhòai người nằm ra ngoài mừng. Gió bình minh mát mướt lá cây dong đưa vui vẻ. Chàng quơ tay vợ một quyền kiếm hiệp mở ra đọc ở đoạn giữa thấy những chỗ nói về cách thức pha chế một bình trà Tây Tạng Thổ Phồn. Người Thổ Phồn hái búp chè non đem ướp với hoa phơi nắng ủ sương rồi

đem rang với beurre cắt kín vào hộp. Trà chế trong bình lớn với nước sôi pha sữa và đường vắt giọt chanh, nếu thích thì cho vào hộp rượu. Người ta uống trong chén to và ăn luôn cả xác trà như một món điểm tâm và đi đường mang theo hành trang làm lương thực. Trương chép môi, lưỡi cảm thấy thèm thèm uống và ăn ngon ngấu chén trà lạ đó.

Trương liệng cuốn sách ngáp dài, đu người ngồi vệt dậy hơi hả ra bề nước lạnh rửa mặt. Chàng đi vào ngồi cứng sững âm thầm hiền từ nhìn ra ngoài cửa sổ trong sự nín thính tê dại của thần trí, trong sự nghỉ ngơi thông thả của giác quan. Cái ngán chùng cao. Chàng ngồi một cục nghĩ đến cái nhẹ bỗng của sự rong chơi diều phỏ, la cà quán rượu cà phê, nhầy nhót hội hè đình đám, chàng nghĩ đến cái nặng trĩu của những ngày nằm lì trên tấm nệm giường như thể phải mang một cổ bệnh cổ tật mơ hồ, trầm trọng và sa đà chán chề no ớn cái cõi đời này lắm rồi. Chàng chẳng làm gì nên chuyện ngoài ý nghĩ mình là một trí thức. Chàng chẳng làm gì nên chuyện ngoài cái việc tụt quần đĩ. Chẳng làm được gì cả. Chưa làm được gì cả. Nghệt bí bức bối đến thế này là cùng. Trong cuộc sống bế tắc cụt ngùn đâm một chỗi đâm mê nóng bỏng, cồn cào, bầy nhầy, tỉ như nơi thanh cũi mực ẩm ướt vô dụng lại trời lên một tai nấm—tai nấm đâm mê đọc chuyện kiếm hiệp. Có lẽ đó là sự thưởng lạc vô tội nhất, cô đơn nhất, rẻ giá nhất. Sống dừng dừng, thờ ơ, lạnh ngắt như tờ, không thêm dính vào một cái gì nữa ngoài thứ đâm mê đó, đâm mê nhỏ nhoi số một của đời sống, tỉ như ngọn gió mậu dịch quanh năm vi vút thổi từ hướng Đông Bắc vào suốt miền xích đới khô queo cằn cỗi. Chàng cảm ơn những cuốn sách điên, những trang chữ viễn vông có công giúp chàng nuốt trôi ngày tháng, nuốt trôi cuộc đời. Bóc vỏ cái đâm mê đó ra, chàng rướm máu, vết xước cày da, và trượt đoạt cái đâm mê đó ra thì chàng không biết chàng là ai nữa. Cái đâm mê với chàng đã nhập làm một trong sự giao hoan siêu thực để rồi kết cấu nên những bong bóng xà phòng vô sắc vô không. Chàng chạnh nghĩ tới những đôi môi vừa son đỏ hoét, những chiếc hôn ngựa xốt mang hình con sâu, những gò ngực trọc trên thân thể đàn bà nhào nhệch ngày ngày cá ươn.

Trương xúc hai muống bột phê đen định cho vào cái phều lọc thì tiếng gõ cửa cách cách. Chàng gài nút áo vội vàng ra mở: Đoàn, Mẫu, Sâm, Lý, Nghiêm một loạt tiến vào đều rậm rạp như một

băng đạn. Chào thầy, thưa anh, anh Trương, chào giáo sư, ồ anh Trương lâu ngày. Trương chấp tay xá dài. Sâm nói: thầy thật đáng đem vi vớ đàn bà, bây giờ mà còn cả rã trang điểm chưa xong. Trương để dành vạt râu mép mai cao, vội vã thay áo quần lôi chiếc xe đạp ra sân. Chàng khóa cửa rồi cả bọn lên xe đi hàng hai. Con đường sạch sẽ như vừa mới dội nước, phượng trồng lè tề bên lề, mặt trời hắt hắt hực lửa. Câu chuyện rang dòn, họ vượt qua một tấm lưng ong mà không quay lại nhìn trước mặt. Lý đạp xe lên ngang hàng với Đoàn và Trương nói thầy có biết Cổ May kết tội thầy là được cha mẹ cho đi Tây đi Tàu ăn học nấy sinh bao nhiêu thịt bao nhiêu mỡ trong người để rồi về nước ôm một chồng chuyện kiếm hiệp đi ngơ ngờ giữa đường... Trương khoát tay dừng gọi tôi bằng thầy, vứt mẹ cái tiếng thầy đi cho nó nhẹ... này các cậu, ta đâm đầu vào quán cháo vịt này đi đớp một vịt tơ xả xui. Mần hỏi làm sao biết được con vịt nào còn tơ nhỉ? — Ồ xem phao câu chớ bộ, cái đít vịt để hần tông hồng, hần phình hần bạnh ra, trong khi đít vịt tơ vừa tròn, vừa nhọn nhọn bầu bầu.

Cả bọn xuống xe vào quán phê đen rộng rãi. Lý bảo có mấy tay đang ngồi đợi chúng mình đây. Mấy người cùng đến nhập bọn kê hai chiếc bàn sát nhau. Quán phê trông vừa nghèo vừa giản dị nhưng trông cách kiến trúc cộ vẻ công phu và nhiều dụng ý. Mái tranh dày rậm rũ mát, người ta dán những tấm gót, dựng những tấm phên tre trước tường vôi. Những sợi lạt dừa lằng lằng thành cái khung dài chụp những cây đèn ống trắng sữa. Trương thấp thỏm điếu thuốc bảo cái khung cảnh ở Đalat ngồi uống cà phê thật thích hợp... Cà phê vào đến đầu ầm đến đó. Lý nói: Cô bạn em bảo trông tách cà phê rồi trông cái kiểu ngồi uống của mấy ông mà mướt mồ hôi muối, muốn cầm roi mà quất mỗi người một roi. Trương nói: mấy cô lý tưởng thẳng thừng đó họ vẫn quất tháo bọn mình đến chiều...

Trương lăm nhăm đọc câu hát cuối cùng một bài cổ ca. Chàng nhắm mắt xuyết xoa, hít hà làm như chiếc lưỡi cũng nếm được cái thi vị tuyệt hảo toàn bích của câu văn chương. Chàng nhắm mắt tu một hộp nhỏ cả phê rít từng tia nước đen ngọt qua kẽ răng. Chàng mắt nhắm le lưỡi liếm môi... Một người sinh viên nhắc chiếc bánh ngọt đặt vào tay chàng;

— Món này khá lắm, dỏ li lắm... biểu thầy.

Trương đón chiếc bánh đặt môi lên hôn:

— Cứ tưởng anh nhắc nhở đến con mẹ nào.

Cô chiều dài viên mặc chiếc áo xẻ cổ thật sâu rất bắt mắt đem đến bầu đựng đường nhỏ. Cô vịn tay vào lưng Trương đặt cái đầu lên giữa bàn. Đầu óc Trương lúc này là một màn ảnh nhỏ hiện hiện hai chiếc má lúm bầu, hai con mắt lờm lờm mê hoặc chiếc mũi thẳng thắn, đôi môi hực lửa... Khuôn mặt của Trầm. Đó, cái khuôn mặt vẫn lại không có cổ vì chàng chỉ thuộc những đường nét chưa đi đến chiếc cằm, chàng chỉ thuộc một khuôn mặt không có cổ và bàn tay búp sen rơi ra. Chàng phải cắt cổ một cô lỏa thể Play boys vứt xa cái đầu đi để gắn vào cái khuôn mặt yêu mị của Trầm lên trên. Những giọt phê đen trôi qua cổ chàng bồi hồi, rạo rức như có linh hồn. Cổ May bỏ chàng gần một năm rồi. Sự đó thật như mũi tên chỉ, và cái khuôn mặt không cổ ráp vào tấm thân trần truồng đỏ rục kia cũng là một sự thật, thật như mũi tên chỉ... Sự đông đảo trước mắt Trương lay động nói lên cười lên vỗ tay vỗ bàn gây thành nổi huyền não hỗn hợp. Trương vẫn chìm trong ý nghĩ của mình, chàng loáng thoáng nghe Sâm dặn Nghiêm là không bao giờ được ve vãn cô Quế, đương kim tri kỷ của Sâm. Rồi Nghiêm trả lời rằng chàng đang chịu cô Hương tuy phải xóc trên vai một trách nhiệm nặng nề: đã nhìn thì phải yêu, đã yêu thì phải đi hỏi, đã đi hỏi thì phải đi cưới. Hễ đi hỏi rồi mới được tay cầm tay, chân sóng chân diu nhau đi ăn, xi nê xi niết, cà phê cà phịa... Mần chép miệng con gái Việt Nam để làm vợ thì thừa nhưng để làm tình nhân thì thiếu, thiếu lớn... Lý kêu:

— Anh Trương thông minh đỉnh ngọ quá trời thế này này, tương phu một mống thế này này mà chị Cổ May còn chê...

Trương thở phào đặt điếu thuốc lên miệng, chàng nhỏ nhẹ bảo tôi bây giờ không còn dính vào cái gì nữa, cheo leo, cô lẽ, tách rời như một đơn chất đứng riêng khỏi hỗn hợp. Tôi xuôi tay, tôi về không, vì tôi đã ký trả lại những danh từ mà người đời đang cưỡng đoạt cho trên cao vì vu gió lộng rồi. Tường vôi đã vữa, những chiếc đinh đã long, tôi không còn móc nối niềm tin vào đâu nữa, không còn bầu vịu vào đâu nữa. Tất cả đã phai lớp phẩm màu thiêng liêng, tất cả đã tróc đi lớp nhựa bóng ngời cao đẹp thành thiện, hào quang lập lờ đã tắt ngấm, tối đen... Không còn gì... Không còn gì... Không còn gì, tất cả chỉ còn tro lại đồng lá đa vừa mới quét. Lòng quận đau thắt từng cơn vì sự phá sản, sự

truất phế siêu hình, nên bây giờ, tôi một mình tiếp xúc với đáng thể tôn của tôi không qua một trung gian nào cả... Trước mắt tôi, một chân trời nhiệm màu đã tự bói đen. Tôi chán nản rồi rời trước sự lừa bịp thần thánh... Xin mượn năm mươi cánh hạc để thả những danh từ đẹp về trời... Trương nổi lửa trên đầu điều thuốc lăm bầm to :

— Lúc xưa, trong mỗi linh hồn chúng ta có một vật cở tuyệt đẹp, nhưng nay vật cở đó đã ủa rồi, chúng ta nhờ đi...

— Nhỏ đi, búng gốc... anh có đau đớn không ?

Trương cười khê từ từ nói :

— Chúng ta đây cứ tạm gọi là hiểu nhau đi ! Mỗi người trong chúng ta phải chiêu mộ thêm những kẻ hiểu chúng ta và chúng ta hiểu họ để cùng thực hiện một vài tâm nguyện nho nhỏ. Ai có ưng ý không ?

— Anh hướng dẫn được chúng em làm việc... Cái đó thật đáng quý.

— Tôi thì không lưu luyến thiết tha gì với đại học, nhưng tôi phải ở lại dạy vì tôi yêu, tôi thích gần gũi với sinh viên, tôi theo sinh viên đến chiều...

Trương cầm tách cà phê đưa lên môi, cả bọn cũng nâng cốc. Trương vội đặt cái tách xuống trầm tư rồi gãi đầu. Uống cà phê mà cùng nâng cốc một lượt thật mất cả phong độ của cà phê đạo. Trương nói :

— Câu chuyện đối với tôi thật tối quan trọng, bây giờ không tiện nói ra ở đây được... Thôi để thư năm hợp mặt, các cậu đến chỗ ở của tôi...

Chữ hợp mặt Trương vừa nói ra gọi chàng nhớ đến một đôi mắt rực rỡ, to ngất ngầy, đen như phết toàn than... Trương đứng dậy cười :

— Thôi, bây giờ thì con nit nhà ai, đi về nhà nấy cái đã... cả bọn đứng dậy giải tán, Lý vội Trương về cùng đường, Lý đạp xe sát vào Trương nói :

— Có nhiều đêm em đã khóc vì em nghĩ đến sự hiện hữu của em thật thâm. Khi sắp hành lạc trên thân thể con đi, em chợt rùn cổ lại nghĩ đến em hiện hữu, em đang hiện hữu rõ ràng... Em lỏng lẻo cả con người... Em cố xoay ý nghĩ đến một đồng rác, đến một con chuột, một cái chai, đến cái vỏ một ống thuốc...

Trương bắt chợt thắng xe lại rồi bặm miệng đạp riết. Đến chỗ rẽ nhà Trầm, Trương chào Lý rồi quẹo vào.

Trầm đang ngồi viết, cười gật đầu chào Trương rồi đưa tay vuốt lại tóc. Trương bước tới cầm hai búp tay trắng như thổ đế của Trầm nhẹ thồi vật lông măng vàng ánh rồi kéo nàng đứng dậy, gục mặt vào cổ nàng. Trương áp cái đầu hực lửa giờ lâu trên chiếc cổ lạnh mát, bở ich như một bình đường khi thơm tho. Không phải chỉ da mặt Trầm mới mịn mượt, mà cả người Trầm đều mịn mượt như lá nhãn non. Trầm co cùi tay hết sức xô Trương một cái xiềng liềng, tròn con mắt nhìn chòng chọc chàng rồi cười bề ra :

— Auh Trương à, anh trình tôi một bộ mặt buồn cười ngớ ngẩn hết sức chịu đựng, hết sức hăm tãi... Làm cái gì mà anh thắc mắc, ray rứt, khăn khăn như một tên mọi trung cổ đứng trước cây đa mà người ta bắt buộc hẳn phải dẫn... Mặt anh ngu quá !...

Trương cười nhăn nhúm như trái táo tàu. Chàng không tóa giận, không hốt hoảng, không nổi cộc, chàng cảm thấy trong cơ thể có một sự căng đầy nặng trĩu, một sự khăn trương cứng ngắt đến nứt nẻ từng mảng da thịt. Cổ May đẹp như một con thỏ. Trầm không phải đẹp như một con rắn, mà cũng đẹp như một con thỏ với một loạt ngôn ngữ hành động ngang tàng ngổ ngáo nguy biệch cho một lẽ lối trang sức che dấu cái bề trong mong manh mềm lả. Hôm qua, chàng tiếp xúc với Trầm, tiếp xúc với một quả lửa đam mê ; hôm nay, chàng đứng bên cạnh Trầm, đứng bên cạnh một tượng đồng lạnh giá... Trương ngâm tay vào túi quần bỏ đi ra ngoài.

Trương đi vào nặng nề đến bên Trầm, kéo cái ghế của Trầm đang ngồi ra xa rồi quẹt một cây diêm giờ cao soi qua soi lại trên mặt nàng, chàng quẹt cây diêm khác đưa quanh bộ ngực, một cây diêm chòn vòn trên đầu tóc, một cây diêm chực hui hai chiếc môi, một cây diêm đốt vào chót mũi, một cây diêm chàng châm vào điều thuốc lá đưa lên miệng mình... Trầm kiêu hãnh, bình thản. Trương vút cái hộp quẹt xuống bàn lẳng lẳng đi ra lên xe đạp về nhà. Chàng lim dim mắt nhìn những người con gái áo trắng thả dài tóc theo gió lần vịn mấy vài cầu lướt thướt bước nhanh cất tiếng chuyện trò huyền ảo. Trên bến, dưới thuyền, sự sinh hoạt diễn ra trong trật tự, ngăn nắp. Bầu trời trắng như bông, từng mảng nắng sáng choang nổi hoa

trong mắt chàng. Trương ghé nhà người bạn ăn cơm trưa và đánh cờ tướng đến chiều thua bốn ván liền.

Năm ngày liền tiếp, ăn cơm xong, Trương đi bách bộ lang thang uống cà phê đến nẫu cả ruột, không ghé thăm Trầm. Chàng về giường ngủ muộn. Cánh tay gát ngang qua trán, chàng gọi tên những người đàn bà, gọi thăm thi, gọi nho nhỏ, gọi to hơn rồi chàng kêu lên, chàng kêu thành tiếng mỗi cái tên đẹp ơi hãy phù hộ cho chàng, giúp đỡ chàng, cứu rỗi chàng... chàng gọi liên hồi những cái tên đẹp... Nhiều buổi tối chàng ăn qua loa, chàng nóng như hơi lửa, chàng tìm đến một cửa hàng bán duyên, chàng thờ rằm rộ trên tấm thân thuê mượn, hơi đứt quãng theo từng chập từng chốc, như người đàn bà đau đẻ bắt rặn từng cơn, Trương vỗ vập từng nhẩn, rồi nghỉ, rồi tiếp. Chàng nhét mấy trăm bạc ở đầu giường nhìn xéo người đàn bà rồi đi ra. Nhiều buổi tối chàng vịn thang gác lần bước mỗi một đi lên nằm im trên giường như con rắn lớn sau hồi quần quai lột vỏ. Cơ thể bại hoại, tứ chi rời rã, hơi sức dần dần tiết ra ngoài. Trương áp tay lên đầu ngửa mặt nhìn trần nhà không kiếm ra một con thằn lằn nào cả. Trí chàng vẽ ra một vườn nhãn bao la vàng rực có hai con mắt vĩ đại như hai chiếc thuyền chở đầy hạt huyền, hai thuyền mắt long lanh chao động... Đó là Cỏ May, Cỏ May được ghi nhận qua thị trường ký ức chỉ vẽ độc có đôi mắt. Rồi hai con mắt to lớn dị thường đó tự thu nhỏ lại dần dần để gắn vào một khuôn mặt... Rồi một khuôn mặt khác hiện ra hóm hỉnh với ngón tay trở tự chỉ vào má như tự giới thiệu.... Ôi! Cái bàn tay đúc bột suông sần đột chề. Trương cho hai khuôn mặt ngồi ngay ngắn vào hai góc.... một ngón tay chỉ vào mặt mình bên góc phải và hai con mắt thấp đèn cho khuôn mặt mình ở góc trái. Trương đang chăm chú nhìn vào vùng ánh sáng ở góc trái thì ngón tay trắng như mũi tên bột buộc chàng nhìn vào lối phải. Chàng theo mũi tên nhìn vào thì ánh sáng bên kia kéo chàng quay lại. Ngoài ra không gian tối om, không gian đen ngòm Trương nhắm mắt xóa chúi hai khuôn mặt một cách nhanh chóng, vật mình lăn một vòng trên giường. Lâu nay, chàng vẫn lờ lộn uất ức đập phá trong ngõ cụt, chàng vẫn xoay qua trở lại trong thế bí. Cụt và bí như thời giờ và khoảng cách mà các phi hành gia quờ quạng bơi lội trong không gian. Chàng thấy ở Trầm vẫn còn một cái gì, vẫn bí mật chôn giấu một cái gì, nhất định là Trầm vẫn còn một cái gì, nhất định là Trương vẫn chưa làm được chỉ

cả, chưa nên, chưa nên, chưa ra, chưa thành cái gì cả. Mèn óc chàng đau nhói vì những cái nên mạnh: chưa nên, chưa thành, chưa ra một cái gì cả. Đồ không hồn, đồ người ta giả, đồ thẳng người gỗ... mình chỉ là một bào-thai-tri-thức-non-ngày-non-tháng và mình vẫn chờ đợi làm một cái gì, chờ đợi làm một cái gì... Ôi! Những cái tên đẹp ơi, hãy đến giúp tôi, cứu tôi, giải thoát cho tôi. Trương thấy mình sống như nằm trên giường bệnh ngó ra ngoài cửa sổ mà thêm ăn thêm đi, thêm sống chần như con gà cồ nuôi luyện mãi chờ đợi một dịp đi đá trận. Dang tay tiếp nhận sự yên tĩnh, dang tay tiếp nhận sự đào tẩu lộ liễu. Trong cái thế động này mình lại sống im ỉm lặng lẽ như một tĩnh vật. Mình động lại ở trạng thái tĩnh, cam chịu làm một cái bóng, một cô hồn...

Trương đã thờ lợ với Trầm sự uất ức bó tay thúc thủ đó và Trầm đã nheo cặp mắt một mí hỏi lại « Anh nói anh chưa làm một cái gì... Cái gì đó biết đến bao giờ anh bắt tay thực hành cho tui coi với » — Trầm lại chun mũi nói tiếp : « Chắc là sau chiến tranh anh mới khởi sự ? Mới động dao động thọt » — Và nàng hện xin đợi khi đất đai hòa bình rồi, hoặc trung lập rồi, hoặc độc lập rồi, hoặc liên hiệp rồi, hoặc bị thôn tính hay sáp nhập rồi sẽ dương mắt coi anh đã làm được gì ? đã về được quả phúc nào ? » — Trương bức bối thấy cái so vai, cái bĩu môi cong cớn của người đàn bà : « Anh nên bắt chước thằng bé những nhẽo hện với mẹ nó rằng : mẹ ơi ! đến mai con sẽ xin ngoan, và, đến mai nó hện lại : đến một con sẽ xin ngoan... Vàng, anh sẽ làm một cái gì...mai anh sẽ làm, một anh mới làm... ngày tê anh mới làm... sau chiến tranh anh mới làm ».

Trong sự quản thúc của tình thế, của cái chết, người-dàn-ông bị-tù nghĩ mãi đến nhục thể, nghĩ đến những động tác ái tình thao diễn một cách dửng dưng, tự nhiên. Thân thể nóng lên rồi thân thể nguội lại rồi hết. Đợi trên đầu một chồng sách, ủ trong tim vài ba cái tên, nhét vào óc giấc mộng bụi, người đàn ông với tay qua bên này là thân thể, sờ qua bên kia là đùi mộng ngực. Nghĩ đến đàn bà như một kẻ hoãn binh trong một can đảm trợ trên. Tiêu thụ đàn bà như một hành động xối-nước-rửa-ráy để tạo ra cái bản mặt dạn dày hầu che dấu bãi hoang tâm hồn sinh lầy ứ đọng. Như con chim đã điều — như con cút cút — rúc đầu dưới cát mà cứ tưởng gạt được ngoài tai bom đạn máu xương. Để cách bảy đêm lại đi tụt quần đi một lần. Trương thấy mình

tội nghiệp, ươn hèn và bần tiện rách nát hết chỗ nói, chàng bứt rứt, vò đầu rứt rụng mấy sợi tóc, chàng cắn răng, gãi chân, đưa bàn tay này nắm lấy bàn tay kia, cả hai bàn tay đã tạo được bao cơ hội tụt quần đi — Mình chưa làm được gì hết, trừ việc đó — Và đàn ông bây giờ có biết bao nhiêu là thẳng ngực vì lấy vợ là việc làm dễ nhất trong cái thực tế này... Trương lẫn mình hai vòng người mệt như. Bỗng nhiên chàng nổi giận, nổi giận không có đối tượng, cơn giận bằng hơi vu vơ như một làn gió. Qua hai mắt nhắm kín, chàng thấy không gian đen thui, đen thui nổi đom đóm lốm đốm. Cơn giận nâng cái nóng lên vài độ, mạch máu dồn dập co thắt, quả tim nhảy nhót thúc dục mỗi sợi tóc trên đầu hãy rườn mình dài ra chút nữa. Trương biết rằng đêm nay chàng sẽ thức trắng óc ra, vì đầu óc chàng bây giờ là hàng ngàn vi trùng ngộ nguây tàn khốc. Như thanh kiếm dữ một khi đã tuốt ra khỏi vỏ thì phải vấy máu người hay máu vật mới thu về được, đầu óc chàng một khi đã ngồn ngang lên cơn hành hạ thì phải khuấy vọc cào cấu cho chàng đau khổ mê mệt hay sung sướng như tử mới thôi mới thả.

Có tiếng đại bác đưa đi và tiếng chuột kêu chít chít.

túy hồng

(còn nữa)

HOÀNG NGỌC TUẤN

tiếng hát hoang đường

Tiếng hát của chị thật hoang đường, trong âm thanh đục mù mờ như một màn sương, có những nhựa cây ma túy. Nó làm đầu óc tôi lằng đằng nhưng không mệt mỏi, trái lại người tôi lúc nghe chị hát, tỉnh táo ghê gớm lắm, những lời ca như những hạt mưa giông nặng trĩu, và tôi lắng nghe rõ ràng từng tiếng vang động của giọt âm thanh lỏng lách ấy như tiếng chuông rền trong trái tim, đôi khi nó làm tôi hạnh phúc, đôi khi tôi đau đớn.

Nàng cười : anh nói mơ hồ và dài dòng quá, tôi không hiểu được hết. Người thanh niên nói : có hề gì đâu, tôi cũng không nhớ được hết những lời tôi vừa nói, tôi chỉ cảm thấy bất chợt như thế thôi, chỉ có điều này tôi nhớ mãi, là tiếng hát của chị cần cho tôi như cơm áo, như thuốc lá, như tiếng mẹ ru thời còn bé, và tôi sẽ chết được nếu mai sau rồi có việc gì xảy ra làm tôi không còn được nghe chị hát nữa. Nàng cười sung sướng. Đôi mắt nàng khi vui tươi vẫn tối tăm hơn đêm tối. Nụ cười của nàng khi hạnh phúc vẫn không được toàn vẹn, vẫn nặng trĩu trong một màn lưới dĩ vãng dày đặc nào đó.

Người thanh niên bỏ đi sau khi nói những lời cuối cùng với nàng. Nàng tìm một điều thuốc nhưng bao thuốc nàng đã trống không, bị vò nát trong bàn tay nàng. Nàng nghĩ rằng mình thôi không hút thêm một điều thuốc nào nữa, đêm nay nàng đã hút hết một bao rồi, nhưng chất cà phê còn thấm trong lửa khiến nàng thêm một hơi thuốc lá, một ít khói nóng cay cho miệng bớt nhạt nhẽo. Người thanh niên trở lại với bao thuốc lá trong túi áo, anh châm cho nàng một điều thuốc và nhờ ánh lửa của que diêm cháy trong phút chốc, nàng nhìn thấy tóc anh đã dài và anh mặc một chiếc áo sơ mi màu xanh da trời. Người thanh niên nói anh sẽ đưa nàng

về nhà bây giờ nếu nàng thích về và đã buồn ngủ. Nàng gật đầu đồng ý, về nhà bây giờ chắc sẽ buồn nhưng nàng nhớ hai đứa con nhỏ của nàng giờ đang ôm gối ngủ say.

Bây giờ là đêm nhưng chiếc áo dài màu lục điệp của nàng còn đen hơn đêm tối. Trong đêm khuya hoang lạnh, không còn âm thanh gì ngoài tiếng bánh xe lăn rào rào trên mặt đường, nàng thì thầm hát một đoạn nhạc, nhưng tiếng hát nhỏ quá khiến nàng cũng không nghe gì cả. Tiếng hát dư thừa còn lại trong đêm khuya, nghe yếu đuối như những hạt bong bóng nước.

Như thế là một đêm của nàng đã hết. Đêm bắt đầu khi ngọn đèn thấp lên ánh sáng, và đáng lẽ kéo dài đến sáng, nhưng vì bây giờ giờ nghỉ ngơi lúc mười hai giờ, những người bạn của nàng và nàng phải về nhà, nên đến giờ đó xem như đêm của nàng đã hết. Những giờ về sáng còn lại là ngủ mê man trong một cơn mơ tươi thắm và đợi chờ ngày khác bắt đầu.

Chỗ này khi xưa là một nhà tù. Bây giờ trên đám cỏ xanh um có một vài đứa trẻ con chạy thả diều vào buổi chiều, ban đêm đông đảo những người chen chúc trong một cái quán cà phê nhỏ lợp tôn, được dựng lên bất chợt vào một ngày nào đó. Bên ngoài quán, cỏ lan kín khắp mặt đất như cánh đồng lúa, chỉ chừa ra một lối mòn nhỏ chạy ngoằn ngoèo. Ngày xưa, một cái máy chém đã đặt ở đầu đó trong vườn đất này, mỗi sớm mai các nhà cách mạng sa cơ và những tội đồ bị lìa đầu ở đây, máu trộn lẫn với đất và có lẽ một phần nào làm tươi tốt đám cỏ rậm.

Buổi sáng, những người bạn của nàng đang ngồi trên thềm gạch trước quán cà phê, chờ nàng đến nhưng không thấy, nàng đi khi đến đây vào buổi sáng. Bây giờ có lẽ nàng đang ôm chiếc gối ngủ mơ màng, hay có lẽ đã thức dậy rồi, vừa châm diếu thuốc lá đầu tiên trong ngày, tự pha cho mình một tách cà phê, đưa tay mở chiếc máy thu âm để nghe tiếng hát của nàng vang đầy trong căn gác nhỏ. Người chồng đã thức dậy sớm hơn nàng, anh lặng lẽ thay quần áo, xách cặp ra đi không một ai hay biết. Người chồng bận rộn công việc làm ăn, một tuần anh trở về nhà đôi ba lần, ôm ấp vỗ về nàng và con trong một đêm rồi sáng sủa là vội vã trở dậy đi làm.

Nàng ngồi nghe tiếng hát của mình như nghe một người khác, thật thú vị. Nàng gọi chị người làm ở nhà dưới đi mua một ổ bánh mì, và nàng bắt chảo lên lò bếp, đập vỡ những quả trứng gà, pha hai ly sữa nóng, sữa soạn buổi điếm tâm cho các con. Một cô bé gái có đôi mắt rất tinh khôn và hàm răng sún gần hết vì ăn kem cả ngày, một cậu con trai giống chị nó như đúc ngoại trừ mái tóc hớt ngắn.

Nàng nhìn mình trong gương, những nét mặt mệt mỏi đã tan biến gần hết sau một đêm ngủ say. Một người bạn nào đó đã nói rằng khuôn mặt nàng có những nét tội lỗi. Nàng nhìn chăm chú trong gương và mỉm cười đồng ý. Đôi mắt nàng không to, trong sáng như mắt bồ câu, đôi môi nàng cũng không thắm hồng như môi con gái mới lớn. Dĩ nhiên ngày xưa nàng cũng có một đôi môi như thế, nhưng bây giờ đôi môi nàng xanh xao, hơi nặng trĩu xuống như một trái cây chín ửng vàng.

Làm xong món trứng trắng, nàng chọn một chiếc áo bà ba vải thô màu đen mặc vào, chiếc áo có ba túi, nàng bỏ bao thuốc lá vào túi trên, tay áo nàng xắn lên cao như một chú cao bồi. Một người bạn trai nào đó đã nói với nàng: tôi thích được trở thành bao thuốc lá của chị. Nàng ngạc nhiên: sao thế? Anh cười đùa: Tại vì bao thuốc nằm trong ngực áo của chị, cái chỗ đó thật êm ái. Nàng nhớ lại và bật cười vang như một đứa trẻ.

Đứa bé gái chợt mở mắt thức dậy, nàng ôm nó và hôn lên mái tóc lòa xòa mềm như sợi tơ. Đứa bé gái dụi mắt nhìn khắp căn phòng rồi dụi đầu vào ngực nàng, giọng nói buồn buồn.

— Ca đâu rồi?

— Ba con mới đi làm.

— Chừng nào ba về. Chiều ba con có về không?

— Mẹ không biết. Ba phải đi làm ở xa, lúc nào rảnh là ba về nhà với mẹ con mình liền.

Cô bé ôm chặt lấy nàng hơn, nó nói bằng giọng bực bội.

— Sáng nay mẹ có đi làm không?

— Không. Mẹ có làm việc gì đâu, một mình ba đi làm đủ rồi. Nàng chải tóc cho cô bé rồi đưa tay chỉ vào bàn ăn.

— Mẹ làm sẵn trứng gà cho con với em con đó, ăn nhanh lên rồi mẹ đưa đi học. Chiều mẹ dẫn hai đứa ra phố ăn kem.

— Cho con ăn cái kem gì trong trái dừa nghe mẹ.

— Ừ. Ăn kem xong lại còn đi xi-nê nữa.

Cô bé vùng khỏi tay nàng, nhảy lên giường đánh thức cậu em dậy. Cậu con trai làu nhàu trong miệng và mở mắt ra, nó ngơ ngác nhìn chung quanh rồi hướng mắt về chiếc máy khâu bằng.

— Mẹ đang hát đó phải không ?

— Ừ. Con nghe có hay không ?

Cậu bé bĩu môi.

— Dở ẹt, hát gì nghe chán quá trời.

Nàng bật cười, tát khẽ vào má cậu bé.

— Đừng đùa, con còn nhỏ biết gì. Nhiều người mê nghe mẹ hát lắm đó.

— Con chẳng thích chút nào.

Nàng quay sang hỏi cô con gái.

— Con có thích nghe mẹ hát không ?

— Thích, nhưng mẹ đừng hát rên rĩ nghe dễ sợ lắm. Mẹ vừa khóc vừa hát phải không ?

Nàng lắc đầu. Cuộn băng nhựa chạy đã hết. Nàng đưa tay tắt máy. Hai đứa con chạy lại bàn ăn, húp đầu trên hai ly sữa nóng. Cô bé nhai bánh mì bằng những cái răng lành lặn còn sót lại, nó nói với nàng.

— Tối nay mẹ không ở nhà phải không ?

— Ừ. Mẹ lại quán ngồi chơi một lát, khuya mẹ về ngủ với các con.

— Cho con đi theo với.

— Không được. Ở đó ồn ào lắm, không có gì vui cho con đâu, con phải đi ngủ sớm để sáng dậy đi học.

Cô bé nhúng mẩu bánh mì vào ly sữa rồi bỏ vào miệng, nhai rào rào như một con thỏ. Cậu bé nói với nàng, đôi lông mày hơi nhíu lại.

— Sao ngày nào mẹ cũng đến quán đó, có gì vui đâu mẹ ?

— Ở đó mẹ có nhiều bạn bè, họ nói chuyện vui lắm và chọc cho mẹ cười luôn. Nếu không có mẹ tới, chắc họ buồn ghê lắm. Họ chỉ nghe mẹ hát, đêm nào mẹ cũng hát đến khuya.

Cô bé bỏ ly sữa, chạy lại ôm lấy nàng, hai bàn tay nhỏ xíu của nó lùa trong làn vải áo để nắn nót hai cái xương vai của nàng. Mặt nó phụng phịu giận hờn.

— Mẹ gầy quá trời. Ngày nào mẹ cũng hút thuốc lá, uống cà

phê, hát hồng luôn mồm. Mẹ thấy không, mẹ càng ngày càng gầy đi, có ngày mẹ bệnh cho mà xem.

Cậu bé ngưng ăn, hồi lớn.

— Mẹ hát thế người ta có cho mẹ tiền không ?

— Không. Ở đó toàn là người quen thân, họ đâu có nhiều tiền, họ thích nghe mẹ thì mẹ hát, thế thôi. Hát xong, người ta pha cho mẹ một ly cà phê đá, vui lắm.

Cậu bé nhún vai bực dọc.

— Không tiền mà hát làm gì ? Mẹ điên lắm.

Nàng sửa soạn áo quần cho hai đứa con đến trường học. Cậu bé cứ càu nhàu luôn miệng tại sao mẹ nó hát nhiều thế mà không có tiền bạc gì cả. Nàng phải đọc cho nó nghe câu thơ của một thi sĩ : *Tôi là con chim đến từ núi lạ, ngửa cổ hát chơi...*

Cô bé mở tròn mắt lo âu.

— Mẹ bị ngửa cổ à ? Coi chừng mẹ bị ho gà cho mà xem.

— Không phải. Ngửa cổ hát chơi là không hát không chịu nổi, mẹ phải hát mới thấy khoái. Cũng như con ngồi trong lớp cứ thích nói chuyện với tụi bạn con, con thích mặc áo mới hoài, con thích mẹ mua cho chiếc đàn dương cầm dầu con không biết đàn gì cả.

Nàng cài cho cô con gái chiếc nút áo trước bụng, cô bé mặc bộ áo đầm trắng đồng phục của nhà trường.

Nàng đưa hai đứa con đến trường học ở gần nhà, hôn chúng trước cổng rồi trở về, nàng cũng ghé qua chợ mua một vài thức ăn lo làm món ăn trưa. Khi nàng lặng lẽ đi lên hết những bậc thang gỗ quen thuộc, nàng nhìn thấy căn phòng của nàng sao bây giờ hiu quạnh và rộng lớn quá. Chiếc giường còn những nếp nhăn của thân hình người chồng trong đêm qua, áo quần vứt lung tung của hai đứa con. Nàng ra đứng ở bao lơn, nhìn những mái nhà ngói đỏ nằm chen chúc nhau khắp nơi chung quanh nhà nàng. Sân thượng của một nhà hàng xóm có giăng những chiếc áo trắng tinh.

Hôm nay trời nắng ráo. Có một vài đám mây, nhưng là thứ mây trắng như bột bia, không hề đe dọa một cơn mưa trong thành phố. Đêm nay sẽ rất dài và nhộn nhịp. Người nhạc sĩ ôm cây đàn làm bằng gỗ màu nâu bóng, những người bạn trẻ tuổi thân thiết, những câu chuyện đùa cợt vang lên đều đặn như tiếng pháo mùa xuân. Đêm của nàng như thế đó. Đêm quấy rầy nàng và nàng đang chờ đợi nó.

Một cậu con trai ở nhà bên cạnh chăm chú nhìn điều thuốc

trên môi nàng. Nàng nháy mắt với nó và vớt mầu thuốc rơi trên con ngõ hẹp trong xóm, rồi quay vào phòng. Một ngón tay bấm trên chiếc nút nhỏ của máy khâu bằng, cuộn bằng nhựa chậm rãi lăn đều đều như bánh xe ngựa.

Bên cạnh quán có một góc kín đáo, nằm sát với thềm gạch vụn, người điên trải một chiếc chiếu rách nát lượm được đâu đó ngoài đường, gã gối đầu bằng một đồng áo quần dơ bẩn như dế lau xe, và đó là chỗ ở của gã. Mỗi ngày người điên đi lang thang trên khắp các vỉa hè thành phố, đến tối mới trở về khu đất này, gã nằm co trên chiếc chiếu, lắng nghe tiếng nhạc và tiếng người cười đùa từ quán bên cạnh vọng sang. Đêm khuya khi quán đóng cửa, gã ra phụ giúp dọn dẹp bàn ghế trong quán rồi xin một người nào đó hai chục đồng đi mua một khúc bánh mì thịt. Trước đây người ta đặt cho gã cái tên Sáu Râu vì hàm râu dày rậm rạp bao quanh cằm và mặc kín dưới cổ gã, nhưng rồi có một người quen nào đó đặt cho gã một cái tên mới là Quasimodo, tên của một nhân vật chính trong phim Thăng Gi ở Nhà Thờ Đức Bà, người điên khoái cái tên mới thật kêu này và gã cương quyết lắc đầu mỗi khi ai gọi gã bằng tên cũ.

Đêm đã khuya, quán vắng người, nàng bỏ đi không ai hay. Nàng đi lững thững dưới bóng tối của tàng cây cao và nàng nhìn thấy gã Quasimodo đang ngồi bó gối trên chiếu, tay gã đập lung tung vào người để giết bầy muỗi bu quanh. Nàng kêu lên chào gã và gã ngược đôi mắt sâu hoắm như mắt cú lên nhìn nàng, hàm răng gã cười trắng rợn người trong bóng tối. Người điên vẫn thường nằm trong đêm, lắng nghe tiếng hát của nàng, một lần gã đã khen nàng hát hay nhưng gã không dám nghe nhiều, gã chỉ nghe một lát rồi bịt tai lại, tiếng hát của nàng buồn bã quá làm gã sợ hãi. Nàng hỏi gã ăn cơm chưa. Người điên lắc đầu, đưa hai ngón tay lên trước mặt.

— Chưa ăn, đói bụng quá. Cho tui hai chục đồng mua bánh mì đi, cô... ca sĩ.

— Đừng gọi tôi là ca sĩ, tôi hát chơi thôi mà. Quasimodo không biết tên tôi sao?

Người điên gật đầu, gã nói đúng tên nàng, rồi gã đưa bàn tay đánh đều đặn vào bụng ra dấu như một người đánh đàn.

— Ông nhạc sĩ với mấy ông... lang bang đầu rồi cô?

— Họ đang ngồi ngoài quán, có lẽ cũng sắp ngủ rồi.

Nàng đưa tay cho người điên những tờ giấy bạc nhưng gã trả lại nàng gần hết.

— Tui xin hai chục đồng mua bánh mì thôi.

— Thì cứ lấy thêm để dành mai đi ăn cơm.

— Không. Tui xin hai chục là lấy đúng hai chục, tui... nói một lời thôi.

Nàng mời gã một miếng thuốc nhưng gã từ chối, gã không thích hút thuốc. Khi nàng thắp lửa, miếng thuốc cháy đỏ rít vào giữa kẽ răng, chắc khuôn mặt nàng lúc đó có vẻ phong trần lắm làm người điên buồn bã. Gã lắp bắp.

— Cô bao nhiêu tuổi rồi?

— Hai mươi hai.

Người điên cười hề hề.

— Tui gần gấp đôi tuổi cô, tui bốn mươi rồi... mà cô coi tui còn trẻ không, tui cứ đi chơi tà tà cả năm, không lo nghĩ gì hết... là lâu già lắm.

Nàng gật đầu, nhìn vàng trán phẳng vô tư của người điên. Gã nhe răng cười như trẻ con, gã bỗng nói nhỏ giọng lại.

— Mà sao cô không... học hành gì hết vậy cô, tui thấy mấy người bằng tuổi cô họ còn đi học mà.

— Tôi bỏ học lâu rồi.

— Bỏ... bỏ học để đi hát phải không?

Nàng im lặng, khói thuốc lá làm khuôn mặt nàng trắng xóa như một giấc mơ. Quá khứ thỉnh thoảng, và bây giờ đã trở lại trong đầu óc nàng. Quá khứ nàng thật tâm thương, kể ra chỉ làm ngủ gục những người tỉnh táo, những người đòi hỏi những câu chuyện éo le lạ thường. Nhưng đêm nay, cái bộ óc không quá khứ của người điên, bộ óc lạnh lặn nguyên vẹn như một mầm cây non nằm sâu trong đất, có thể nào rung động đôi chút khi nghe nàng nói, nghe một vài điều ưu phiền bé bỏng.

Nếu người điên không nghe, nàng vẫn nói một mình cho nàng.

Tôi có cái tên của một loài hoa mùa xuân, nhưng đời tôi không trong sáng như mùa xuân. Ở tuổi mười tám tôi là một nữ sinh nhưng rồi đã bỏ trường học vào năm đó. Thành phố này có

những đêm lộng lẫy ở phòng trà ca nhạc, những cặp tình nhân ăn mặc sang trọng như tài tử, những người bồi mặc áo trắng thắt nơ đen thật đẹp cung kính cầm chai sâm banh rót vào ly, không khí mê hoặc của bóng tối trong căn phòng gần máy lạnh, hình ảnh rực rỡ của những cô ca sĩ dưới ánh đèn màu, âm thanh sôi nổi của tiếng đàn, trống kèn. Tôi đã yêu những thứ đó quá sớm, và khi tôi yêu điều gì, tôi không thể nào trốn tránh nó được, tôi lao đầu chạy theo như một dòng thác nước đổ ào xuống thung lũng.

Tôi tập tành hát hồng, mang những giấc mộng huy hoàng nhưng rồi chỉ là một cô ca sĩ vô danh trong cái thành phố quá khó khăn cho những ai muốn bắt đầu điều gì. Sài Gòn có thật nhiều thần tượng mà người ta đã thi nhau nhào nặn rồi dựng lên, những thần tượng phần nhiều là giả tạo nhưng rất vững chắc trước đám đông người dễ dãi. Tôi bỏ nhà, bỏ Sài Gòn, lên một tỉnh cao nguyên, tìm được một chân khiêm nhường trong phòng trà nhỏ. Mỗi đêm ra đứng trước ánh đèn chiếu vào người, mặc một bộ đồ da đen bóng cóp nhặt theo ca sĩ ngoại quốc, hát vài bài nhạc thời trang do khách yêu cầu rồi nghe một tràng pháo tay nhỏ nhoi. Cứ như thế mãi.

Trời Đà Lạt lạnh và cô đơn, tôi cần hơi ấm của một người tình. Tôi yêu dễ dàng một người đàn ông trẻ tuổi có khá tiền, và trở thành vợ của người đó thật đơn giản. Một đứa bé gái và một đứa bé trai ra đời, tôi trở thành đàn bà nhưng trong tôi có một tâm hồn trẻ con vẫn sống mãi. Tôi yêu nhiều điều, say mê nhiều thứ và chạy theo luôn luôn những điều tôi yêu. Người chồng và hai đứa con mang lại cho tôi hạnh phúc, nhưng tôi vẫn thêm khát nhiều điều khác nữa, những điều không phải là hạnh phúc, đôi khi đồng nghĩa với khổ đau, trời nổi. Tôi có thêm một hai tình nhân sang giàu và thể lực, công khai nép mình trong vòng tay của họ, tình yêu tôi đối với một vài người khá lâu dài, một vài người ngắn ngủi. Người chồng ghen tương đau đớn, cãi vã giận dữ rồi bỏ đi, rồi lại trở về. Đời sống chúng tôi không còn yên bình, sự yên bình mà người khác có thể tìm thấy dễ dàng, nhưng tôi chán sự yên bình. Người chồng tìm quên ở những người đàn bà khác, nhưng rồi cuộc đời trở về với tôi, và tôi cũng thế. Chúng tôi yêu nhau, nhưng đôi lúc thù ghét nhau và cả hai đứa cứ tiếp tục bị vây khốn trong một xích sắt siết chặt, cùng chìm đắm lẫn nhau vào nỗi khổ.

Tôi vẫn hát ở phòng trà nhỏ của cao nguyên để kiếm một số lương đủ sống. Tôi không suy nghĩ nhiều về âm nhạc, tôi chỉ muốn được trở thành một ca sĩ ăn khách nhất, được nhiều người hâm mộ, tiền thù lao trả cho tôi thật cao để tôi tiêu xài thỏa thích, mua sắm những bộ y phục đắt tiền. Tôi hát như một cái máy, ai cũng có thể bỏ tiền ra mua jeton cho vào máy, tiếng hát tôi sẽ tự động phát ra, chạy đều đều cho đến hết bài, như một bồn phạn đối với tiền bạc.

Một đêm khi phòng trà vừa mới đóng cửa, người nhạc sĩ nhìn thấy nàng đang đứng trước mái hiên, bên ngoài mưa rơi từng vệt óng ánh trong bầu trời đen. Nàng vừa hát xong, đứng một mình ngẩn ngai nhìn trời mưa, rồi lặng lẽ bước ra ngoài đường, thân hình nàng gầy nhỏ co ro trong chiếc áo đi mưa, mái tóc đen lóng lánh nước. Nàng dừng lại ở sạp bán thuốc, mua một bao thuốc lá rồi tiếp tục đi. Trong bóng đêm có những ngum khói xanh mỏng manh, đôi mắt nàng nhìn xuống mặt đường lạnh lùng như một người xa lạ trong thành phố. Người nhạc sĩ lần đầu tiên vừa nghe nàng hát trong phòng trà. Giữa đám khách đang bận rộn trò chuyện và nhậu nhẹt, tiếng hát nàng thật yếu ớt và lẻ loi. Nhưng người nhạc sĩ đã lặng yên nghe nàng hát, tiếng ca non dại như một loài chim nhỏ chưa vỡ tiếng, con chim buồn bã vì chưa thoát xác được trở thành loài họa mi mơ ước. Trong giây lát, nhìn dáng dấp cô đơn của nàng thật mơ hồ trên đường đêm, người nhạc sĩ đột nhiên nghĩ rằng những bài hát của anh chính là để dành riêng cho nàng. Cho dù những bài hát của anh thật khó khăn, đòi hỏi một giọng ca điêu luyện, cho dù tiếng hát của nàng còn non yếu. Nhưng khuôn mặt nàng với nếp nhăn đến sớm trên một vầng trán trẻ, đôi mắt mơ hồ buồn như màu sương nhưng đôi khi lóe lên những ngọn lửa tham vọng quyết liệt. Hình ảnh ấy bám chặt vào tâm trí người nhạc sĩ, anh biết những bài hát của anh bao lâu nay vẫn chờ đợi một tiếng hát đàn bà thật lạ thường, bây giờ đã trao hết cho người đàn bà anh mới gặp lần đầu tiên này, trao tặng như một món quà sinh nhật làm sung sướng cả hai người.

Anh gọi tên nàng. Những bước chân nàng ngạc nhiên dừng lại, và như thế là nàng cũng chấm dứt luôn đời sống nhằm chán vô ích, kéo dài lê thê trong phòng trà đêm đêm, ở một tỉnh lỵ lạnh lùng. Nàng vứt điếu thuốc xuống vũng nước mưa, thấp lên mỗi

một điệu thuốc mới. Ánh lửa rõ sáng một đám hồng hào trong đêm tối tăm, nàng bắt đầu hút một điệu thuốc mới. Một quãng đời vui mới, một trái tim nồng mới và một hạnh phúc êm ái mới.

Căn phòng của người nhạc sĩ có cánh cửa sổ nhìn sang khu rừng, từ bên trong tiếng hát của nàng ào ạt vỡ tung, bay ra theo khung cửa, chen lẫn với tiếng đàn. Ròng rã nhiều ngày, người nhạc sĩ tập cho nàng hát những bài của anh, hát trong một bầu không khí hoàn toàn mới mẻ, không còn bận tâm với bọn thực khách chung quanh, không nghĩ đến những lời hò hét yêu cầu của bọn say rượu, không cần phải liếc mắt cười tình với khán giả, không nghĩ đến số tiền lương mỗi tháng. Đến một lúc nào đó, tự do tuôn trào ra từ lồng ngực, dễ dàng như hơi thở, âm thanh vỡ tung hoang dại như loài dã thú. Dã thú lâu nay vẫn nằm bệnh hoạn trong cũi sắt, mòn mỏi hết những sở trường. Bao lâu nay dã thú không có rừng xanh, tiếng suối, cây già, không có không khí trong sạch của trời cao, dã thú tâm thường như một loài gia súc. Bây giờ cánh cửa lồng đã mở, dã thú có được tất cả những gì nó thêm khát. Tiếng hát nàng mới lạ như nàng mới nghe lần đầu tiên, và nàng cương quyết sẽ bám chặt lấy nó suốt đời.

Người nhạc sĩ cũng tập cho nàng biết yêu những bài hát, biết yêu những nốt lên cao vút như ước mơ, những nốt thấp trùng xuống như phận người. Anh nói: người ta không thể hát thật hay một bài hát nếu không yêu nó, nếu không cảm thấy những lời ca chính là những điều mình bao lâu nay ôm ấp chưa thành tiếng nói. Nàng đùa cợt.

— Như thế muốn hát hay hơn nữa, có cần phải yêu người làm ra bài hát không?

Người nhạc sĩ cười không nói gì, anh dừng đàn.

— Ngày mai anh về Sài Gòn. Dưới đó có một quán cà phê văn nghệ của sinh viên mới mở, họ mời anh về hát, ở đó có nhiều người chờ anh hát cho họ nghe.

— Em cũng về Sài Gòn theo.

— Em phải suy nghĩ kỹ lại. Ở đây, hát phòng trà em kiếm được vài chục ngàn mỗi tháng. Xuống dưới đó, hát cho đám đông nghe, chỉ uống nước đá lạnh mà đôi khi còn bị ăn cà chua nữa.

— Em suy nghĩ nhanh lắm. Quyết định rồi, em về. Em không cần tiền nữa, bây giờ chỉ cần có người hiểu mình, thành thật thích nghe mình hát, họ thêm nghe cũng như em thêm hát.

Tự đứng nàng nghĩ đến mây trời. Một đám mây cứ nằm mãi trên trời cao thật vô ích và buồn chán biết bao, sao không biến thành cơn mưa ngọt ngào rơi tràn ngập trên những cánh đồng lúa khô cạn.

Nàng bật cười, nói với người nhạc sĩ: bây giờ em mới đúng là con chim đến từ núi lạ, ngựa cổ hát chơi...

Đêm đầu tiên trình diễn bằng tiếng hát đích thực của mình. Sân khấu là hai kết bia xếp cạnh nhau đặt giữa sân cỏ, một ngọn đèn vàng treo trên nhánh cây trước mặt. Máy vi âm đang bỏ không, chờ đợi nàng. Chung quanh là đám người ồn ào vây đen kín, chuyển động không yên, cả một khu rừng người làm bằng những mái tóc lòa xòa bên cạnh nhau, những khuôn mặt trẻ tuổi ngược lên háo hức chờ đợi. Tiếng la hét hồi thúc nổi vang thêm lên và có một vài tiếng kêu bực dọc của một anh chàng nào đó ngồi gần bục gỗ. Nàng lo lắng nhìn người nhạc sĩ: đông quá, em sợ. Thoảng chốc, người ca sĩ chuyên nghiệp trong nàng đã chết, nàng cảm thấy sợ hãi trước những đôi mắt sáng thẳng thắn đang chờ đợi nàng. Đám người trẻ tuổi này không tốn một đồng khi nghe nàng hát, nhưng lại là những người có quyền khen chê khắc nghiệt nhất, tiếng vỗ tay nồng nhiệt hay những lời la ó dữ dội sẽ thốt lên từ những đôi môi hồng nồng nổi.

Nàng đứng run rẩy như một cô nữ sinh lần đầu tiên ra trước ánh đèn sân khấu.

Những người sinh viên phụ trách quán cà phê tất cả chạy lui chạy tới lo đủ mọi thứ công việc, sửa giây điện, thả lại máy phóng thanh, gắn đường giây máy thu bằng vào chiếc vi âm để thu tiếng hát của nàng. Người sinh viên chủ quán đưa mắt nhìn người nhạc sĩ, anh gạt đầu và thử lại những sợi dây đàn. Anh sinh viên ra trước máy vi âm, giới thiệu chương trình nhạc do người nhạc sĩ quen thuộc và một tiếng hát mới là nàng trình diễn.

Nàng ra đứng trên cái bục gỗ rất bấp bênh vì hai kết bia đặt không đều bằng nhau. Không có ánh đèn xanh đỏ chiếu vào người như ở phòng trà, nhưng cách xa nàng một khoảng ngắn có một ngọn đèn màu hồng mờ nhạt làm khuôn mặt nàng thật huyền ảo và lạ lùng trong đêm tối.

Nàng cố gắng không nhìn ai, gần như có cả một rừng đôi mắt

sáng rực rỡ chiếu thẳng vào mặt nàng. Tiếng đàn của người nhạc sĩ vang lên bên tai, rồi dần dần chậm rãi chờ đợi, nàng bắt đầu cất tiếng hát.

Dần dần những hình người chung quanh nàng đều mờ nhạt, tan biến vào trong bóng đêm, nàng không còn nhìn thấy một ai. Tất cả cảnh tượng vây phủ quanh nàng như một sa mạc hoang vắng, một sa mạc không cỏ cát trắng nhưng mà dày đặc màu đen. Lát nữa đây, tràng pháo tay sẽ làm cơn mưa quý giá rơi trên cát nóng bỏng, hay những lời xua đuổi sẽ là cơn bão cát dim chịt kẻ lữ hành. Nàng nhắm mắt lại, hay chỉ nhìn mơ hồ trên trời cao. Tiếng hát bay vào đêm tối như một tiếng gọi xa xăm nghe vừa thật hoang đường, vừa thật gần gũi. Âm thanh phiền muộn lãng đãng trôi về một nơi không bến bờ, như một cái gì không bao giờ trọn vẹn. Những khúc lên cao chưa đến tột đỉnh bỗng đứt nghẹn rã rời, dấu vết đờn đau đầy tràn trong tiếng hát, những đoạn xuống thấp nặng buồn như một thảm kịch.

Trong một khoảng thời gian dừng lại trên mái tóc nàng, tiếng hát ngừng ngắt thoát ra từ một đôi môi mê đắm, một đôi môi không có nụ cười, đã làm rung động kỳ diệu tâm hồn của những người trẻ tuổi. Khán giả đứng im như tượng đá, họ bàng hoàng đón nhận một thứ hạnh phúc lạ lùng chưa hề có, bỗng đứng trong một đêm tầm thường này, họ đã may mắn bắt gặp.

Lời ca cuối vút dài như một lần rơi quạt trên da người rồi ngưng bật. Bài hát đã hết. Bóng tối rực sáng tiếng reo hò cuồng nhiệt, những tràng pháo tay vang dội và những đôi mắt sáng lên rực rỡ. Bây giờ sa mạc đã có cơn mưa mong ước, Nàng cười tươi tắn như một cô bé thơ, sung sướng nhìn đám đông đang reo hò gọi tên nàng: Người nhạc sĩ nói nhỏ: em thành công rồi đó. Nàng đưa tay vịn vào vai người nhạc sĩ nghỉ mệt, những giọt mồ hôi sung sướng thấm ướt lưng áo nàng.

Bài hát thứ hai tiếp tục. Bây giờ nàng có thể nhìn những người trước mặt bằng ánh sáng thân yêu như nhìn một người bạn chân tình. Bây giờ đã có những người yêu thương tiếng hát của nàng và chờ đợi nghe nàng mãi. Những khuôn mặt xanh gầy của tuổi trẻ hiện rõ trước mặt nàng và nàng biết nàng đã hát lên những điều họ ôm ấp từ lâu trong tâm khảm, họ nghe nàng hát như nghe tiếng nói âm thầm trong trí não họ.

Nàng biết nàng đang nói giùm cho những cô thiếu nữ mơ

mộng trong vòng tay người tình, khi nàng hát bài *Tình ca của người mất trí*. Bài hát ấy là trái tim đau đớn của những người thiếu nữ xinh đẹp trẻ trung, đã sớm biết nỗi buồn của người góa phụ, khi người yêu của họ bất chợt ngã gục trên một chiến trường nào đó, ở Plei-mei, ở Đồng Xoài, ở chiến khu D hay ở ngoài Hà Nội. Nàng cũng có một người yêu tử trận trên miền núi, bây giờ nàng kêu khóc đau xót cho nàng và cho cả biết bao cô gái khác. Dưới ánh đèn, giọt lệ không bao giờ rơi trên mắt nàng, nhưng trong tâm hồn đã rơi đầy tiếng khóc hiu quạnh.

Tiếng vỗ tay lại vang đầy và nàng tiếp tục những bài khác. Khi hát bài *Mẹ ru con*, hình ảnh đứa con trai năm tuổi đang nghịch ngợm với khẩu súng nhựa hiện đến làm nàng sợ hãi. Bài hát là hai lời ru con của người mẹ trong thời đại này. Lần thứ nhất khi con thơ khóc chào đời, lần thứ hai trên xác người con đã hai mươi tuổi vừa hổ mình vì bom đạn. Nàng thầm mong cho đứa con của nàng không bao giờ lớn thêm tuổi, nàng kinh sợ biết bao phải ru con một lần thứ hai thật đờn đau trong đời. Nàng nhìn thấy những đôi mắt buồn bã, làn da mặt khô khan tái xanh của những người ở tuổi hai mươi đang đứng trước mặt nàng. Những người ấy, một mai hay có thể là sáng mai đây sẽ chôn vùi thân xác trong một năm mồ, đôi mắt xao xác vẫn còn mở lớn thương tiếc cuộc đời dài tươi đẹp.

Những bài hát tiếp theo mê hoặc lòng người như một thiên đàng ước hẹn. Trong những bản tình ca, giọng hát của nàng thanh thoi ngừng ngắt, đượm đầy nét tình tứ nồng nịu như một tình yêu trong vắt. Những người yêu nhau đêm nay đã được nếm ly rượu nồng nàn làm mạch máu căng hồng trong thân thể.

Tiếng hát chơi lại tuôn trào như toàn thân nàng rung động. Những sợi tóc mai thấm ướt mồ hôi, đôi mắt mê man nhắm nghiền, đầu ngẩng lên cao ngất và những ngón chân bám chặt trên sàn gỗ. Người nhạc sĩ yên lặng đàn nhưng những ngón tay anh bấm đau nhói trên sợi giây đàn, và sợi dây bền bỉ rung động mãnh liệt tưởng chừng như sắp đứt đoạn.

Người nhạc sĩ cũng lắng nghe tiếng nói của mình hôm nay vang động lên thật yêu dấu từ một người khác. Anh nghĩ rằng phải là một người đàn bà như nàng mới có thể hòa hợp tuyệt diệu với những bài hát của anh. Những lời lẽ, nhạc điệu sâu

thảm của anh không phải dành cho những cô trình nữ bình yên trong gia đình, những kẻ trong trắng chưa hề va chạm với đời hay những người nhạc máy trong phòng trà. Chỉ là nàng, tiếng hát mơ mộng và được một chút giang hồ mệt mỏi, cũng như đã sống đã nếm đủ mùi vị hoan lạc lẫn đau đớn của nàng, chỉ có nàng mới xứng đáng để hát những bài ca ấy.

Tiếng hát của nàng chan hòa với lời ca, là giấc mộng của một đời người thiếu thốn mơ đến ngày mai trong sáng.

Đêm đã khuya, tiếng hát tàn. Nàng ngộp người trong nguồn suối hạnh phúc của những lời khen ngợi chân thành, cảm tình chân thật của những người bạn mới. Nàng biết rằng mình đã lìa bỏ thật rồi bộ mặt của một cô ca sĩ chỉ làm thứ rượu khai vị cho khách chơi sang trọng. Tiếng hát của nàng giờ đây đã tìm được những tình nhân, tiếng hát không bỏ sót một ai, tiếng hát có mãnh lực không cho ai lơ đãng, bắt mọi người dừng lại những cử động, bắt họ lắng nghe từng lời. Tiếng hát không ru ngủ ai mà trái lại, làm cho mọi người thức giấc. Không giúp cho ai lãng quên đời sống, trái lại, giúp con người cảm nhận thấm thía những nỗi đau cũng như những niềm vui của đời sống.

Từ đó, những ca khúc của người nhạc sĩ soạn ra cho nàng hát, trở thành những ca khúc đời chân thực.

Quán cà phê dần dần là mái nhà thứ hai của nàng. Hầu hết thì giờ của nàng đều dành cho nó. Buổi sáng mặc chiếc jupe trắng, áo xanh màu nước biển, tung tăng như một cô gái bé bỏng, cùng với bạn bè ngồi nói dóc suốt buổi trong một quán nước bên đường. Buổi chiều cùng nhau dạo phố hay tập hát trong căn phòng của người nhạc sĩ. Ban đêm không cần sân khấu, không cần máy vi âm, nàng ngồi đơn giản trên chiếc ghế thấp như những người bạn khác, tiếng đàn vang lên bên tai là nàng hát.

Ở đây, nàng quen biết và yêu thương hết mọi người. Người nhạc sĩ, những gã sinh viên quá chán nản học đường, những người đói rách kiếm cơm từng bữa. Từ người tỉnh táo nhất như những nhà chính trị mai phục trường kỳ, chờ đợi ngày phát cờ lập sự nghiệp, đến người có trí não mù mờ nhất như người điên mang tên Quasimodo...

Người điên đã ngủ say từ lâu. Gã nằm ôm một đồng áo quần vào bụng, mắt nhắm nghiền, vàng trán vô tư không biết có chứa

một giấc mơ đẹp nào không. Nàng kêu : Quasimodo, Quasimodo. Nhưng người điên đã ngủ mê mệt, bỏ quên cơn đói ban chiều của gã.

Nàng cũng tạm biệt mọi người để trở về căn gác, hai đứa bé đang ôm gối ngủ nhưng cô bé choàng tỉnh ôm lấy cổ nàng. Nàng nói.

— Đêm mai mẹ đi hát ở trường đại học. Ước gì con lớn lên thật mau, biến thành một cô nữ sinh ngồi vỗ tay lớn nhất để ủng hộ mẹ.

Cô bé lắc đầu :

— Con không muốn học trường đại học đâu. Ở đó người ta mang kính cận thị nhiều quá thấy mà ghê. Mẹ ơi, con chỉ thích ăn cái kem gì nằm trong trái dừa đó mẹ.

Đã lâu người thanh niên mặc áo xanh không gặp nàng, và cũng không nghe nàng hát như ngày xưa. Bây giờ thỉnh thoảng sang nhà hàng xóm để xem nhờ Tivi, anh bắt gặp khuôn mặt mờ nhạt của nàng trên khung ảnh nhỏ chao động.

Một hôm, tình cờ anh nghe tiếng hát của nàng vang lên trong chiếc ra-dô nhỏ chạy rè rè, tiếng hát đã nuôi sống tâm hồn anh một thửa nào bây giờ sao quá lạnh lùng, dừng đứng như một người chết. Trong căn phòng nhỏ của anh bỗng nhiên tràn ngập hình ảnh tươi đẹp và sống động của nàng ngày xưa. Anh tắt vội máy ra-dô, cảm thấy sợ hãi và buồn bã lạ thường.

Từ lúc mùa xuân đem chiến tranh vào tận trung tâm thành phố, quán cà phê bị dẹp bỏ, bạn bè một người một nơi. Trận xung đột cuối cùng nào đó giữa nàng và người chồng, hai người ly dị nhau, nàng giữ lấy cô bé gái với hai bàn tay trắng. Những nhu cầu, đòi hỏi của thành thị thúc dục sau lưng nàng. Nàng không là con chim giữa cỏ hát chơi nữa, bây giờ nàng hát ra từng xấp giấy bạc. Phòng ghi âm của đài phát thanh, những hãng đĩa, ống kính vô tuyến truyền hình, những hộp đêm sang trọng. Bây giờ nàng đã trở thành một cô ca sĩ nổi danh và ăn khách nhất thủ đô. Nhiều người khác vây quanh lấy nàng, những khách chơi giàu sang và một người tình nhân mới.

Người thanh niên hồi đó có làm một bài thơ dành tặng

nàng, nhưng sẽ không bao giờ anh có dịp đọc cho nàng nghe nữa, bây giờ anh chỉ nhớ một đoạn ngắn.

...Chỉ ao ước nàng hóa thân vành khuyên bé bỏng

Mỗi đêm tóc xõa mỗi phai

Bàn chân trần lướt xanh trên cát

Hơi thở mầu thuốc tàn

Mà giọt lệ không bao giờ rơi

Âm thanh như đêm

Xóa nhòa linh hồn cũ...

Anh không dám trách nàng một điều gì cả. Anh cũng ao ước trở thành một thi sĩ nhưng không bao giờ anh trở thành một thi sĩ được cả. Anh phải chạy gạo kiếm cơm, muôn ngàn lo âu của đời sống đè nặng người anh như một phiến đá làm anh nghẹt thở. Cuộc đời không là một bài thơ cho anh.

Cuộc đời cũng không là một bài hát cho nàng. Bây giờ, giấc mơ danh vọng ngày xưa đã đến với nàng. Nhưng nàng còn hát được những ca khúc đời thật tuyệt vời hay không?

hoàng ngọc tuần

MẶC ĐỒ

« bloc - notes »

Tháng bảy 1969

● Tâm sự trong một cuộc đối thoại, nhà văn già François Mauriac có những ý nghĩ khá chua chát. Ông nói : « Tôi sợ không phải sợ rằng sẽ bị quên sau khi chết mà sợ rằng không được quên. Sách vở của chúng ta sẽ không còn, chỉ còn những cuộc sống thâm trầm kéo dài lay lắt trong những sách giáo khoa. »

Lời nói — với hương vị chút rượu cạn đáy ly — tìm thấy giữa mùa mưa ngâu gọi lên một âm hưởng ngao ngán. Có là gì cuộc đời những người viết. Nó cũng tầm thường như mọi cuộc đời khác. Cái khổ của những người viết là khi sống đã phải sống giữa « trường văn trận bút » rồi khi chết lại vẫn chẳng được yên. Người ta sẽ lợi dụng tinh bạn, người ta sẽ nhắm mục đích khai thác thương mại, người ta sẽ viện lý do khoa học (nào là phân tâm, nào là cơ cấu...) để đào bới, mổ xẻ con người và cuộc đời những kẻ cầm bút khi sống đã gây nên chút tiếng tăm hay tai tiếng. Nhưng đổ ai trong số những người viết, trước viễn tượng ai oán sau khi chết, có thể thốt lên được lời van xin để cho được yên sau khi chết ! Ai mà chẳng nghĩ tới chuyện tác phẩm còn lại với muôn đời ! Nguyễn Du đã để lại một thắc mắc, một ước vọng, « tam bách dư niên hậu ». Nhiều những người viết khác cũng thắc mắc, cũng ước vọng như Nguyễn Du.

● Có hai người trẻ tuổi tấp tễnh đi vào cuộc đời vợ chồng đã muốn nâng quyết định của họ lên tới độ cao tột và thiêng liêng bằng cách mời bằng hữu và những người thân tới dự lễ thành hôn

dưới một mái chùa. Nghi thức tôn giáo biểu diễn tất cả mọi long trọng thường lệ của những dịp long trọng. Nghi thức dưới mái chùa phảng phất nghi thức dưới vòm giáo đường. Cũng có chuyện ràng buộc nhau bằng vụ trao vào ngón tay nhau mỗi người một chiếc nhẫn, qua bàn tay thiêng liêng của vị tu sĩ hành lễ...

Hai con người, sau khi đã chán cảnh đơn độc, níu lấy nhau để trả nợ và gây nợ. Đó là một hành động tầm thường, một hành động sát mặt đất, chìm trong cõi đời, nếu đứng ở quan điểm Phật giáo. Thắc mắc ở chỗ một tôn giáo xây dựng trên tín ngưỡng giải thoát lại chứng giám cho một hành động tạo dết mạng lưới vướng mắc. Đáng chú ý là vị tu sĩ hành lễ cũng thuyết giảng chung quanh đề tài hôn nhân.

● Biển cổ lớn trong tháng phải kể cuộc viếng thăm Cung Trăng của hai người phi hành không gian Mỹ. Về phương diện lớn — tức là gây nhiều xúc động mạnh, sâu xa, gọi được sự chú ý rộng rãi — không một biển cổ nào, trừ phi quyết định khùng khiếp mở màn trận chiến nguyên tử, có thể so sánh được với bước đi không lồ mà hai đại diện của nhân loại vừa đặt trên vùng Biển Trầm Lặng.

Căn cứ trên một số những cuộc thăm dò dư luận được thực hiện tại Hoa Kỳ và Âu châu trước ngày khởi sự chuyến bay Apollo 11, ta có thể nói là một nửa nhân loại đã hoặc thờ ơ hoặc sốt sắng phản đối vụ ném tiền lên Cung Trăng đó. Lý do thật giản dị, cỡ những bà nội trợ xách giỏ đi chợ. Tại sao lại bỏ phí hàng chục tỷ đôla vào một mục đích không đâu, trong khi ở ngay mặt đất này, ngay ở nước Mỹ giàu có, thừa thãi, còn có cơ man nào là người đói lạnh ?

Đứng ở quan điểm thuần lý, lời chê trách đó đúng, rất đúng. Nhưng ở đời này, từ khi con người sinh sống trên trái đất, lý không là lẽ phải duy nhất. Con người, với bộ óc của nó, là một hòa hợp giữa Tốt và Xấu, Bóng Tối và Ánh Sáng. Đời sống con người sở dĩ hào hứng chính bởi có sự đối địch thường trực giữa hai cực tương phản trong con người và giữa con người với con người. Cần tìm hiểu hơn là thắc mắc tại sao.

● Có những con người tối đến không thể đi ngủ sớm và cần có

một vài người bạn để ngồi đó với nhau không nói hay thỉnh thoảng nói lên những ý nghĩ thật riêng tư, người nói và người nghe chẳng cần hiểu. Những người đó có một chỗ lý tưởng là quán Đêm Màu Hồng.

Không phải những khách lạ hay quen của Đêm Màu Hồng đều thuộc loại người một phần nào ở ngoài lẽ đó. Quán Đêm Màu Hồng rất đông khách, những bàn ở gần bục trình diễn, dưới vòm ánh sáng trình diễn, đêm nào cũng đông những vị khách vui đời sống thường thức âm nhạc. Quả thật âm nhạc của quán Đêm Màu Hồng rất xứng đáng với nhiệt tình đãi ngộ. Giàn nhạc thì cũng vừa phải thôi, không độc đáo cho lắm. Nhưng những giọng hát phần lớn thuộc hạng kén chọn. Nghệ thuật bày giờ ồn ào quá, bác tạp quá, cho nên kén nghe người ta đến Đêm Màu Hồng. Đến để nghe những gì hầu như đã là dĩ vãng, hay nhắc nhở dĩ vãng nơi hiện diện những chân tài, nhưng xúc động thật, những bày tỏ chân thành. Dĩ vãng vượt ve tâm hồn đó được chuyển chở bằng những tiếng ca không biết mô tả làm sao cho đúng mà không mang tiếng nịnh.

Còn gì an ủi cho bằng lánh ngồi trong một góc xa, trước cảnh nhiệt thành cho đi bằng tài nghệ tuyệt vời và đón nhận, thậm cảm bằng bờ tai cũng tương xứng nhiệt tình, ngồi xa mà ngắm cuộc giao duyên nghệ thuật. Để lại bên ngoài bao nhiêu những vương bận, ngồi trong bóng mát mà say lẫn với rượu nhẹ rất nhiều thứ đáng say. Nếu những Đêm Màu Hồng cứ đều đều như vậy.

Nhưng cũng có những đêm đáng giận. Có đêm — rất may là hiếm — có những khách quên rằng đến để nghe và lão đảo cho rằng Đêm Màu Hồng là nơi chỉ để say men như những quán say khác. Càng giận nữa là ông chủ quán dạo này coi thường nghệ thuật chủ quán quá. Ngang nhiên sánh với chân nghệ thuật âm thanh và nhiệt tình thưởng thức, thứ rượu vang bọt được giót ra trong bóng tối thật tình thóa mạ nghệ thuật ủ men của một vùng đồi nho vang lừng danh tiếng. Thứ rượu vang bọt ở thung lũng sông Rhin làm sao có được cái cảm giác lẫn tẩn trong miệng của thứ vang bọt chân truyền. Vậy mà ông chủ quán vẫn có nhã ý đánh giá thứ nọ ngang với thứ kia như thường.

mặc đồ

thời sự

văn nghệ

• sách giả, sách thật

Sách giả ở đây là những cuốn tiểu thuyết được in lậu, lén lút, nhà xuất bản không biết và tác giả cũng không hay. Nguyễn đình Toàn khám phá ra cả hai cuốn tiểu thuyết Con Đường và Ngày Tháng của ông do An Tiêm xuất bản đều được in lậu, nghĩa là in thêm ra; và đã được in một cách cầu thủ, lỗi ấn công, văn phạm, chính tả đầy đặc. Những thiệt hại: Thiệt hại thứ nhất liên quan đến tác quyền. Tác giả bị ăn cắp, bị bóc lột một cách công khai. Có bao nhiêu ấn bản lậu như vậy? Có bao nhiêu lần cuốn tiểu thuyết được in lậu như vậy? Thiệt hại thứ nhì liên quan đến văn chương. Thứ nghĩ tới trường hợp một độc giả mua và đọc một cuốn tiểu thuyết đầy những « lầm lỗi » như thế. Chính tác giả đọc mà còn ngượng chín người và đôi khi còn ngạc nhiên vì chính văn chương của mình.

Thiệt hại thứ ba liên quan đến chính trị. Trong những cuộc bàn gẫu mỗi buổi sáng tám năm tùm ba nơi quán nước, còn nhớ một lần nghe mang máng một ông bạn nói về một trường hợp xảy ra ở ngoài Bắc. Một cán bộ của Đảng lên tiếng tố cáo đế quốc bỏ tiền « mua » cả một hệ thống thư từ gửi đi hải ngoại và gửi về. « Mua » ở đây có nghĩa là đế quốc có thể kiểm soát tất cả những thư từ, báo chí, công cũng như tư. Không phải chỉ kiểm soát để biết xuông thôi mà đế quốc còn có những kế hoạch hành động khác

nữa. Chẳng hạn trong hơn một trăm số báo Nhân Dân gửi đi hải ngoại có một tờ báo « lậu », một tờ được in thêm ra, hình thức y như tờ báo Nhân Dân thứ thiệt, nội dung xem phớt qua thấy cũng y hệt nhưng đề ý lẩn mới biết trong một đoạn văn có một chữ « khác », trong một bài báo có một mẫu văn « khác ». Những chữ, những câu văn khác này xem kỹ cũng đại loại như toàn thể bài báo, không gây ra những phản ứng mạnh, không có vẻ gì là phản động. Nhưng chính những danh từ hơi là lạ, ngô ngố, những đoạn văn hơi có vẻ khích động, gây ra những xúc động mơ hồ, không rõ rệt, sẽ là những trái bom nổ chậm, sẽ tạo nên những mầm bạo động, bất mãn ngầm.

Nghĩ cho cùng anh bạn nào đó đã phịa ra truyện trên đề kể cho vui. Nhưng tại sao anh lại có thể « phịa » ra một câu chuyện hay ho như vậy? Câu trả lời: Đó chỉ là một giai thoại mô phỏng cuộc cách mạng văn hóa thường trực (La révolution permanente) của Mao chủ tịch.

• Thơ lãnh tụ

Nhân nhắc đến Mao chủ tịch, tiện đây cũng xin mách các độc giả thân mến của Vấn Đề toàn bộ tác phẩm thi ca của nhà thơ họ Mao đã được một nhà xuất bản L'Herne ở bên Pháp ấn hành, trong đó gồm tất cả những bài thơ họ Mao sáng tác từ năm 1925 tới năm 1965, với những lời bình trữ danh của Guy Brossollet.

Mao chủ tịch cũng làm thơ? Điều đó thật ra cũng chẳng đáng ngạc nhiên. Trước Mao đã có Néron sai đốt cả một kinh thành để tìm thi hứng. Đó mới đúng là thứ thơ có lửa.

• Tuổi Ngọc của Duyên Anh

Duyên Anh làm tuần báo dành riêng cho tuổi nhỏ đọc. Tuổi Ngọc, tên tờ tuần báo, nhân đó lại là một dịp đề những nhà văn đã lớn tuổi viết về tuổi thơ đã qua của họ.

Nhưng theo tôi Tuổi Ngọc không nên thiên quá về văn chương và phải chú trọng đến phần giáo dục lớp tuổi 16, 17 về nhiều môn học khác nữa — Toán học chẳng hạn — Tuổi Ngọc nên mở một mục dạy lớp độc giả nhỏ tuổi đó về môn Toán học mới. Ở các

nước tiến bộ, người ta đã tìm cách dạy cho trẻ con biết ngay từ bậc tiểu học những khái niệm về « ensemble, groupe, corps.. » ích lợi của môn toán học mới: Trẻ con biết một cách vô thức, (vô tình mà biết) những luận lý toán học không cần phải đợi tới năm Đệ Nhất, các học sinh mới biết có môn Luận lý học. Hơn nữa Toán học mới còn mở ra những chân trời tưởng tượng, còn dẫn tới những triết thuyết căn bản của thời đại chúng ta.

● Bích Hợp và chương trình Nhạc Chủ Đề

Mỗi tối thứ Năm, khoảng từ 11-15 h, đài phát thanh Sài Gòn có chương trình Nhạc chủ đề do một « dạng văn » phụ trách phần « viết » và luôn cả phần « nói ». Ngày nay, khuynh hướng mới trong văn chương hình như nghiêng nặng về tính chất « phonétique » của ngôn ngữ (của văn chương). Độc giả đề ý đến « dạng » kể chuyện của một câu chuyện nhiều hơn là ý nghĩa hoặc tình tiết của chính câu chuyện. Và thỉnh giả của chương trình Nhạc Chủ Đề đã đề ý và ưa thích tiếng nói của người đọc và dạng hát của ca sĩ cùng một lúc. Chương trình NCD tối 10-7-69 dành riêng đề giới thiệu một dạng hát của một nữ tài tử sân khấu: Bích Hợp. Người phụ trách chương trình như muốn thỉnh giả nghe Bích Hợp hát đề nhớ tới một Bích Hợp trình diễn, một Bích Hợp của sân khấu cải lương. Có lẽ đó cũng là những ao ước thầm kín của Bích Hợp... Cô đã từ bỏ sân khấu, vào lúc vinh quang nhất đề lui về làm một người đàn bà bình thường. Khi cô hát lại một số bản nhạc cô đã hát trong khi trình diễn trên sân khấu, có thể cô đã mong muốn thỉnh giả cùng cô nhớ lại những xúc động do vai trò nữ diễn viên của cô gây nên. Cái giọng hát e dè, mong manh của cô làm nhớ lại hình ảnh một nữ diễn viên chuyên đóng vai trò thương tâm trên sân khấu cải lương cách đây trên mười năm. Bích Hợp can đảm đoạn tuyệt được sân khấu, bởi vì cô biết rằng chỉ có cách duy nhất đó để giữ mãi trong trí nhớ những người đã coi cô trình diễn về một Bích Hợp như một nữ diễn viên.

● Hành trình của Ulysse hay là bản mật mã Odyssée

Một câu chuyện kể (récit) của một người đi biển cô đơn hay là một cuốn chỉ nam cho những thủy thủ người Hy Lạp ? Đó là câu hỏi mà Gibbert Pillot đã tự hỏi khi đọc lại thiên trường ca Odyssée của Homère. Trong cuốn sách của ông nhan đề « Bản mật mã Odyssée », Gilbert Pillot đã lựa chọn câu trả lời : « Cuộc hành trình của Ulysse chỉ như một cái cớ và ẩn sau cái cớ đó là những miêu tả một đường hàng hải liên quan đến sự cường thịnh và sức mạnh của một xứ sở. » Việc cần thiết là làm sao giữ cho thật kín đáo hành trình đó, con đường hàng hải đó. Chỉ có những người nào hiểu rõ, học thuộc lòng thiên trường ca mới có thể nhận ra con đường hàng hải. Trong thiên trường ca Odyssée rải rác những chi tiết, những chỉ dẫn được coi như là chìa khóa của những cuộc phiêu lưu của Ulysse : Những chỉ dẫn một con đường hàng hải : Từ Atlantique (Đại Tây Dương) tiến về hướng Tây Bắc của Âu châu.

Nhưng không phải ý kiến táo bạo của tác giả làm chúng ta kinh ngạc. Độc giả cuốn Mật mã bị quyến rũ bởi những suy luận mà tác giả dùng để chứng tỏ giả thuyết của ông. Đứng là một « enquête » của một thám tử trong cuộc tìm kiếm dấu vết cuộc chạy trốn của thủ phạm Ulyssee ! Trong đó tác giả nêu lên tất cả những gì liên quan đến hàng hải : chiều gió thổi, số ngày lên đênh trên mặt biển, vị trí của những chòm sao... Hơn thế nữa tác giả cũng không tự hài lòng với những phương pháp suy luận đôi khi trở nên liều lĩnh. Ông đến tận nơi để quan sát tại chỗ. Ông ở Carthage dùng phi cơ và thuyền đi Ecosse và phía Bắc Islande, những nơi mà Ulysse ngày trẻ có thể đã tới. Đến đây thì chính những cuộc phiêu lưu của tác giả làm độc giả lưu ý. Tác giả hăm hồ tìm lại được trận bão Charybde và mỏm đá ngầm Scylla. Ai cũng biết sự tình cờ, ngẫu nhiên vẫn vốn giúp đỡ nhiều những thám tử. Và nhiều khi những thám tử loại tài tử lại tìm kiếm ra được thủ phạm trong khi những tay nhà nghề bó tay hoặc lầm lẫn. Đọc lại Kiêu, đôi khi chúng ta không bằng lòng với những giải thích đã sẵn có, cũng vậy Gilbert Pillot đã cố gắng tìm nhìn (đọc) thiên trường ca bất tử Odyssée của Homère theo một nhãn quan mới.

Đón đọc :

LỬA VIỆT

Tuần Báo Tranh Đấu Chính Trị

do Phạm Nam Sách và Trần Quý Phong
chủ trương :

- ☆ Nói thẳng với người Mỹ
- ☆ Nói thẳng với Tổng Thống Thiệu
- ☆ Nói thẳng với anh em Quốc Gia
- ☆ Nói thẳng, nói hết, nói toạc móng heo
- ☆ Nói thật không sợ mất lòng

*Nói với hết thảy mọi người
nhưng*

không có gì để nói với Cộng Sản

tiếp theo từ trang sau

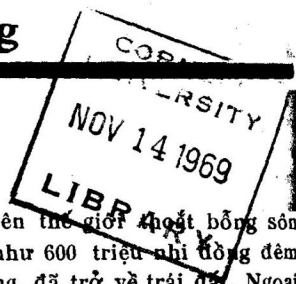
Trăng bắt ngát trên đầu và họ ngồi kề vai nhau trên một tảng đá. Chị : « Chỗ này thơ mộng vắng khuất thật hợp cho tự tình ». Anh : « Địa đầu trọng yếu như thế này mà không có lấy một điểm gác. Định đến làm sao. Tự vệ địa phương, hừ, toàn một lũ ăn hại ». Chị đặt tay lên phiến đá bên bờ suối, khen : « Phiến đá đẹp lạ. Như chiếu hoa cho chúng mình ngồi. » Anh : « Bọn tuyên truyền xã này phải đem ra kiếm thảo hết. Phiến đá nhẵn, phẳng như thế này, mà chúng không biết kê lên những khẩu hiệu. » Chị đã buồn lắm. Nàng thì dạt dào tình cảm. Chàng lý trí cùng mình. Nhưng đêm trăng ảo huyền xanh và chị lại khen : « Trăng trên đầu là bạn chúng ta. » Anh giận dữ : « Nó là bạn kẻ thù. Trăng thứ ấy là trăng đế quốc. Trăng sáng thế kia, phục kích sao được. Nó chỉ lợi cho địch hành quân và càn quét mà thôi. » Chuyện không nói thêm. Nhưng chúng ta cũng đoán được là cặp tình nhân không cùng một giai cấp, khác biệt một vầng trăng, thế tất phải thôi nhau.

Con trăng Việt Nam. Con trăng Việt Nam thâm sâu và lạnh buốt. Con trăng đất nước, con trăng quê hương. Con trăng chia miền, con trăng giới tuyến. Địch thực nó là con trăng vết thương đã bị nghiêm khắc kèm thảo bởi anh cán bộ vững chắc lập trường đêm nghỉ phép ngồi bên bờ suối. Hai mươi năm nay, trăng Việt Nam đã nghiêng xuống với những gì đây. Câu trả lời là giòng suối thơ mộng thần tiên kia đã chảy xuống và mất hút vào những đêm Việt Nam nghìn trùng bóng tối. Con trăng Việt Nam ta vỡ vụn hình hài. Đã tản cư. Đã vào thành. Đã trôi dạt. Đã mất khu. Đã băng hoại. Như người. Xuống tới đất ta, trăng trời đã chết. Như bảy người Do Thái trong La Peau của Malaparte bị đóng đinh trong rừng cây khủng khiếp — mỗi thân cây là một thập ác — trăng Việt Nam chết nghìn kiểu nằm ngồi. Treo ngược đầu trên một mái lò cốt. Chết vất nơi đầu ruồi một khẩu M.16. Lũng lảng trên một đường thép gai. Tất thờ từ một lỗ châu mai thất cổ. Chết vùi trong một hầm địa đạo. Chôn sống trong một đày chiến hào. Trăng lảng xa người. Như đã tối đen trong đầu óc người cán bộ nghỉ phép. Trăng làm hại người. Như đã làm hại người vợ sắp cưới kia, đã yêu người còn dám yêu thêm nữa một vầng trăng. Cuối cùng chỉ còn là thứ trăng đỏ thôi, với tôi, với anh một đêm kia, đi một mình ngoài cánh đồng xa, hay trên một con đường khuất tịch. Là cái bóng cho ta, ta cũng buồn rầu. Trăng cúi đầu đi. Như người lủi thủi. Dắt tay trăng, xanh nơi ta và rất lạnh nơi người. Những cái nhỏ, những cái buồn, thôi ta hóa thân vào nhau, đi thật xa, đi thật xa khỏi cuộc đời độc ác.

MAI THẢO

cùng một ánh trăng

mai thảo



Cái hiện làm cho hàng triệu người trên thế giới thoát bóng tối sao — 600 trăm triệu người đã thao thức như 600 triệu chỉ đồng đêm Giáng Sinh — là một phi thuyền đã tới trăng, đã trở về trái đất. Ngoại trừ 700 triệu người Tàu úp sách đỏ của chủ tịch họ lên mặt ngủ kỹ với con trăng công xã trong đầu, nhân loại đã nhập vào cuộc vui chung. Nga thua cuộc trăng. Nhưng dân chúng Nga đã tay vẫy chân mừng ra đường nhảy múa. Nhà tôi ở trong đây cùng một ngõ hẻm. Đêm thượng tuần, chân ngọc của trăng cũng chỉ một bước nữa với đặt lọt. Nhưng máy truyền hình Nhật đã ào vào khắp chốn, thì cái không khí hoang đường của chinh phục kỷ diệu đã trở thành một không khí rất bình dân. Người ta gọi trăng là cái bàn đạp đầu cho những bước chân siêu tần còn nhảy vọt. Có điều là trên những đồng ruộng, những địa hình, những giòng sông và những ngọn lúa đất nước chúng ta, con trăng tới những phút này, chưa hề được ngắm nhìn bằng một cái nhìn mới. Nếu cho một phía, đêm nay trăng là bằng hữu, đêm nay, cho một phía kia, trăng vẫn kẻ thù. Trăng chiến lược, chiến thuật. Trăng công đồn, phục kích. Trăng làm vũ khí cho hành quân đêm. Như thế, con trăng Việt Nam, con trăng hai miền, con trăng chiến dịch.

Con trăng trên Việt Nam tóm lại là con trăng duy nhất thế giới. Cùng một ánh dịu dàng, cùng một trời huyền ảo, mà Việt Nam ta đêm đêm từ dưới đất trông lên, thấy nó phản phúc khôn lường, phe địch phe mình, là bạn là thù, tả khuynh, hữu khuynh, tư bản, đế quốc, một nghìn khuôn mặt. Hồi ở ngoài vùng kháng chiến, tôi được nghe kể lại một câu chuyện về một con trăng lãng mạn, một con trăng phản động. Một con trăng phải cải tạo tư tưởng. Câu chuyện ấy về trăng được tuyên dương là tuyệt tác và điển hình nhất của hàng trăm chuyện kể trong những liên hoan. Như thế này. Một cán bộ nghỉ phép. Về thăm nhà. Công tác ngập đầu, nên phép nghỉ có một đêm thôi. Đêm đó là một đêm rằm. Trăng vắng vặc trên rừng trên núi. Anh cán bộ có một người yêu. Sắp cưới. Chị đợi chờ anh. Đêm trăng tuyệt vời đẹp. Hai người đưa nhau ra nói chuyện chung sống mai sau trên một bờ suối.